ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ
(Bát thập tứ niên)
Tòa-Thánh Tây-Ninh

Tập-San

THẾ ĐẠO

* Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống
(ĐứcHộ Pháp Phạm Công Tắc thuyết giảng)
(Bản dịch Đào Công Tâm & Chris Harney)
* Luận giải lời dạy của Đức Hộ Pháp
(HT Lê Văn Thêm)
*Nguồn gốc & Ý nghĩa Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì *(HT Mai Văn Tìm)*
* Nhìn lại những bi kịch của con người trước tội ác .... *(Nguyễn Anh Tuấn)*

Tập mới
SỐ 41
07-2009

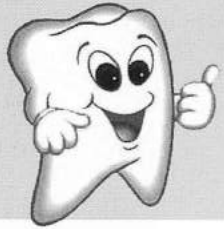

NORTH JACKSON DENTAL GROUP

NGUYỄN HỮU TƯỜNG, D.D.S. & TÔ MỸ HUỆ, D.D.S

Tel. 408. 923. 8272

125 N. Jackson Ave, Ste 104 San Jose, CA 95116

(Cạnh Alexian Brothers Hospital, giữa Alum Rock Ave và McKee Ave.)

- **Tốt nghiệp bác sĩ Nha khoa tại University of the Pacific, San Francisco.**
- **Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc.**
- **Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại.**
- **Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc nha khoa toàn diện.**
- **Được giải thưởng về :Need, character, and scholarship"**

●Tẩy trắng răng (**In Office Beaching**) tại chỗ, hiệu quả nhanh chóng

●Có máy **Laser** trị ê răng rất hiệu quả và trám răng không cần gây tê.

●Có máy **Digital X-Ray**, chụp bằng computer, giảm tia quang tuyến

●Có **Intra Oral**, chụp hình màu trong miệng thấy rõ những gì cần phải làm

●Niềng răng bằng **Invisalign** trong suốt không cần đeo **Braces**

●Làm răng giả loại mềm (**Fexible Denture**) không thấy kim loại

●Có máy **CEREC**, làm Crown tại chổ, chỉ trong 1 lần hẹn

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai – Thứ Bảy

9AM – 6 PM

TẬP SAN THẾ ĐẠO

Quartly Magazine

Issue date: July 2009

Published & Distributed by

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

A religious non-profit organisation

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone # 408-238-6547

Fax # 408-440-1372

Issue # 41

Mục Lục

1-Nguồn gốc và ý nghĩa " Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì" (HT Mai Văn Tìm) 03
2-Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống (Đức Hộ Pháp thuyết giảng)..... 15
3-" The Divine Path to Eternal Life" Người dịch :Đào Công Tâm & Chris Harney 40
4-Thử Tìm hiểu Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống. .(HT Hồ Văn Hoàng & HT Nguyễn Kim Mính) 70
5-Luận giải Lời Dạy của Đức Hộ Pháp. (HT Lê Văn Thêm) 82
6-Liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại 99
7-Danh sách,đồng đạo, Thân hữu, Cơ Sở yểm trợ Tập San Thế Đạo..... 101
8-Chúc mừng-Phân ưu 105
9-Tin tức Đạo sự tóm lược 112
* Lễ Tuyên thệ nhận nhiệm vụ Đầu HươngĐạo San Jose, CA của Phó Trị Sự Đỗ Danh Dự.
*Phái đoàn Châu Đạo California viếng thăm Thánh Thất San Jose, California.
10-Xây dựng Thánh Thất 119
11-Lược sử khai đạo (bài thứ sáu) (HT Nguyễn Trung Đạo) 132
12-Nho Giáo đại cương (Nguyễn Ước) 146
13-Nhìn lại bi kịch của con người trước tội ác của quyền lực chính trị (Nguyễn Anh Tuấn) 169

Nguồn gốc và Ý nghĩa "ĐẠI LỄ HỘI YẾN DIÊU TRÌ"

HT Mai Văn Tìm

A- LỄ HỘI YẾN DIÊU TRÌ LÀ GÌ?

Hội Yến Diêu Trì là ngày lễ truyền thống có tính cách đặc biệt quan trọng trong cửa Đạo Cao Đài. Cuộc lễ được tổ chức vào chiều tối ngày Rằm tháng 8 Âm Lịch tại Đền Thờ Phật Mẫu (Tòa Thánh Tây Ninh). Hội Yến Diêu Trì mang ý nghĩa về Bí pháp đạt Đạo, đây là một Hồng ân vô biên mà Đức Chí Tôn ban cho con cái Người trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ.

Hội Yến Diêu Trì là một yến tiệc nơi Cung Diêu Trì để mừng đón những Chơn hồn mới vừa đoạt Đạo trở về hội hiệp cùng Bà Mẹ Thiêng Liêng là Đức Phật Mẫu và nhập vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Từ khi khai mở Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn cho Đức Phật Mẫu đến lập Hội Yến Diêu Trì ngay tại mặt thế nầy nhằm đem cơ giải thoát đến tận độ cả con cái Người.

B- NGUỒN GỐC LỄ HỘI YẾN DIÊU TRÌ.

Lễ Hội Yến Diêu Trì được tổ chức lần đầu tiên vào ngày Rằm tháng tám năm Ất Sửu (1925), tại tư gia Đức Cao Thượng Phẩm ở đường Bourdais (Sàigòn) do lệnh dạy của Đức Chí Tôn. Đức Hộ Pháp trong một bài thuyết Đạo có diễn tả lại ngày Hội Yến nầy như sau:

"... Tuy buổi ban sơ mà dường như khối óc đã thâm hiểu nhiều rồi, nên Đức Chí Tôn mới ra lịnh biểu làm một cái tiệc. Ngài dạy sắp đặt cái tiệc ấy để đãi Đấng vô hình, đãi 10 người: Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương. Phần hữu hình có 3 người: Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Hộ Pháp. Sắp tiệc ấy do tay bà Nữ Chánh Phối Sư Hương Hiếu vâng mạng lịnh tạo thành một

tiệc, trên bàn thờ Đức Phật Mẫu, ở dưới sắp 9 cái ghế cũng như có người ngồi vậy. Chén, đũa, muổng, nĩa, . . .bất cứ cái gì cũng giống như đãi người hữu hình vậy.
Duy có 3 người xác thịt là Thượng Phẩm, Thượng Sanh và Hộ Pháp. Bần Đạo mới hỏi tiệc nầy là tiệc gì ? Ngài nói là Hội Yến Diêu Trì . . .
Ba người sống đồng ngồi ăn, còn bà Chánh Phối Sư Hương Hiếu gắp đồ ăn để vào chén cho 9 vị và trên bàn thờ Đức Phật Mẫu cũng như người sống kia vậy. . ."

Từ năm 1926 đến năm 1946, Nội ô Tòa Thánh không có thờ Phật Mẫu. Trong khoảng thời gian 1941 đến 1946, ông Đinh Công Trứ lập Trí Giác Cung, xây dựng Đền thờ ở đó. Nơi ấy được mệnh danh là Qui Thiện. Được biết nơi Trí Giác Cung Địa Linh Động là nơi ông Trứ thờ Đức Phật Mẫu đầu tiên. Đến khi Đức Hộ Pháp từ Madagascar trở về, Đức Hộ Pháp tổ chức trọng thể một cuộc lễ lớn, có sự tham dự của Hội Thánh Lưỡng đài, Chức sắc và tín đồ, "lễ rước Linh vị Phật Mẫu về Tòa Thánh".
Linh vị rước về thờ tại một căn nhà bằng cây vách ván lợp tranh, Đức Ngài gọi là "Khách Thiện Từ".
Cho đến khi di Quả Càn Khôn tại Báo Ân Từ về Đền Thánh để thờ (năm 1947). Linh vị Đức Phật Mẫu lại được làm lễ long trọng rước từ "Khách Thiện Từ" về Báo Ân Từ thờ cho đến nay, cũng có Hội Thánh lưỡng đài và Chức sắc, tín đồ tham dự.

C- QUANG CẢNH NGÀY LỄ HỘI YẾN DIÊU TRÌ.

Khoảng một tuần lễ trước ngày Rằm tháng 8, Công Viện Phước Thiện và Hành Chánh đã bắt đầu dựng các dãy nhà rạp chung quanh Đền Thờ Phật Mẫu. Các dãy rạp phía trước và hai bên Đền thờ được phân ra thành gian độ khoảng 2 thước vuông. Mỗi gian dành cho một đơn vị Hành Chánh Đạo chưng bày bông trái quả phẩm kết thành hình tứ linh hoặc có thêm hình tượng Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương . . . có đèn màu chớp giăng trông rất đẹp mắt.

Báo Ân Từ

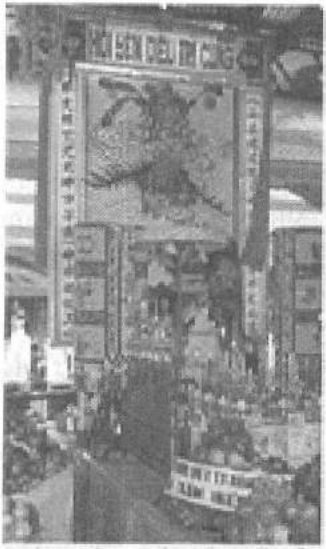

ĐÀN CHỨNG QUẢ PHẨM HIẾN LỄ

BÀN THỜ HỘI YẾN DIÊU TRÌ

Vào ngày Đại lễ nầy Đồng Đạo các nơi về rất đông có khi lên đến hàng trăm ngàn người. Từ sáng sớm đã thấy người ta tấp nập. Đến trưa có cúng Đại Đàn rằm tháng 8 nơi Đền Thờ Phật Mẫu. Khoảng buổi xế chiếu có phái đoàn Hội Thánh đi xem các gian hàng chấm giải cho các gian hàng đẹp nhứt và có ý nghĩa nhứt. Sau đó thường có buổi thuyết Đạo do các Chức sắc cao cấp thuyết giảng.

Đến 6 giờ thì cúng thời Dậu. Kế tiếp trời vừa mờ tối là có diễn hành các cộ hoa. Dẫn đầu là cộ hoa Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương ngự trên Long Mã với hào quang sáng rực rất oai nghiêm và đẹp mắt. Ngoài ra còn có múa Long, Lân, Qui, Phụng . . . Có các ban nhạc đi diễn hành hòa tấu. Thường thì cuộc diễn hành từ Đền Thờ Phật Mẫu đến sân Đại đồng xã trước Đền Thánh rồi quay về thì cũng vừa 8, 9 giờ tối, và bên trong Điện chuẩn bị cho cuộc Lễ Hội Yến. . .

Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung tổ chức tại Chánh điện Báo Ân Từ bắt đầu vào khoảng 9, 10 giờ tối 15-8-Al.Trong phần Nội Điện (giữa Nội nghi và Bàn thờ Đức Phật Mẫu), có đặt một cái Bàn dài, phủ tấm trải bàn màu trắng thêu hoa, chung quanh có đặt 12 cái ghế ngồi có dựa, phân ra:

- Chín (09) cái ghế sắp theo thứ tự từ 1 đến 9, có bọc nệm và vải thêu rất đẹp, dành cho Cửu vị Tiên Nương, trên mỗi ghế nơi chỗ dựa đều có thêu chữ: Nhứt Nương, Nhị Nương, ... đến Cửu Nương. Ở chính giữa, day lưng vào Bàn thờ Đức Phật Mẫu là ghế của Ngũ Nương.

- Ba (03) cái ghế khác kiểu hơn, đặt ở đầu bàn phía ngoài là của Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm và Đức Thượng Sanh.
Trên bàn dài, ngay trước mỗi cái ghế đều có đặt bốn món: Một bình hoa tươi, một dĩa trái cây, một cái ly dùng để rót rượu Champagne, một cái tách để rót nước trà. Trên bàn Thờ Đức Phật Mẫu cũng để ba món tương tự. Phía sau 2 dãy ghế của Cửu

vị Tiên Nương, mỗi bên có đứng hầu 9 cô Giáo Nhi, sắp thành một hàng dài, mặc Đạo phục toàn trắng, đầu bịt khăn vàng.
Kế bàn Nội nghi, về phía trong có đặt thêm 2 cái bàn, một lớn một nhỏ. Bàn lớn dùng để đặt các hoa quả hay phẩm vật của quan khách hiến lễ Đức Phật Mẫu. Bàn nhỏ đặt chai rượu Champagne và Trà để Chức Sắc Hiệp Thiên Đài bồi tửu và châm trà hiến lễ Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương. Phía trước Bàn thờ Chư Chơn Linh Nam phái có đặt một bàn tròn thấp và các băng vòng cung bao quanh để Ban Nhạc ngồi đờn hiến lễ.

Trước giờ hành lễ chừng 10 phút, các Giáo nhi vào Chánh điện bái lễ Đức Phật Mẫu, có vị hầu chuông nơi Nội điện khắc chuông điều khiển. Kế đó là các Nhạc sĩ của Ban Nhạc vào bái lễ. Tiếp theo là Chư Chức Sắc Cửu Trùng Đài, Phước Thiện và các Tín đồ Nam Nữ bái lễ Phật Mẫu. Tất cả đều mặc áo dài trắng như hàng đạo hữu chớ không có mặc đại phục vì trước mặt Mẹ mọi con cái đều bình đẳng.

Khi tới giờ hành lễ, các Chức Sắc Hiệp Thiên Đài đi vào Chánh điện, bái lễ Đức Phật Mẫu và cầu nguyện Đức Phật Mẫu và Cửu vị Tiên Nương giáng xuống Bửu điện chứng lễ Hội Yến Diêu Trì Cung. Chức Sắc Hiệp Thiên Đài làm lễ xong thì đứng luôn tại chỗ trước Nội nghi, khoanh tay hầu lễ. Sau mỗi bài thài, trong khi mọi người lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật thì các vị trong Hiệp Thiên Đài đứng chầu lễ chỉ xá 3 xá.
Một vị Chức Sắc cao cấp Hiệp Thiên Đài đi lên Bàn thờ Đức Phật Mẫu, cầm lư trầm xá 3 xá rồi đem lư trầm xuống xông hương khử trược từng chiếc ghế nơi Bàn Hội Yến. Đầu tiên xông hương ghế của Nhứt Nương, tiếp theo là ghế của Nhị Nương,... đến ghế của Cửu Nương bước qua xông hương ghế của Đức Hộ Pháp, rồi ghế của Đức Thượng Phẩm, và sau cùng là ghế của Đức Thượng Sanh. Xong thì đem lư trầm đặt trở lại nơi Bàn thờ của Đức Phật Mẫu.

Vị Chức Sắc ấy trở về chỗ cũ, Ban Nhạc khởi hoà tấu 5 bài cổ

nhạc hiến lễ Đức Phật Mẫu.
Năm bài cổ nhạc này là 5 bài trong Nhạc tấu Quân Thiên cúng Đại Đàn Đức Phật Mẫu, gồm: Xàng xê, Ngũ Đối Thượng, Ngũ Đối Hạ, Long Đăng, Tiểu Khúc.
Dứt phần tấu nhạc là tới phần thài hiến lễ Dâng Tam Bửu: Bông, Rượu, Trà.

Thài 3 tuần:
- Tuần đầu Dâng Hoa,
- Tuần giữa Dâng Rượu
- Tuần cuối Dâng Trà
Lễ Hội Yến chấm dứt khoảng 11 giờ đêm.

Chú thích:
Theo Bài Thuyết Đạo của Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa ngày Rằm tháng Tám năm Tân Hợi (DL. 3-10 1971) thì " . . .ở thế hữu vi chỉ có một LỄ HỘI YẾN ở tại Đền Thờ Đức Phật Mẫu tại Tòa Thánh Tây Ninh mà thôi. Nếu ai mạo hiểm tự tổ chức LỄ HỘI YẾN một nơi nào khác y như ở Tòa Thánh Tây Ninh thì phải bị tội phạm pháp không sao tránh khỏi, trừ phi Đức Hộ Pháp lúc ở Kiêm Biên, nhơn danh là Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài mới tổ chức được mà thôi. Nhưng sau nầy Đức Hộ Pháp đăng Tiên rồi thì ở Kiêm Biên chỉ tổ chức một buổi Lễ Tưởng Niệm mà thôi (không có Thài và không có Bồi tửu)...."

D- Ý NGHĨA HỘI YẾN DIÊU TRÌ.

1)- Hội Yến Diêu Trì thể hiện tình thương yêu và bình đẳng của Đức Mẹ đối với con cái Người :

"Bây giờ chúng ta thống khổ tâm hồn, ta tìm nơi đâu an ủi? Không có nơi nào khác hơn là chúng ta về cùng bà Mẹ Thiêng Liêng chúng ta.
Thưa cùng các bạn đồng sanh, sang hèn, giàu có thế nào cũng mặc. Người chỉ biết con cái của Người mà thôi. Dầu cho vạn

vật, hễ đồng sanh với một Bà Mẹ Thiêng Liêng vẫn được coi đồng một mực. Bởi vì tình thương của Bà Mẹ chẳng có thế gì phân biệt thương ghét, trọng khinh. Ấy vậy Đức Phật Mẫu là một Đấng đem công bình tâm lý an ủi con cái của Người. Người nói: Những điều bất công trước mắt con, vẫn là kiếp sanh ngắn ngủi mà thôi. Mà chỉ trước mắt Mẹ mới đủ quyền đem sự công chánh khi họ bị áp bức. Duy có Mẹ giữ tâm công chánh vì lòng Mẹ thương yêu mà thôi . . . "(Trích Lời Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp ngày rằm tháng 8 Mậu Tý (1948)

2)- Hội Yến Diêu Trì là hồng ân Thiêng Liêng của Đức Mẹ đối với con cái Người :

"...Mỗi phen chúng ta hội hiệp cùng Người mỗi năm một lần, thử khí nghiệm coi, cả con cái của Ngài khi về thì sẽ đặng an ủi và có cái vui hứng làm sao đâu, không biết mấy em Nam, Nữ có cái cảnh tượng đó hay chăng, chớ Bần Đạo mỗi phen được Hội Yến Diêu Trì, làm như Bần Đạo có uống một chén thuốc bổ. Tinh thần Bần Đạo nó vui hứng, mạnh mẽ tráng kiện làm sao đâu, có phải là cái huyền diệu ấy duy để cho cả con cái, Chức Sắc Thiên Phong, những người lãnh sứ mạng cao trọng trong Đạo hay cả toàn thể con cái của Đức Chí Tôn đều hưởng được.
Bần Đạo dám quả quyết nơi Đền Thờ của Đại Từ Mẫu chúng ta, Bà không kể con cái sang trọng cao sang của con Bà đâu, trái ngược lại Bà lại thương yêu binh vực những đứa con nào nó thiệt thà hèn yếu hơn hết.

Ấy vậy Qua nói rằng: Trong cả mấy em đây, nếu có đứa em nào thiếu thốn cả tinh thần và vật chất, thiệt thòi nghèo khổ, tật nguyền, Qua dám chắc Bà Mẹ Thiêng Liêng của chúng ta sẽ vui ở với những kẻ ấy lắm vậy. Qua chẳng phải nói để an ủi mấy em, mà sự thật quả quyết vậy. Qua chỉ cho mấy em thấy một cái Bí Pháp, là khi nào mấy em quá thống khổ, quá đau đớn tâm hồn, mấy em đừng vội sầu thảm, các em quì xuống giữa không trung, các em nguyện với Bà Mẹ Thiêng Liêng ấy một lời cầu

nguyện, Bần Đạo quả quyết rằng: Bà chẳng hề khi nào từ chối cùng mấy em. Qua đã thử nghiệm rồi, cả toàn con cái của Đức Phật Mẫu thí nghiệm như Qua thử coi...."
(Trích Lời Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp ngày rằm tháng 8 Nhâm Thìn (1952)

3)- Hội Yến Diêu Trì là một Bí pháp đoạt Đạo:

"....Từ khi Đạo bị bế Ngọc Hư Cung bác luật, Cực Lạc Thế Giới thì đóng cửa nên chúng sanh toàn cả Càn Khôn Vũ Trụ có tu mà thành thì rất ít, bởi phương pháp khó khăn lắm, muốn đạt pháp thì không phải dễ.
Cổ pháp định cho Chơn hồn về nơi Diêu Trì Cung, hưởng được Hội Yến Bàn Đào tức nhiên hưởng được Hội Yến Diêu Trì, ăn được quả đào Tiên, uống được Tiên tửu mới nhập vô cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống gọi là nhập tịch. Ôi thôi! Từ thử đến giờ có ai đặng hưởng nếu có đặng hưởng cũng một phần rất ít.
Giờ phút này Đức Chí Tôn quyết định tận độ con cái của Ngài, thay vì Bí Pháp ấy độ con cái của Ngài về nơi Kim Bàn Phật Mẫu đặng hưởng đặc ân thiêng liêng của Đức Chí Tôn.
Đức Chí Tôn buộc Phật Mẫu phải đến tại thế gian nầy để Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì tại cửa Đạo nầy cho con cái của Ngài giải thoát, ấy là một Bí Pháp Thiêng Liêng duy có tay Ngài định pháp ấy mới đặng.
Hôm nay là ngày Phật Mẫu đem Bí Pháp đặng giải thoát chúng sanh, tận độ toàn Vạn linh sanh chúng. Ngài để tại mặt thế này trong cửa Đạo này mà thôi...."
(Trích Lời Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp ngày rằm tháng 8 năm Kỷ Sửu (1949)

4)- Hội Yến Diêu Trì mục đích độ rỗi cho hết 92 ức Nguyên nhân:
"....Hại thay 100 ức nguyên nhân do Đức Chí Tôn đã để lại mặt thế này, đặng làm bạn với các đẳng chơn hồn trong Vạn Linh sanh chúng của Ngài đã đào tạo thì Phật vị có sáu ức, Tiên Vị có

hai ức, còn chín mươi hai ức nguyên nhân bị đọa trần. Từ ngày Đạo bị bế họ có lắm công tu mà thành thì không thành.
Tội nghiệp thay, vì 92 ức nguyên nhân ấy mà chính mình Đức Chí Tôn phải giáng trần mà lập nền chơn giáo của Ngài, chúng ta đã ngó thấy cái thánh ân, đặc biệt hơn hết là Đức Chí Tôn đã thấy rõ rằng: Các Nguyên nhân ấy không phương gì tự giải thoát đặng vì quá tội tình, quá mê luyến hồng trần hoặc đào tạo quả kiếp nặng nề quá đổi, vì cớ cho nên tu thì có tu mà thành thì không có thành, tức nhiên từ ngày Đạo bế thì cơ siêu thoát đã mất tại mặt thế này, chính mình Đức Chí Tôn biết rằng không thế gì các nguyên nhân tự mình đạt cơ giải thoát đặng.

Hôm nay, Ngài đến lập nền Chơn giáo của Ngài chúng ta đã ngó thấy lòng yêu ái vô tận của Ngài là thế nào? Chúng ta thử suy đoán không ai nói cho mình nghe hơn Mẹ của mình, không ai dạy dỗ mình có oai quyền hơn Mẹ của mình, cái tình trạng ấy đối với mặt thế chúng ta thế nào thì quyền năng nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống như in không có mảy may chi khác. Ngài lập giáo rồi còn một nỗi là kêu nó không đến. Ngài dạy mà không biết chi, chính mình Ngài đã nhiều lần hạ trần lập Đạo mà 92 ức nguyên nhân vẫn không biết để chun vào lòng yêu ái vô tận của Ngài, đặng hưởng cái hạnh phúc vô biên của Ngài đã đào tạo. Vì cớ cho nên Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu và Bần Đạo đã thuyết minh là nắm quyền Tạo hóa của Càn Khôn Vũ Trụ hữu hình trong tay Đức Phật Mẫu.

Có thể nói vào xác thịt chúng ta, để cho chúng ta nghe lời nói tinh thần thiêng liêng của Đức Chí Tôn, lời nói mà từ trước đến giờ chúng ta không thế gì nghe được, nhưng Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu cơ quan siêu thoát ấy, phải làm thế nào đặng tận độ 92 ức nguyên nhân trở về cựu vị. Muốn cho đạt đặng Bí pháp siêu thoát ấy, chúng ta ngó thấy Đức Phật Mẫu đã làm gì?
Đức Chí Tôn giao cho Đức Phật Mẫu nắm quyền hành để rước hết những chơn hồn khi đã đạt pháp tức nhiên đạt Cơ siêu thoát, lập vị mình đặng vào cái địa vị Thiêng Liêng, đạt đặng thì phải

về Hội Yến cùng Đức Phật Mẫu, lễ Diêu Trì Cung Hội Yến mà người ta gọi là Hội, nhưng thật ra chúng ta về hội hiệp vui cùng Mẹ sanh của chúng ta đó vậy...." (Trích Lời Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp ngày rằm tháng 8 năm Tân Mão /1951)

5)- Hội Yến Diêu Trì là cơ Đại Ân Xá để tận độ chúng sanh:

"... Chính mình Đức Chí Tôn biểu Đức Phật Mẫu tức nhiên Mẹ sanh của chúng ta cầm cả quyền năng giải thoát trong tay đến lập Hội Yến Diêu Trì tại mặt thế này và cả con cái của Ngài, nhứt là 92 ức nguyên nhân ấy, nếu nhập vào cửa Đạo tùng theo chơn pháp thì đặng hồng ân của Đức Chí Tôn cho hưởng cái Bí Pháp Hội Yến Diêu Trì tại thế này, cái cơ siêu thoát thiên hạ đã đạt trong tay họ sẵn, tức nhiên giờ phút cuối cùng này là giờ phút hứng thú, giờ phút chết của họ, thì họ đạt vị một cách dễ dàng, ngôi vị nào cơ quan siêu thoát Đức Chí Tôn đã cho không họ đó vậy. Nhờ đó mà cơ quan tận độ Vạn Linh của Đức Chí Tôn đã lập lại tại thế này, từ đây sẽ mở rộng cửa Thiêng Liêng Hằng Sống đặng đến gom góp cả con cái của Ngài, trở về hiệp một cùng Ngài, bí pháp Hội Yến Diêu Trì là vậy đó" (Trích Lời Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp, Trung thu Tân Mão/ 1951)

"... Cái nghĩa lý sâu xa ấy chúng ta thử để dấu hỏi tại sao Đức Chí Tôn đã đến bảo chúng ta Hội Yên Diêu Trì. Ngài muốn gì đó. Muốn cho toàn cả con cái của Ngài, chớ không phải với ba người đó mà thôi.
Đoạt cơ siêu thoát, tức nhiên ta nói thường ngữ của chúng ta là muốn cho toàn thể con cái của Ngài đoạt đặng cơ siêu thoát đó vậy. Vì cớ cho nên hôm rồi Bần Đạo có nói một câu rất chánh đáng: Xưa kia con người đi tìm Đạo, còn hôm nay trái lại Đạo đến tìm người. Ôi! Nếu ta tưởng tượng cái ân hậu vô biên của Đức Chí Tôn đã thi thố, thì chúng ta hạnh phúc không thể gì có ngôn ngữ nào mà tả cho đặng".(Trích Lời Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp, Trung Thu Nhâm Thìn, 1952)

6)- Hội Yến Diêu Trì là kỷ niệm ngày tạo thành hình tướng hữu vi của Đạo:

Ngài Hồ Bảo Đạo đã thuyết vào dịp Trung Thu Tân Hợi (1971):
"...Hình ảnh cuộc lễ Hội Yến Diêu Trì Cung nơi cửa Đạo Cao Đài hiện nay là một lễ Kỷ niệm lưu dấu ngày tạo thành hình tướng hữu vi của Đạo Cao Đài mà cũng là một đặc ân cho cửa Hiệp Thiên.
Lễ kỷ niệm nầy lẽ ra quan trọng gấp mấy lần ngày 7 Octobre 1926 là ngày thông báo cho chánh quyền Pháp buổi ấy biết rằng Đạo Cao Đài chánh thức thành lập và cũng quan trọng hơn ngày Rằm tháng 10 là ngày gọi rằng Khai Đạo chớ thật sự chỉ là ngày khai sanh hay là một lễ kỷ niệm ngày khánh thành đầu tiên, chớ ngày tạo hình tướng của Đạo, tức là ngày sanh của Đạo là ngày Rằm tháng 8, vào ngày Hội Yến Diêu Trì Cung đó vậy.

Ngày ấy là ngày vui cho sự trường tồn vĩnh cửu của cõi Trời ngược lại cảnh đào lộn của Tam thập lục động và cũng là ngày vui của sự trường tồn vĩnh cửu của Đạo Cao Đài đến thất ức niên (700 ngàn năm).
Ngày ấy yến tiệc linh đình nơi cung Diêu Trì thì cũng ngày ấy hình tướng của Thập Nhị Khai Thiên ở mặt thế nầy tức là Thập Nhị Thời Quân cũng tổ chức lễ Hội Yến để mừng ngày Đạo Cao Đài đã qui hợp đủ ba bửu vật cần thiết cho sự sống và tồn tại là Tinh, Khí và Thần và cũng là ngày tạo sanh hình tướng hữu vi của Đạo Cao Đài đó vậy".

E- TẠI SAO CHỈ CÓ CHỨC SẮC HIỆP THIÊN ĐÀI MỚI ĐƯỢC BỘI YẾN?

Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa thuyết vào dịp Trung Thu Tân Hợi (1971) như sau: "....Còn hỏi tại sao có mặt Thập Nhị Thời Quân dự bồi tửu trong bàn yến thì nên nhớ rằng ở cõi vô hình phải có Thập Nhị Khai Thiên tức là Thập Nhị Thời Thần phối hợp nhau

để tạo ra cung Trời thì ở mặt thế nầy đối tượng của Thập Nhị Khai Thiên là Thập Nhị Thời Quân cũng phải phối hợp cùng nhau để giúp tạo thành hình tướng của Đạo Cao Đài, vì đó mà Thập Nhị Thời Quân mới có mặt bồi tửu trong buổi lễ Hội Yến.

Bên Cửu Trùng Đài là hình ảnh của Cửu Thiên Khai Hóa, mà nơi cõi vô hình thì Cửu Thiên Khai Hóa chỉ là sự phân chia đẳng cấp của cơ Trời, còn về phần hữu hình thì Cửu Trùng Đài cũng chỉ là sự phân chia đẳng cấp trong cửa Đạo mà thôi. Nếu bên vô hình Cửu Thiên Khai Hóa không có dự phần phối hợp để tạo ra cung Trời thì trong đối tượng về phần hữu hình Cửu Trùng Đài cũng không có dự phần phối hợp để giúp tạo thành hình tướng của Đạo Cao Đài. Vì những nguyên do trên đây mà chức sắc Cửu Trùng Đài không có dự vào việc bồi tửu trong lễ Hội Yến Diêu Trì Cung và lễ nầy mới đặc biệt thuộc phần tổ chức của Hiệp Thiên Đài".

KẾT LUẬN:

Hội Yến Diêu Trì là ngày Đại Lễ mang ý nghĩa về Bí Pháp đạt Đạo cũng như là ngày khai sanh của Đạo Cao Đài. Cho nên mỗi người tín đồ nên hiểu rõ ý nghĩa quan trọng của ngày nầy và cũng nên về tham dự Hội Yến để được hưởng Hồng ân của Đức Phật Mẫu ban cho chớ không chỉ nhìn bề ngoài như là một Lễ hội Trung Thu vui vẻ như phong tục Á Đông xưa nay.

HT Mai Văn Tìm

Tài liệu tham khảo:
- Ý Nghĩa Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì (Tài liệu sưu tầm của Thánh Thất Westminster).
- Ngôi thờ Đức Phật Mẫu (Tùng Thiên Từ Bạch Hạc / Website: daocaodai.info)

CON ĐƯỜNG THIÊNG LIÊNG HẰNG SỐNG

Đức Hộ Pháp thuyết giảng

(Tiếp theo từ TSTĐ số 40)

21.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh Đêm 12 tháng 01 năm Kỷ-Sửu (09-02-1949).

Điều bí mật:
Mình làm gì? Đương làm gì? và Phải làm gì?
Sự liên hệ giữa Thiên Thần & Con Vật trong mỗi người

Đêm nay chúng ta rủ nhau dục-tấn trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống.
Chúng ta đã làm người, mà làm người thì đồng dung rủi trong con đường Đạo của Đức Chí-Tôn đến truyền-giáo nơi mặt thế-gian này, chính ta đem lại điều bí-yếu hơn hết là cái chơn-linh cao siêu Đạo-Giáo của Ngài.

Khi trước chúng ta đến quan-sát các cơ-quan chánh-trị của Càn-Khôn Vũ-trụ. Nơi Ngọc-Hư-Cung chúng ta cũng nên hiểu mình là gì cái đã, giờ mình đương làm gì, đừng để có cơ-quan bất ngờ như chúng ta đã gặp một trận thiệt-chiến nơi Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa.
Con người, Bần-Đạo đã thuyết-minh cái triết-lý ấy có hai phần đặc-biệt:
1- Chơn-linh tức nhiên tinh-thần huyền-bí do Đức Chí-Tôn xuất hiện .
2- Phần về hình, tức nhiên xác do Đức Phật-Mẫu đào tạo, một phần hữu-hình một phần vô-hình, phần vô-hình ấy chí-linh chí-thiện.

Phần hữu-hình nó vẫn là cơ-quan riêng. Phần chí-linh ấy nó vẫn tăng tiến mãi mãi lên cho tới các vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Xác thịt của chúng ta từ trước, các Đạo-Giáo đã tỉ con người chẳng khác như một vị Thiên-Thần cỡi một con vật.

Các nhà triết-lý từ thượng-cổ đến giờ họ để ra không biết bao nhiêu thí-dụ về Đạo-Giáo cơ bí-mật Thiêng-Liêng như Đạo-Giáo bên Pháp: "La Belle et la Peine" là Nàng Tiên và con Thú.

Các Đạo-Giáo nơi nào cũng vậy, đều phân biệt ra hai lý hiển nhiên. Tỷ như bên Á-Đông Phật-Giáo của chúng ta đã ngó thấy Đức Văn-Thù Bồ-Tát cỡi con Bạch-Tượng, Đức Từ-Hàng Bồ-Tát tức nhiên Đức Quan-Âm Bồ-Tát cỡi con Kim- Mao-Hầu, Đức Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát cỡi con Đề-Thính, như Bát-Tiên kỵ thú vân vân. Tỷ dụ về phần hồn, phần xác của loài người đó vậy. Nói rõ hơn nữa chẳng khác nào như cơ-quan Tạo-Đoan nơi mặt thế này, chúng ta ngó thấy hiển nhiên là cơ-quan vợ chồng, chúng ta ngó thấy chẳng hề khi nào một người mà lập đặng hay làm đặng phải đồng-tâm, đồng-trí với nhau mới đặng, nhứt là hai cái tâm hồn nó có đặc-biệt với nhau. Tuy vẫn liên-quan mật thiết với nhau mặc dầu, hai tâm hồn chẳng buổi nào đồng thinh đồng âm-chất với nhau.

Luật Tạo-Đoan cốt yếu buộc loài người, phải để ý cho lắm thì mình tự tìm lấy mình, vì Luật Thiêng-Liêng ấy buộc mình phải đi kiếm cái sống, đến tuổi cập-kê rồi mà không định đôi gả lứa, thì dường như thiếu cái sống, con người thiếu cái sống là thiếu vợ chồng đó vậy.
Luật Tạo-Đoan đã buộc mình tự xử với nhau, người Nam với người Nữ mà tự xử với nhau, làm sao cho điều-hòa thân ái, làm sao cho Luật Tạo-Đoan ấy được quân-bình nhau không chênh, không lệch, đặng chi? Đặng cho biết trong thân-thể của chúng ta.
Thiên-Thần và Con Vật tức nhiên họ có thể hòa với nhau, họ có phương thế, hai phương thế ấy hiệp với nhau, đồng sống với

nhau, đồng tăng tiến lên tới đồng phẩm-vị nguyên chất Thiêng-Liêng của họ, tức nhiên Ngươn-Linh của họ vậy.
Cả thảy khuôn luật ấy để cho chúng ta đặt trong tinh-thần một câu hỏi: Con vật với người có đồng-luật với nhau chăng? Không, con vật nó có luật riêng của con vật, con người có luật riêng của con người.

Ấy vậy trong thân-thể của chúng ta, vật hình của chúng ta nó có khuôn luật của vật hình. Còn về Luật Thiêng-Liêng (*1) nó có Luật Thiêng-Liêng. Hai khuôn-luật ấy nó không có tráo-trộn với nhau đặng, chúng ta ngó thấy hiển nhiên trước mặt, con người của chúng ta không đồng phẩm, không đồng tánh, không đồng chất.

Phương sống con vật không đồng với chúng ta, chúng ta không thể gì đem cơm đưa cho con ngựa mà nó ăn, chúng ta cũng không thể gì ăn cỏ được, chúng ta không thể gì bò xuống bốn cẳng mà chạy cả ngàn dặm đặng.

Còn con ngựa không thể gì ngồi đồng bàn như chúng ta đặng, một triết-lý nào mà thiên hạ đã vấn nạn về tinh-thần thì con vật với con người không thể gì đồng phẩm vậy.

Con vật tức nhiên xác thịt chúng ta đang mang đây, còn Ngươn-Linh tức nhiên là Linh-Hồn, hai cái không thể gì đồng với nhau, hiệp với nhau đặng.

Hai mặt luật ấy vẫn đặc-biệt với nhau không thể gì hiệp một. Nhưng điều mà thiên-hạ đã tỷ-thí nói rằng: Ta đoạt Đạo đặng "Bạch Nhựt Chi Thăng" biến hóa vô cùng, Mỵ-Thuật và Mỵ-Pháp không có, không có đâu, nếu có thì Đức Tam-Tạng khi đi thỉnh kinh rồi không bỏ xác trôi giữa giòng sông.
Sống hay chăng? Đoạt đặng cả cơ-quan bí-mật Thiêng-Liêng thì chẳng sống. Chúng ta không phải xác thịt mà đoạt đặng, nó

là con vật, nó phải tùng theo con vật, phải tùng theo luật hữu-sanh hữu-loại của nó.
Đoạt chăng nơi cửa Thiêng-Liêng Hằng-Sống tức nhiên là Đệ-Nhị xác thân của chúng ta, lời tục ở ngoài gọi là Vía của chúng ta đó vậy.

Ấy vậy, nơi cửa Ngọc-Hư-Cung là nơi cầm quyền chánh-trị của Càn-Khôn Vũ-Trụ, thì các phần hồn của mặt luật nơi Càn-Khôn Vũ-Trụ, về phần hồn nó không đồng với mặt luật nơi thế-gian này. Hai mặt luật, hai nền chánh-trị khác nhau đặc-biệt, chúng ta không thể gì tưởng-tượng hiệp một với cái kia, cho nên có nhiều cơ-quan trị Càn-Khôn Vũ-Trụ khác hẳn với cơ-quan trị nơi thế-gian này, dầu rằng nó có tương-liên mật-thiết hai nền chánh-trị, mà nó không tương-hiệp cùng nhau đặng. Không có lấy hình-luật trị thế gian này đem trị phần hồn được, vì không giống nhau.

Chúng ta phải biết chúng ta đi tìm gì đây? Đi tìm cơ-quan nào làm cho chúng ta đoạt đặng ngôi-vị vô-hình kia về phần Ngươn-Linh của chúng ta, đoạt phẩm-vị tối cao tối trọng là Phật-Vị. Chúng ta làm phương thế nào đoạt cho đặng Thánh-Đức (*2) của Đức Chí-Tôn, là Chúa. Chính Ngài là một vị Phật, một vị đã sản xuất ra Càn-Khôn Vũ-Trụ, sản sanh các vị Phật nơi Càn-Khôn Vũ-Trụ, chúng ta làm phương nào mà chúng ta đoạt-vị đặng cũng như Ngài vậy.

Chẳng khác nào như cơ-quan hữu-hình đứa con bao giờ cũng muốn làm, quyết làm sao cho giống tính chất Ông Cha, Cha làm được cái gì thì con cũng cố làm được cái nấy, tánh đức thiên-nhiên ấy không gì lạ hết. Các Chơn-Linh của loài người, bất kỳ một cá nhân nào, Bần-Đạo đã thuyết-minh dầu cho họ phàm bao nhiêu thây kệ, họ chỉ muốn làm Trời thôi, dầu cho họ hèn-hạ ra phàm-tục thế nào, mà nơi miệng họ bao giờ họ cũng muốn làm Trời, vì tinh-thần họ ngưỡng-vọng đoạt phẩm-vị ấy, trong

Càn-Khôn Vũ-Trụ, chúng ta thấy giục-thúc thế nào, giục-thúc bỏ con vật đặng tạo ra phẩm-vị Phật.

Bởi triết-lý trước mắt chúng ta không thể gì chối cãi được, chúng ta không thể gì lấy hèn-hạ mà sống được; hèn-hạ là con vật, hèn-hạ là con thú, tức nhiên là xác thịt của chúng ta đó vậy, nó giỏi ở chúng ta trong thời-gian mạnh-mẽ, rồi tới chừng bạc nhược tiều-tụy ta phải bỏ nó cho nó chết.

Còn con ngựa chúng ta cỡi nó là trong lúc nó còn tráng kiện, một ngày nào đó nó có thể dung rủi được Thiên-Lý, tới chừng nó yếu tha già thảy bị hủy bỏ, thì nó phải chết. Không lẽ chúng ta coi con vật hơn ta, thì chúng ta không thế coi xác-phàm này, con vật này hơn Ngươn-Linh ta, không khi nào ta coi con vật hơn Ngươn-Linh ta đặng.

Vì lẽ ấy mà các nhà trí-thức từ thượng-cổ đến giờ người rất cần-cù tìm-tàng nạo cả trí óc kiếm nguyên do cái sống của mình, đối với Càn-Khôn Vũ-Trụ coi toàn cả trong ấy có gì trọng-hệ mà phải tìm. Chúng ta ngó thấy tìm-tàng một điều là tại sao Ngươn-Linh của họ phải ở trong một con vật? Về tâm-linh đến tánh-linh họ có đặc-biệt, bằng chẳng vậy thì họ toàn là con vật bạc nhược, không bao giờ họ thắng nổi tức nhiên họ phải tìm nguyên do nào mà sản-xuất.
Vì cớ mà chúng ta thấy chẳng bao giờ loài người dám bỏ Đạo của mình. Họ là con vật, nếu họ bỏ Đạo tức nhiên họ là con thú mà thôi, họ không bao giờ dám bỏ cái Đạo của họ.
Họ muốn tìm-tàng thế nào, làm phương nào đem tâm-đức của họ lập giá-trị của họ. Lập giá-trị cho cái sống của họ.

Ấy vậy kỳ này Bần-Đạo đã mở màn bí-mật ra cho chúng ta thấy, coi chúng ta phải tìm cái gì? Rồi kỳ tới Bần-Đạo sẽ dắt cả thảy tới Ngọc-Hư-Cung đặng quan-sát cái chánh-trị của Càn-Khôn Vũ-Trụ cho tường-tận./.

22.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh Đêm 18 tháng 01 năm Kỷ Sửu (15-02-1949).

Triết lý của văn minh

Trước khi Bần-Đạo dắt cả thảy con cái Đức Chí-Tôn tấn bước trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống, nhứt là vào Cung Ngọc-Hư; có một điều trọng-yếu nếu không thuyết minh ra, trước khi vào nơi ấy chúng ta sẽ có nhiều điều khuyết-điểm. Toàn-thể con cái của Đức Chí-Tôn không có quyền đoán, triết-lý cao siêu trọng-yếu tấn-triển của phần hồn, nhứt là phương-pháp đoạt-vị của mình.

Còn một thuyết trọng-yếu nơi mặt thế này, làm cho các Đẳng Chơn-Hồn quả kiếp biết bao nhiêu thống khổ, nhứt là giục thúc chiến-đấu tấn triển từ thử đến giờ, đã gây biết bao nhiêu tội tình.

Văn-Minh.

Hôm nay Bần-Đạo thuyết hai chữ Văn-Minh của thời-đại này, Văn-Minh là gì? Lấy theo chơn-tự Việt-Ngữ tức nhiên Nho-Tông của chúng ta. Văn: nghĩa là những lời lẽ, hoặc là văn-hóa hay văn-chương, những lời-lẽ mà chúng ta đã đoạt đặng của người khác, hay của mình đặt ra. Minh: nghĩa là minh-bạch rõ-ràng, sáng-suốt, lời lẽ minh-bạch rõ-ràng, đã giúp ta đoạt đặng những phương-pháp, để mà định quyết tương-lai, hay là giữ tồn tại sự tiến triển trong kiếp sống của mình, hoặc là chúng ta dùng phương-pháp về văn tự, để lưu truyền ngôn-ngữ của chúng ta, đặng định một sự tấn triển của phương sống, hay phương-pháp sống của xã-hội, chúng ta đã định, chúng ta đã đoạt được, tức nhiên sự tiến-hóa tồn tại, bảo thủ với một phương-pháp văn-chương, đủ lẽ hay là giải-nghĩa bao quát của chữ Văn-Minh là Civilization.

Chúng ta nên hiểu có ba nghĩa Civilization, có thể tưởng rằng:

1- Một là tổng-số của sự tiến-triển về tâm-lý tức nhiên về chính lý, về khuôn khổ, về hình thức của sự sinh-hoạt con người đã đoạt đặng, và lấy trí óc bảo thủ cho nó tấn triển thêm, tấn triển cho mỹ-mãn hơn nữa.

2- Thứ nhì là tổng-hợp các sự tấn triển của xã-hội, một quốc-gia mà họ đã đoạt đặng, họ muốn bảo thủ tồn tại, nhưng họ bị tư-tưởng mới mẻ hay là những điều mới mẻ do phương tiện của sự sanh-hoạt mới mẻ sản-xuất, giục thúc họ, dường như muốn khám phá những cơ nghiệp của họ, đào tạo về văn-hóa của họ, về phương diện hạnh-phúc cho họ. Tư-tưởng mới mẻ ấy, có thể bỏ ra, nếu cả đại-nghiệp của họ được, họ tìm phương bảo thủ cho còn tồn tại.

3- Thứ ba là phương-pháp của tinh-thần quyết thắng vật-chất, tức nhiên là những phương-pháp mà chúng ta không thể đè nén cả tinh-thần về thể-chất của hình thú ta, với cái trí óc ta vẫn biết Thiêng-Liêng do Thiên-Tánh, đặng làm cho người xứng đáng làm người, không hạ mình xuống tánh chất con thú.

Với ba nghĩa lý ấy, nghĩa lý nào chắc? Nếu nói ba thuyết ấy chắc cả thảy ba, thì chúng ta nên nhìn nhận nghĩa lý sau chót hết là chánh đáng, tại sao? Mà không có thể tưởng tượng rằng: Giúp cho loài người đến địa-điểm có thể tưởng là hạnh-phúc được. Con người bây giờ có thể bay giữa không trung, như con chim kia là máy bay, có thể lặn xuống biển được là nhờ máy móc, có thể không ở mặt đất mà lại ở trên mây, trên không khí Thiêng-Liêng, nó không cần đi mà nó có thể chạy trên mặt đất, nó không cần bay mà nó có thể ở giữa lưng trời được, nhưng chưa phải đó là hạnh-phúc; đó là theo cái văn-minh mà thiên hạ tưởng-tượng, có thể đào tạo hạnh-phúc cho nhơn-loại đặng, không phải theo ôm bó hay an ủi hoặc bợ đỡ đặng mảnh thi hài đầy-đủ sung-sướng hạnh-phúc, hay nó giúp cho mảnh thi hài

này tưởng-tượng mình không còn một lực-lượng nào đối phó với mình, tưởng hạnh-phúc thực sự, nhưng chưa phải là thật hạnh-phúc của họ vậy, hạnh-phúc thiệt không phải là phần xác, hạnh-phúc thiệt của con người là phần hồn.

Chúng ta đã ngó thấy biết bao nhiêu vị vương-Đế đã tạo giang-san sự nghiệp, từ thượng-cổ đến giờ ai không tưởng đến: "Tứ Hải Vi Thiên Hạ Chi Giao", lấy hạnh-phúc của một Đấng làm Chúa cả các dân-tộc khác, mà so sánh dám chắc nếu chúng ta giở lịch-sử ra coi thì chúng ta để đấu hỏi mơ-hồ họ chưa có thể chắc hạnh-phúc được.

Trái lại chúng ta thấy một tấn tuồng: "Hễ càng cao danh-vọng lại càng dày gian-nan". Nếu họ không thỏa-mãn về tâm hồn thì không phải là hạnh-phúc. Dầu sang trọng, sung sướng cách nào cũng chưa gọi là hạnh-phúc được, không phải tâm hồn thỏa-mãn thì không phải là hạnh-phúc thật. Con người bao giờ cũng vậy, đi tìm hạnh-phúc chớ không phải tìm ăn, tìm sống, nhờ sống cho họ sang cả vinh-hiển phủ-phê thỏa-mãn, ấy là về phần xác của họ mà thôi. Dám chắc chúng ta đoạt được dầu hạnh-phúc ấy hiện hữu chúng ta thấy một vật vi hậu, con người bao giờ cũng vậy, thân-thể của họ sung sướng bao nhiêu đi nữa chỉ hai ba ngày đầu thôi, còn thú-vị đến năm ba ngày sau họ nhàm-nhí. Hễ họ đoạt được hạnh-phúc về phần xác, dầu cho họ đoạt được đến địa-vị bực nào đi nữa cũng không thỏa-mãn, cái hạnh-phúc không phải do nơi xác thịt này mà sung sướng hay vinh-hiển.

Ấy vậy, văn-minh tạo hạnh-phúc cho loài người về phần xác là đời, chẳng khác nào như ngọn cỏ đầu sương, bất quá là lòe con mắt cho thiên-hạ mà thôi, chớ chưa thỏa-mãn. Họ tạo dựng không phải tồn-tại, không phải vinh-hiển.

Cái thuyết của văn-minh là cái phương-pháp giúp cho con người biết duy-chủ con vật của mình, mà điều-độ sự sống còn tồn-tại nơi mặt thế này. Sống tạm tại mặt thế này làm cho họ thỏa-mãn

đặng điều-độ mảnh thi-hài, hay thể-chất này thôi, duy có tinh-thần đạo đức mới đặng.

Một lần nữa, giải thật nghĩa hai chữ Văn-Minh: Văn là quyền hạn, Minh là sáng-sủa đạo-đức. Nếu Văn-Minh mà thiệt-tướng được, là thực-hiện một nền Tôn-Giáo cao siêu tại mặt thế-gian này mới thiệt hạnh-phúc. Về phương-pháp Đạo-Đức mới thật hạnh-phúc./.

23.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh Đêm 26 tháng 01 năm Kỷ-Sửu (23-02-1949)

Con Đường Dục Tấn (Thiêng Liêng Hằng Sống) không có giới hạn

Đêm nay Bần-Đạo giảng tiếp dục-tấn trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống. Từ hôm nào tới nay đình-đãi đã lâu, có nhiều điều thúc giục Bần-Đạo phải thuyết, thuyết cho gấp, thuyết đặng cho biết, bởi vì thấy họ cuốn gói trở về nhiều lắm, Nam-Nữ cũng vậy, cần đi cho hiểu cho quen đường về của họ.

Chúng ta dục-tấn từ Diêu-Trì-Cung đến Ngọc-Hư-Cung, tức nhiên là Cung trị Càn-Khôn Vũ-Trụ đó vậy. Cung trị thế không cần nói, chúng ta cũng choán biết rằng: Chúng ta đến một Cung rất yếu trọng, chính nơi ấy là nơi cầm quyền điều khiển Càn-Khôn Vũ-Trụ.

Chắc mỗi người đều tưởng-tượng, nếu cầm quyền điều khiển Càn-Khôn Vũ-Trụ thì phải là một trường Quan-Lại náo nhiệt lắm, vậy chắc ai nấy điều tưởng-tượng phải có một trường Quan-Lại như mặt thế này.
Chúng ta tỷ-thí một chánh-phủ, mà nơi nào đã lấy làm Kinh-Đô để cầm quyền trị một quốc-gia, thì Kinh-Đô ấy bao giờ cũng náo nhiệt, Bần-Đạo xin nói hẳn rằng: Không có, không phải như sự

tưởng-tượng của chúng ta vậy đâu!

Bần-Đạo xin nhắc và giảng từ bước, đặng cho con cái Đức Chí-Tôn dễ hiểu. Bần-Đạo ngó thấy chỉ thuật lại xin cả thảy Nam-Nữ nhứt là mấy vị niên cao, kỷ trưởng, mấy vị Chức-Sắc Thiên-Phong phải để ý lắm và nhớ.

Bần-Đạo sẽ thuyết cảnh tượng ấy, cả thảy đều thấy hiện-tượng trước mặt.
Có một điều là từ giã Cung Diêu-Trì dục-tấn tới nữa Bần-Đạo thú thật khó dụ họ đi lắm, phần nhiều về nơi cảnh ấy họ hưởng được một hạnh-phúc vô đối, nhứt là các đẳng Chơn-Hồn đã chịu thảm khổ một kiếp sanh, về cảnh ấy hưởng được hạnh-phúc vô biên vô đối, gần Bà Mẹ yêu ái vô-lượng vô biên, biểu họ từ giả Bà Mẹ ấy mà đi thì không phải dễ. Nhưng có một điều trọng-yếu hơn hết, lời tục-ngữ người ta thường có nói: "Đi cho biết đó biết đây, ở nhà với Mẹ biết ngày nào khôn". Phải dục-tấn tới, thấy chán chường trước mắt mình, con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống, đi mãi không ngừng, chúng ta đi, đi miết tới nữa để học hỏi thêm nữa.

Ngày giờ nào, thời buổi nào, chúng ta có thể cầm nơi tay một quyền-năng vô tận như Đức Chí-Tôn, đặng tạo ra một Càn-Khôn Vũ-Trụ khác, làm đại-nghiệp của mình. Vì vậy nên con đường dục-tấn không có ngừng, không có giới hạn, vô lượng vô biên vô cùng tận, cũng như Càn-Khôn Vũ-Trụ chúng ta thấy trước mặt chúng ta đó vậy.

Nếu chúng ta ngó thấy cây phướn Diêu-Trì-Cung trước mặt chúng ta, chúng ta muốn tìm Cung Ngọc-Hư thì chúng ta xây qua bên mặt, chúng ta ngó ngay Cung Ngọc-Hư, bên trái là Diêu-Trì-Cung đó vậy.

Chúng ta đi hoài chẳng phải chúng ta dục-tấn như buổi trước, bởi cảnh giới khác thường huyền-bí lạ lùng. Chúng ta thấy

muôn điều trước mặt chúng ta điều do Chơn-Thần xuất hiện, Vạn-pháp thành hình không có điều gì chúng ta tưởng đến mà không có trước mặt. Cảnh tượng ấy nên hình nên tướng với một cách huyền-bí vô biên vô tận, chúng ta không thể gì tưởng tượng được.

Tỷ như con đường dục-tấn ấy chúng ta muốn có một việc lạ lùng là nếu chúng ta muốn đi đến cho mau, thì chúng ta đi như chớp nhoáng, muốn gì đặng nấy, tưởng thì nó hiện hình liền. Ấy là một địa-giới vô tận vô biên không khi nào lấy trí khôn con người mà tưởng-tượng được. Ôi còn khi bước theo con đường dục-tấn thì chúng ta không thể tỏ bằng ngòi viết đặng, bởi cảnh trí khoái-lạc vô biên.

Chúng ta hưởng hạnh-phúc nơi Cung Diêu-Trì một cách khoái lạc. Hạnh-phúc mà chúng ta hưởng được tưởng là hết rồi, nhưng chúng ta dục-tấn tới chừng nào độ khoái-lạc ấy cứ đến với ta mãi-mãi. Đi tới nữa, đi tới mãi, đi tới một mức khoái lạc hạnh-phúc về tinh-thần, vô tận vô biên, hưởng hoài không khi nào hết.

Khoảng đường mà chúng ta đi không có côi cúc, đi theo đường chúng ta gặp biết bao nhiêu người thân ái, bạn tác mừng rỡ không biết bao nhiêu.

Nếu chúng ta thấy một cảnh tượng của người nào lìa quê hương đi xa xứ, khi về gặp người chí chân của mình thì sự mừng rỡ của họ thế nào, chẳng cần tả ra cả thảy đều biết. Tưởng-tượng coi chúng ta gặp những người trên con đường dục-tấn là những người bạn thân yêu, tình nồng-nàn ấy không biết bao nhiêu. Muôn kiếp mới tạo được khối tình ái ấy, mỗi người chúng ta đều thấy trong thân-tộc của chúng ta, họ hiện-tượng không biết mấy muôn, mấy ngàn kiếp, chung chịu, chung đứng, chung đi với nhau trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống, hạnh-phúc vô cùng, không thể gì tả ra bằng ngôn-ngữ đặng.

Bần-Đạo dám bảo-kê rằng: "Nơi cảnh ấy chưa có buổi nào huyên náo hay có tiếng nào buồn". Không có buồn, không có biết đau thảm, chúng ta đi miết tới, vui mà đi. Đến trước mặt chúng ta thoạt nhiên có một thế-giái vô cùng tận, đẹp-đẽ lầu đài nguy-nga chớn chở, chúng ta tưởng-tượng rất huyền-diệu. Lầu đài ấy chúng ta ngó thấy một màu với nhau chỉ có một vật tạo thành mà thôi, vật đó dường như pha lê vậy, như kiếng, ngà ngà đục đục, màu thì trong, hào-quang chiếu diệu. Một cảnh Trời hào-quang chiếu diệu ra muôn đạo, vì tướng của nó tạo thành hình của nó.

Vì vậy mà các Trang đoạt Đạo khi xưa, đi về tới cảnh đó là nơi Ngọc-Hư-Cung, một địa giới huyền-bí làm sao! Không thể gì minh-tả ra đặng, huyền-bí về tinh-thần của chúng ta, vì nó do tinh-thần của chúng ta biến tượng, ta thấy hình-trạng nó vuông vức, chúng ta tưởng-tượng mà ra đó vậy. Chúng ta tưởng-tượng hình-trạng thế nào, thì nó ra thế ấy. Nếu vị kiến-trúc-sư nào, hay một ông kỹ-sư nào ngó thấy nó, đều muốn bỏ nghề hết bởi không thể gì làm được. Tôi sợ e cho họ ngó rồi chẳng phải bỏ nghề mà thôi, họ còn ngơ-ngơ, ngẩn ngẩn, như điên mà chớ, bởi đã hao tâm mà làm không đặng.

Chúng ta đến nơi ấy, chúng ta thấy thi-hài của mình biến-tướng y như hình-ảnh của khuôn-khổ trong địa-giới, hình chúng ta biến một màu một sắc, hễ nó biến theo được mới nhập cảnh ấy được, nếu biến theo không được, thì chúng ta bị đuổi ra, ấy là Pháp-Thân của chúng ta nó phải nhập cảnh giới ấy, nên câu kinh: "Rấp nhập cảnh Thiêng-Liêng Hằng-Sống là vậy đó". Khi vô đặng rồi, tưởng đâu thiên-hạ náo nhiệt, trùng-trùng điệp điệp lạ thường lắm, không có đâu. Chúng ta chỉ thấy Tông-Đường Thiêng-Liêng của chúng ta đang tiếp đón mừng rỡ. Ô!!! Nơi hội-hiệp các người thân-nhân của chúng ta, từ buổi chúng ta đoạt đặng địa-vị Tiểu-Hồi, lên tới phẩm Đại-Hồi, từ trong địa-vị Đại-Hồi ấy, mà chuyển-kiếp đoạt đến địa-vị Thần,Thánh,Tiên, Phật cả ngàn muôn triệu kiếp sanh.

Các bạn, các Tông-Đường, các Gia-Tộc chúng ta, chúng ta thấy muôn-muôn, trùng-trùng, điệp-điệp, không có định số được. Khi họ đến mừng, họ dẫn chúng ta đến một Cung họ dặn rằng: Nơi đây không đặng nói tiếng, chỉ tưởng mà thôi, hễ tưởng là như nói vậy. Tỷ dụ như: Tôi tưởng tôi muốn gặp anh tôi, thì tức nhiên cái tưởng ấy thành tiếng nói, mà lại có người anh đứng trước mặt liền. Cung ấy không có dùng lời nói, duy có tưởng mà thế cho ngôn-ngữ. Người ta dặn đừng tưởng Thần, Thánh, Tiên, Phật, bởi các Đấng ấy ở cảnh đó không có. Sở dĩ mà có, là tại mặt địa-cầu 68 này ta đặt ra, chớ nơi Ngọc-Hư-Cung không có, những danh-từ Thần, Thánh, Tiên, Phật chỉ dùng nơi trái địa-cầu 68 này mà thôi.

Chúng ta biết rằng: Đẳng-vị Thiêng-Liêng của các Chơn-Hồn không có phẩm-trật, chúng ta định nên có ngôi-vị, chỉ có ngôi vị tại mặt địa-cầu 68 này mà thôi. Chúng ta đã ngó thấy nhơn-loại nơi mặt địa-cầu này tinh-thần mỗi cá-nhân đều khác, hai ngàn bảy trăm triệu (2.700 triệu) chơn-linh nơi mặt địa-cầu này, thì hai ngàn bảy trăm triệu người không đồng phẩm chất, không đồng tánh chất, không đồng chơn-thần với nhau, cho nên không có khi nào mà hai người giống nhau, chưa có một chơn-thần nào giống nhau, thì cái thiên-vị kia nó không định giá được. Mỗi người đều có một phẩm-vị đặc-biệt của mình, mỗi kiếp sanh đều tấn, khi tấn tới có một sở định địa-vị của mình, mỗi một bước là một đẳng-cấp, đẳng-cấp định giai-cấp của mình, giai-cấp không phải giống nhau như ở thế-gian này. Bởi địa-vị không giống nhau, phẩm-vị chỗ nào thì đứng chỗ nấy, không ai xô đuổi không ai giành-giựt được, từ chối gì cũng không được, bởi không có danh-từ, mà danh-từ dường như để sẵn, bởi có địa-vị sẵn. Đức Chí-Tôn đã nói: "Đại-nghiệp của mỗi đứa Thầy có sắm sẵn cho đó".

Bây giờ nói về tánh-chất tôn-ti của mình, hằng-phẩm của mình đã không có, biết lấy chi mà định lấy nó, lấy gia-tộc của mình?

Bần-Đạo ngó thấy gia-tộc của các Đấng có mặt tại thế-gian này, thế-giới nghiệt oan của chúng ta, tức nhiên có năm trái địa-cầu có nhơn-loại ở, tức nhiên có tên của kẻ đoạt Đạo được là: Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Ngoài ra nữa chúng ta ngó thấy đại gia-đình của Đức Phật Thích-Ca, đại gia-đình của Đức Lão-Tử, đại gia-đình của Đức Khổng-Phu-Tử, đại gia đình của Mahomet, đại gia-đình của Jésus-Christ, đại gia-đình vinh-hiển hơn hết là đại gia-đình của Quan-Âm-Bồ-Tát, tức nhiên Từ-Hàng-Bồ-Tát vinh-hiển hơn hết là gia-đình ấy.

Ấy vậy gia-đình nào thì có phần trong gia-đình ấy, xây chuyển họ có tương-thân với nhau một cách mật-thiết, như một chơn-linh Kim-Thanh-Quan xuống thế này, có lẽ đầu-kiếp trong gia-đình của Từ-Hàng-Bồ-Tát, hay là của Khổng-Phu-Tử, hay là của Mahomet, hay là của Phật Thích-Ca, cho nên các chơn-linh ấy họ đã liên-quan mật thiết; vì lẽ ấy cho nên Càn-Khôn Vũ-Trụ có tên mình, dầu mà chúng ta muốn biết số trái địa-cầu thì chúng ta không thể gì biết được, chỉ có năm trái của chúng ta ở thì chúng ta biết mà thôi, chúng ta không biết cho hết. Còn ba ngàn (3.000) thế-giái kia với mười một (11) thế giái ở sau, giữa mấy trái địa-cầu kia, chúng ta không thể gì đoán được. Có nhiều khi thấy các Đấng lâm-phàm, hỏi ra dường như tinh-thần của chúng ta biết hết, cũng như có nhiều người bên Tây, bên Pháp mà họ biết nơi xứ Việt-Nam vậy. Nói dường như họ nói trên cung trăng, nhưng thật ra họ thấu-đáo cả chơn-tướng nơi mặt địa-cầu này, họ biết huyền-linh của họ, họ biết tài phép vô-biên của họ. Nói về kiếp-sống của chúng ta, không phải hành-hạ nó, nhưng phải tập nó hành nó. Nếu khi về được rồi thân-nhân của chúng ta dắt chúng ta đến một Cung có một quyển sách Thiên-Thơ để trước mặt ta, dỡ ra xem thấy tên mình và kiếp sanh của mình đã làm gì thì trong quyển Thiên-Thơ ấy nó hiện-tượng ra hết. Chúng ta tự xử chúng ta, mình làm tòa để xử cho mình, hoặc mình phải đầu kiếp hay là đoạt đến địa-vị nào, mình đứng đến mức nào, thì cũng do mình định-đoạt lấy.

Vị Chưởng-Quản nơi Cung ấy theo tiếng phàm của chúng ta đặt tên là Nam-Tào Bắc-Đẩu. Nơi Nam-Tào Bắc-Đẩu không có ai trị hết, chính ta trị ta; không có ai định kiếp cho ta, chính ta định kiếp cho ta; chưa có ai phân tội phước cho ta, chính ta định tội phước cho ta, mạng căn kiếp số ta, ta định, không có một hình-luật nào buộc được chúng ta, chúng ta có quyền tự-do, quyền sở-hữu định mạng căn cho ta vậy./.

24.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh Đêm 30 tháng 01 năm Kỷ Sửu (27-02-1949).

Tội lỗi chúng ta do tay chơn- thần chúng ta ghi chép nên không có cách gì chối tội

Bần-Đạo hôm nay giảng tiếp dục-tấn của chúng ta trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống.

Khi trước Bần-Đạo đã dắt cả toàn con cái của Đức Chí-Tôn vào Ngọc-Hư-Cung, Bần-Đạo đã cho họ ngó thấy trong Cung ấy để ghi chép cả quả kiếp của loài người.
Bần-Đạo hôm nay giảng thêm cho rành bởi vì cả cơ-quan chánh-trị của Càn-Khôn Vũ-Trụ là vĩ-đại lắm.

Chúng ta tưởng-tượng lại coi Ba Ngàn Thế-Giái, Tứ-Đại Bộ-Châu, Thất-Thập Nhị-Địa, tưởng-tượng lụng lại coi, bảy mươi hai trái địa-cầu ở trước hơn hết, cảnh đọa Ngươn-Linh của chúng ta, mười hai thế-giái. Trong 12 thế-giái của 72 trái địa-cầu, trái địa cầu nhỏ chót hơn hết của thế-giái đương nhiên chúng ta xuống, đấy là thế-giới nghiệt oan. Có 5 trái địa-cầu có nhơn-loại ở.

Chúng ta đây thuộc về trái địa-cầu 68, chúng ta thử nghĩ nhơn-loại nơi mặt địa-cầu này, hơn hai ngàn bảy trăm triệu nhơn-sanh, chúng ta thử nghĩ trái địa-cầu này, có gần một trăm mấy chục lần lớn hơn trái địa-cầu 68 này, như vậy chúng ta tưởng-tượng

xem có bao nhiêu nhơn-loại ở trên mặt Càn-Khôn Vũ-Trụ vĩ-đại này? Nếu chúng ta tưởng-tượng nền chánh-trị Càn-Khôn Vũ-Trụ, kể sanh mạng mỗi người không sót, chẳng phải để chúng ta nghĩ lại coi, họ lấy quyền-năng nào mà cầm quyền chánh-trị vĩ-đại ấy đặng? Chúng ta nên tìm hiểu với huyền-vi bí-mật ấy ở đâu? Chúng ta nên kiếm coi ở chỗ nào? Cơ-quan trị thế phải thế nào? Sửa chữa nó lại, cho nó phù hạp với cơ-quan chánh-trị của Càn-Khôn Vũ-Trụ, chừng ấy thiên-hạ mới được thái-bình, tinh-thần thế nào, hình-thể cũng vậy, không chi lạ. Cả nhơn-loại chưa đoạt-phép, chưa cầm được huyền-vi bí-mật, cho nên nhơn-loại còn loạn-lạc, có lẽ vì cớ ấy! Chúng ta đã ngó thấy, cái án kia chúng ta không thể chối, cái hình-phạt dành cho chúng ta, chúng ta không thể tránh đặng.

Cầm quyền rồi thì không có cái gì quá đáng, bởi tại làm sao? Tại cơ-quan của người ta nắm Bí-Pháp của người ta, quyền-năng vô tận vô biên, nắm giữ cả Càn-Khôn Vũ-Trụ, cái án, cái tội vô hình, chính nó đã có nơi pháp-thân của loài người, tức nhiên nó ở trong tay của Chơn-Thần chúng ta ghi chép, nếu chúng ta muốn chối tội thì chối sao đặng, chính Chơn-Thần ta định cho ta. Các tội-tình đều đưa ra trước mặt, từ Tiểu-Hồi tức nhiên là giác-hồn, sanh tử biết bao nhiêu kiếp sanh, mới đoạt đến Đại-Hồi. Cả cái sanh-hoạt, cả cái liên quan, cả cái căn bản, cả cái quả kiếp bất kỳ cái gì thì trong quyển Vô-Tự-Kinh đều có ghi ghép. Chính ta định cho ta, mà chối sao được, dầu muốn chối cũng không chối đặng. Chính Chơn-Thần ta định-án cho ta chớ không phải ai định-án cho ta, sợ hay chăng là điều đó vậy.

Ông Tòa ở thế-gian này khi định-án còn có Trạng-Sư để bào chữa, còn nơi đó không có Trạng-Sư để bào chữa cho ta, chính ta định-án cho ta, cái bí-mật vô-đối cầm quyền cả Càn-Khôn Vũ-Trụ là như vậy. Người ta để cho mình làm tòa xử lấy mình thì còn ai binh cho mình nữa. Không thể gì mình chối cãi tội, cãi án của mình đặng, vì chính mình định cho mình, nếu cãi đặng là qua Chơn-Thần sao? Không chối cãi gì được hết cả.

Ấy vậy trong các chơn-hồn có chia ra hai phần, hai hạng:

1- Hạng vì quả kiếp, đến trả tội cho mình, chúng ta nên đặt tên cho các đẳng Linh-Hồn ấy là: Kẻ tội nhơn đến để trả tội.

2- Hạng nữa là hạng du-học, đến để lập-vị cho mình.

Chúng ta ngó thấy một tấn tuồng quan lại, chúng ta nghĩ lấy làm ngộ-nghĩnh, nếu chúng ta chịu tội tình một mình ta, thì không lấy làm đau-đớn gì mấy. Ngặt một nỗi, phép huyền-vi vô-đối của Càn-Khôn Vũ-Trụ, buộc cả Tông-Đường, Tổ-Tông từ trước phải chịu cho ta, làm chứng cho ta, có đau-đớn chăng là vậy đó.
Một linh-hồn chịu quả kiếp nơi cảnh trần lúc trở về Ngọc-Hư-Cung, thì cả thảy Tông-Đường họ đều có mặt tại Ngọc-Hư-Cung để đón tiếp, quan-sát coi con đường mình đã đi qua, quả kiếp đã đi qua, quả kiếp có điều chi sửa đổi hay chăng? Có làm chi tội tình nữa hay chăng? Thay vì quả kiếp mình đi trong con đường Chí-Thiện, đoạt được Bí-Pháp Chí-Linh. Còn một vài chơn-linh đi ngược lụng lại thú hình gây thêm tội ác, mình thấy vì mình mà cả Tông-Đường đều chịu tội nên đau-đớn vô cùng.

Chúng ta phải biết các Đấng nhập vào Ngọc-Hư-Cung, tức nhiên các Đẳng Linh-Hồn ấy đã đoạt kiếp được. Có những kẻ đến thế nhập vào pháp-thân mà họ đã tạo căn quả, thì cả Tông-Đường họ khổ não lắm.

Bần-Đạo nói Tông-Đường Thiêng-Liêng thường ở tại Ngọc-Hư-Cung, cao trọng hơn hết là Tông-Đường của Quan-Âm Bồ-Tát tức nhiên Từ-Hàng Bồ-Tát. Tông-Đường cao trọng thứ nhì là Tông-Đường của Địa-Tạng-Vương-Bồ-Tát, Tông-Đường thứ ba là Đức Di-Lạc, ba Tông-Đường cao trọng hơn hết, còn nhiều Tông-Đường khác nữa. Mỗi người đều có Tông-Đường đặng ngồi ở đây là chờ ta.
Cả thảy đều do nơi quả kiếp mà đày xuống thế-gian để trả quả kiếp, trả hình-phạt. Một trường thảm não, nếu chúng ta gây thêm

tội ác, thay vì đi trong con đường chí-thiện đặng lập thiên-vị cho mình.

Còn một hạng gọi là hạng du-học, đến để lập-vị mình. Hạng này không sao hết, bởi Tông-Đường họ nhứt định cho họ đi học. Chúng ta ngó thấy con của một người thượng-lưu kia cho con đi học: Học để khôn, học cho hay, học cho giỏi. Nếu thi được giỏi thì mừng lắm, nếu học dỡ thì cũng vậy. Chúng ta thấy đứa con đi học bên Pháp, không có học, đến cuối tháng bên Pháp gởi Total de note về thấy điểm sức học của con dở, nó dở về Moral, về Géographie, về Leẫon de chose thì cười, bất quá nói thằng biếng học vậy thôi. Viết thơ biểu nó rán học thêm mấy Matière đó nữa, chưa khá mấy, hạng bình thường. Các bạn ấy họ đến giữ Đạo của họ lắm, mật thiết không có đê hèn. Họ không muốn đến, mà nếu họ đến thì cao sang lắm, chẳng hề khi nào họ hạ mình xuống làm tội nhơ-nhớp.

Chúng ta đã ngó thấy Càn-Khôn Vũ-Trụ, nắm quyền-lực làm cho chúng ta sợ hơn hết là làm cho Tông-Đường ta phải chịu khổ, trước cái thương của Tông-Đường ta, ấy là cái hình phạt vĩ đại ở cảnh Thiêng-Liêng, đến khi mãn kiếp trở về đoạt được cái thương hay là cái khổ của Tông-Đường thì mình đau khổ vô cùng. Hình phạt ấy vĩ-đại lắm nên các Chơn-Hồn đều sợ-sệt hơn hết.

Tại sao Đức Chí-Tôn đến Ngài trụ cả con cái của Ngài đặng lập Thánh-Thể hữu hình này, tại sao vậy? Bởi vì hễ tạo được mặt luật hữu-vi này thì cả thảy con cái của Đức Chí-Tôn đoạt-pháp đặng. Một ngày kia đoạt-vị trên cảnh Thiêng-Liêng Hằng-Sống, chưa có hạnh-phúc nào dưới thế-gian này bằng hạnh-phúc trên cảnh Thiêng-Liêng. Chúng ta hưởng được hạnh-phúc thiệt hay chăng là do nơi đó.

Thánh-Thể Đức Chí-Tôn là gì? Là một quyền quản-trị cả luật yêu-ái của Đức Chí-Tôn làm một khối, khối ấy dành để trong

tâm não của Ngài. Mỗi phần-tử luân-hồi là mỗi phần tử của Đức Chí-Tôn gieo trong cả hình-luật thương yêu ấy trong tâm não tinh-thần của mỗi người.

Chúng ta thấy Đức Chí-Tôn đã tạo Thánh-Thể của Ngài với một cái tình yêu ái, Ngài nói: Các con đã hưởng được cái quyền yêu ái vô tận, các con nên lấy tình yêu ái truyền cho các em con thế-kỷ này qua thế-kỷ khác.

Một hình-phạt đương nhiên nơi cửa đọa này chúng ta sợ hơn hết là hình-phạt trục-xuất. Trục-xuất là gì? Là đuổi ra khỏi cái đại gia-đình, Đại Tông-Đường của Đức Chí-Tôn đến đào tạo cho chúng ta. Một hình-luật tại mặt thế này đặng cho chúng ta không ra khỏi các Tông-Đường ấy, cốt yếu là vậy, sợ hay chăng là cái đó, án trục-xuất là vậy đó.

Người nào bị trục-xuất là bị đại gia-đình mình trừ bỏ, mà từ bỏ rồi thì thân mình là con vật không phải tìm hạnh-phúc riêng một mình được, vì hình-luật nó biểu nó, phải già rồi nó phải chết, nó không còn sống.

Cái quyền của Hội-Thánh trục-xuất chẳng khác nào bị đuổi ra khỏi Đại Tông-Đường của Đức Chí-Tôn đến tạo dựng, bị đuổi ở dưới này ở trên kia cũng vậy, đuổi phần xác thì phần hồn cũng bị đuổi vậy.

Ngày mình không còn ở trong Tông-Đường của Đức Chí-Tôn là ngày mình bị nhục, tưởng sống mà thân mình trả đặng nợ hay chưa cũng không đáng sợ, trong Tông-Đường của mình bị nhục mới đáng sợ./.

25.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh Đêm 4 tháng 2 năm Kỷ-sửu (03-03-1949)

Cung Phục Linh:
Tông Đường Thiêng Liêng của mỗi người

Trước khi giảng dục-tấn trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống, Bần-Đạo có nhiều điều khuyên nhủ về phương-pháp thuyết-pháp, thuyết-pháp tức nhiên là thuyết Đạo.

Trót gần hai năm trường, cũng gần 2 năm Bần-Đạo đã tìm phương thế cho toàn cả Thánh-Thể của Đức Chí-Tôn thuyết-giáo, có điều trọng-yếu về phổ-tế nhơn-sanh, cả thảy đều biết, nhờ cái thuyết-pháp mà chơn-truyền nó hiện-tượng, trọng-yếu của chơn-truyền Đức Chí-Tôn là vậy.

Một điều mình đã để tâm về thuyết-pháp, tức nhiên mình cần có mục-phiêu để cho tinh thần cả toàn thính-giả chú ý vào đây, tức nhiên cầm cây phướn Thần cho chúng ta trụ lụng lại triết-lý thuyết-pháp của mình.

Bần-Đạo thấy có một điều nên sửa chữa, có người lên nói một đề Nam, tới chừng thuyết đi qua đề Bắc, không nhằm đề gì hết, chẳng khác nào Bần-Đạo nói tôi tính đi Sài-Gòn thì thiên-hạ đều ngó về hướng Sài-Gòn, tới chừng đi thì đi lên mé Nam-Vang thành ra không ai hiểu gì hết, nên thuyết-pháp trọn bài nghe mà không biết gì hết. Thuyết-pháp tức nhiên có niêm-luật của phương thuyết-pháp, phải có niêm-luật chớ không phải muốn nói gì thì nói. Bài thuyết-pháp nó giống như bài thi vậy, nó phải có đề, có niêm-luật, có bình trắc, có thừa khóa, có trạng luận, thúc kết, phải giữ cho ăn với cái niêm-luật của thuyết-pháp mới đặng.
Đức Chí-Tôn dạy niêm-luật thuyết-pháp một cách kỹ-lưỡng, Cao-Thượng-Phẩm và Bần-Đạo có tập hai ba tháng vậy. Hễ

Cao-Thượng-Phẩm lên đài thuyết thì Bần-Đạo làm thính-giả ngồi nghe. Cần phải tập, không tập không thể gì làm được, không thể gì không tùng theo niêm-luật của Đường-Thi vậy, không thể gì nói cần đặng. Ngoài ra niêm-luật ấy nó còn Phù, Tỷ, Hứng, Thú nữa, phải học cho thuộc lòng. Bài văn hay ho là mình thuyết văn có mực thước, có phù ba có văn chương, có tài khẩu-thuyết mới được, không có khuẩn bức túng thiếu trong lời nói ngôn-ngữ của mình. TỶ- là lên đó mình phải "Quan tiền vũ hậu" lấy kim suy cổ, suy tầm những lý lẽ cho cao sâu. HỨNG - là mình lên đứng nhập vào cảnh tượng nào, thấy hiện-tượng ở thế-gian, phải cho ăn nhập vào cảnh tượng đó trong khuôn khổ đương nhiên cả toàn hình-thể hiện tại Đạo với Đời có liên-quan trọng-hệ mật thiết. Bài thuyết Đạo của mình hay ho có lẽ hứng lấy tinh-thần đương nhiên, đem ra tùy theo mình thuyết-pháp, mình phải giải-thích cho thính-giả thấu đáo.

Bây giờ muốn thuyết-pháp cho trúng và có đề hẳn-hòi thì phải có KINH, ĐIỂN, LUẬT. Kinh là Tứ-Kinh, Điển là Ngũ-Truyện; Luật là cả luật trị-thế từ cổ chí kim, đem ra làm cái niêm luật đặng tạo bài thuyết-pháp của mình, phải có niêm luật của mình, mình phải rán học, cần mẫn học, ấy là một điều chẳng phải dễ, nhưng phải làm cho đặng thay thế ngôn-ngữ cho Đức Chí-Tôn, đem chơn truyền của Ngài để vào tinh-thần của nhơn-loại, nếu mình làm không đặng cũng như mình làm cho Đức Chí-Tôn câm sao! Mình phải làm đặng thay thế ngôn-ngữ cho Ngài, nếu mình làm không đặng thì thay thế cho Ngài không đặng!
Từ đây về sau Bần-Đạo siết chặt lại là ngồi nghe, hễ còn nói bậy nữa Bần-Đạo sẽ phạt nặng đa nghe, đã gần 2 năm rồi không dung thứ nữa được. Bần-Đạo cho hay trước có bị phạt đừng than đừng trách, nói khó khăn gì hết, đã cho hay trước rồi mới làm.
Bây giờ cả Tông-Đường của chúng ta (Bần-Đạo nói đây là Tông-Đường Thiêng-Liêng đa), anh em chúng ta dắt chúng ta qua Cung gọi là Cung Phục-Linh. Các bạn phải biết muôn trùng thiên-hạ vạn điệp chơn-linh, nếu như ở thế-gian này dùng ngôn-ngữ mà thông công cùng nhau, tưởng sự náo nhiệt dữ tợn

lắm, nhưng không cần, nền chánh-trị phi thường, Bần-Đạo sẽ tiếp giảng tới cả thảy sẽ thấy một nền chánh-trị lạ lùng không thể gì tưởng-tượng được.

Ngôn-ngữ nơi cảnh ấy duy có tưởng mà đặng thông-công cùng nhau mà thôi, tưởng cái gì có cái nấy. Giả tỷ, Bần-Đạo muốn đi đến chỗ đó, người ta cũng đều hiểu rằng Bần-Đạo muốn đi đến chỗ đó. Các chơn-linh khác cũng tưởng mà nói chuyện với nhau, duy có cái tư-tưởng mà thôi chớ không có ngôn-ngữ. Chúng ta gặp biết bao nhiêu chơn linh quen thuộc thân mến yêu ái với chúng ta, cửa ấy chẳng buổi nào gặp một kẻ ghét hay kẻ nào không có thâm tình với chúng ta, có một điều các anh các chị nhớ nghe, nhớ cho lung.

Bần-Đạo sẽ giảng có ảnh-hưởng với kiếp sanh khi chúng ta chưa vô cửa, thì những anh em trong Tông-Đường ta có dặn trước khi vô cửa đừng có sợ-sệt gì hết, phải bình-tĩnh. Có điều chi thay đổi đừng sợ-sệt nao núng. Có dặn trước mà khi vô dường như mất thần, mất trí, hết thảy mê-muội, tưởng như không có ở trong cảnh ấy làm như thể chúng ta ám muội không biết đó là gì? Không biết đó là ở đâu? Không biết gì hết. Tới chừng tỉnh thấy một vị Phật Cầm cây Kiêm-Câu đứng trước mặt chúng ta và thấy Hộ-Pháp đang đứng bất ấn giữ linh-hồn chúng ta lại. Vị Phật ấy không ai xa lạ hơn chính là Phục-Linh Tánh-Phật đó vậy. Cầm cây Kiêm-Câu quơ một cái thì chúng ta tỉnh lại một kiếp sanh, tới chừng sống lụng lại thấy trong kiếp sống trước nữa. Hễ mỗi lần quơ thì chúng ta thấy mỗi kiếp sanh, chúng ta sống lụng lại trong cả kiếp sống của chúng ta, chúng ta đi thối lại từ mức Đại-Hồi cho tới Tiểu-Hồi, qua cho tới vật-loại, bởi chúng ta cả thảy đều là Hóa-nhân, không ai ở mặt địa-cầu này là Nguyên-nhân cả. Nguyên-nhân chúng ta đã đoạt được trong lần thứ ba là Đệ-Tam Chuyển, còn bao nhiêu đều là Hóa-nhân, cả thảy đều ở trong vật-loại mà đoạt kiếp cả.
Bần-Đạo chỉ một điều là Đức Di-Lạc Vương-Phật đương cầm quyền Càn-Khôn Vũ-Trụ bây giờ, hồi Thất-Chuyển mặt địa-cầu

này nó chưa thoát xác của nó. Kỳ phán-xét chót hết Đức Di-Lạc còn là con Dã-Nhơn (Con khỉ), con khỉ ở làm đầy tớ cho Đức Phật Thích-Ca. Đức Phật Thích-Ca buổi ấy là anh thôn quê dân da đen (Hắc-Chủng) như mọi vậy thôi. Ba chuyển tới là Đệ Tam-Chuyển, Trung-Ngươn Đệ Tam-Chuyển thì Đức Phật Thích-Ca đoạt tới Boudhisava, sau Đức Thích-Ca được vào hàng Phật tức nhiên là Boudha.

Đức Di-Lạc-Vương sửa soạn vào hàng Phật kỳ này. Ngài cầm quyền nữa Ngài đặng vào hàng Phật, nếu Bần-Đạo nói Đức Thích-Ca đến thế này, đến trái địa-cầu 68 này, hồi lúc nó chưa thoát xác của nó thì Đức Phật Thích-Ca đem hình-ảnh Ngài thay lần. Nên tổng-số kiếp sanh của Ngài nơi mặt địa-cầu này lối chừng một ngàn năm trăm triệu năm chớ không có bao nhiêu đâu.

Chúng ta đi vô Cung Phục-Linh chúng ta phải đi ngược lụng lại, đi trở lại xuống tới vật loại. Tới chừng nhập vô Ngươn-Linh, chúng ta dường như Ngươn-Linh của ta sống cảnh cũng như vật-loại vậy.

Lát nữa Bần-Đạo sẽ dắt vô trong Ngọc-Hư mà các Đấng đương thông công với chúng ta, Đấng ấy đương ngự tại Huỳnh-Kim-Khuyết là Ngọc-Hoàng Thượng-Đế, hay là Đại-Thiên-Tôn. Ngài có hai chức: Ngọc-Hoàng Thượng-Đế cũng là Ngài, mà Đại-Thiên-Tôn cũng là Ngài.

Nói lụng lại, tới chừng ta Phục-Linh, chúng ta đoạt được rồi, chúng ta thấy cả Càn-Khôn Vũ-Trụ là bạn, là tình với chúng ta. Các chơn-linh rần-rần, rộ-rộ trước mặt chúng ta nhưng không có ai lạ hết bởi vì nó có một đức, một căn-bản. Bí-mật là vậy đó. Bần-Đạo giảng tới vô Cung Phục-Linh thì mình mất cả tinh-thần hết, chúng ta thấy đã đi gần mút con đường sơ sanh. Buổi mới sanh chúng ta không biết gì. Kiếp sống bị một lần mê-muội, tới chừng chết chúng ta cũng bị một lần mê-muội nữa, mê-muội rồi

mới sống lại. Huyền-vi bí-mật là ở chỗ đó vậy, nếu không mê thì chúng ta biết được kiếp trước của chúng ta hết. Buổi mình định thần lại thì mới biết, thiên-hạ kêu bằng ăn cháo lú mới mê muội. Vô Cung Phục-Linh nếu chúng ta không mê thì chúng ta biết được kiếp sống, nhớ thì sống không đặng phải chết, bí-mật là chỗ đó. Ngày giờ chúng ta phục tánh chúng ta lại được, chúng ta thấy Đấng Tạo-Đoan tạo Càn-Khôn Vũ-Trụ là Đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế tức là Đại Thiên-Tôn đương ngự nơi Ngọc-Hư-Cung, dường như rủ chúng ta phải qua chỗ đó, qua đặng hiệp mặt cùng Đấng ấy, phải qua cho thấy Đấng ấy. Dầu cho Tông- Đường chúng ta hay bạn tác chúng ta giờ phút đó có nắm chúng ta biểu đừng đi, nhưng Chơn-Linh của chúng ta cũng đi qua Ngọc-Hư-Cung.

Bây giờ đến Cung Ngọc-Hư là nơi cầm-quyền chánh-trị Càn-Khôn Vũ-Trụ, không có một ngôi sao nào, không có mặt trời nào đứng trong Càn-Khôn Vũ-Trụ mà không chịu dưới quyền điều-khiển của Ngọc-Hư-Cung.

Quyền trị thế là hình-ảnh của Cửu-Trùng-Đài, một điều mà thiên-hạ tưởng-tượng khác. Có trị ai đâu? Bần-Đạo đã thuyết các chơn-linh tự-trị lấy mình, còn Ngọc-Hư-Cung duy có bảo-thủ tồn-tại cho họ và tác phước cho họ mà thôi, chớ không có trị. Tác phước ấy là họ muốn cho các Chơn-Linh ấy đặng hưởng phước họ không hưởng đặng, là tại quả kiếp của họ, nếu nói nhờ người cầm-quyền cho họ thấy mảy may quả kiếp của họ mà thôi. Trị là một vị Phật cầm quả kiếp chúng sanh, họ cũng không phải là gắt-gao lắm. Có nhiều Chơn-Linh biết quả kiếp của mình đặng nặng nề quá đỗi rồi không muốn sống nữa. Quả kiếp trọng hệ lắm nên các Đấng ấy duy có giảm bớt, kiếm phương thế giảm bớt mà thôi.

Trên Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa cốt yếu chỉ cho người tội nhơn ấy làm tòa xử lấy họ, họ biết tự-tỉnh lấy họ, tự-tỉnh lấy họ đặng ngó thấy quả kiếp bớt oai-quyền mà quyết định tội mình. Trái

lại người tội nhơn làm tòa xử lấy mình, còn người cầm-quyền lại để bảo-vệ hạnh-phúc, giảm bớt tội tình cho ta, cầm-quyền chánh-trị Càn-Khôn Vũ-Trụ là vậy đó, cầm để tác-phước và giảm-tội chớ không phải để buộc tội, để không phải định án. Định chăng là do nơi mình, mình làm Tòa cũng mình, nếu có Trạng-Sư cũng không qua đặng. Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa là cung để cho mình định tội lấy mình không qua không đặng. Nền chánh-trị Càn-Khôn Vũ-Trụ là vậy, cho nên khi chúng ta vô đến Cung Hiệp-Thiên Hành-Hóa rủi chúng ta có làm tội tình, thì dường như các Đấng ngự nơi Cung ấy hồi hộp lo sợ, họ sợ mà mình không sợ. Trái lại họ sợ cho mình, sợ mình kêu án mình quá nặng nói trái ngược vậy đó.

Thành thử, nơi Ngọc-Hư-Cung là nơi an-ủi các Chơn-Linh trong Càn-Khôn Vũ-Trụ, chính tay ấy cầm-quyền trị Càn-Khôn Vũ-Trụ để dìu-dắt binh-vực, chớ không phải để trị, các Chơn-Linh tự trị lấy mình, các bạn nên nhớ điều ấy, nhứt là mấy anh mấy chị vẫn phải biết cái bí-mật ấy đặng tự-tỉnh, tại mặt thế này mình trị mình trước đi. Trị theo cái thói của mình đấy, làm cho lấy có đi, để nữa Chơn-Linh mình về trển không có nóng, đặng ngày kia không có buộc tội mình nặng, làm theo kiểu quẹt lọ vậy mà biết tự-trị lấy mình, đừng hồi-hộp, đừng sợ-sệt gì hết, cho nên Đức Chí-Tôn thường dùng tiếng ăn-năn là vậy đó, tiếng ăn-năn nó hay ho làm sao đâu, đặng cho mình khỏi tự-trị lấy mình, quyền nơi Ngọc-Hư-Cung là vậy đó./.

(còn tiếp)

Đọc, Cổ Động & Yểm Trợ Tập San Thế Đạo

The Divine Path to Eternal Life

Translated by Đào Công Tâm & Chris Harney

(Continued from TSTĐ36, TSTĐ37, TSTĐ38)

21.- Delivered at the Tây Ninh Holy See 9th of February 1949 (Lunar Calendar 12th Day of the 1st month, year of the Buffalo) .

The Secrets inherent in what we have done,
What we are doing, What we must do:
The relation between Angel and Animal In Each of us

Tonight we have been brought together to move along this Divine Path to Eternal Life.

We are human, and being human we hurry along the Way of the Supreme Being who has come to preach that Way on this planet earth. We are ourselves creating most sacred matters to become a lofty soul suitable for His religion. Previously, we came to observe the political organization of the universe and at the "Ngọc Hư Cung" we should understand who we are and what we are doing now. Don't be surprised by the unexpected! We saw this during the true struggle at the "Cung Hiệp Thiên Hành Hóa.'

Human Beings, as I explained in that philosophy, have two special parts:

*The soul is our mysterious spirit, created by the Supreme Being, and,

* That part which is the invisible body, which is the part created by the Buddha Mother.

One part is visible, the other invisible. The invisible part should

be considered perfect as wel as the most mysterious.

The visible part is still a separate organization, whereas the invisible part still continues to progress all the way through the ranks of Geniis, Saints, Immortals and Buddhas.

From before history religions have likened the human physical body to the form of an angel riding upon an animal.

From antiquity the philosophers have shown multiple examples of religions, the sacred, and the mysterious traditions In France we have "La belle et la bete" or the beauty and the beast.

In this way all religions are essentially the same, they all distinguish the two obvious reasons for our motivation. For example in East Asia and in Buddhism we have seen Manjucri Bodhisattva (Đức Văn-Thù Bồ-Tát) riding his white elephant, or Từ-Hàng Bodhisattva (Đức Từ-Hàng Bồ-Tát) that is Quan Yin Bodhisattva (Đức Quan-Âm Bồ-Tát) riding the Kim Mao-Hẩu, or Ksitigarbha Bodhisattva (Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát) riding the Đề Thính and, of course, the Eight Immortals ride their animals and so on... We thus compare the spiritual and physical parts of the human. To put it even more clearly we see the mechanism of creation on this planet, and we can also see at work here the mechanism of husband and wife. We can see that it is never one person alone can achieve something, our hearts and minds must be unanimous so that we can bring our actions to completion. This is true of two souls special to each other; although they are concerned closely with each other, the two souls may never arrive at a unanimous position.

The law of creation is essential and obliges humans to pay attention and to move towards self-discovery. This law of mystery compels us so and one must search continually for the key to our life. It is like this when one reaches the age of

marriage. Some may not decide to become a couple and this means something is lacking in life, a human lack that becomes a missing element in the lives of a husband and wife.
The law of creation requires us to solve our own problems as well as the problems of others. The male and female who know how to solve their problems make harmony between themselves. But how do we make this law of creation balance rather than leave it unbalanced? We do it by understanding our physical body.

Now, angels and animals, how can they be harmonious? They do indeed have a method and by being united can live together, but only if they progress up to their original spiritual rank, that is, raise themselves to their souls.

This law allows us to formulate a question in our mind: can an animal and a human have the same law? No, an animal has its own law and humans have their own as well.

Therefore in our physical body we can see it has its own law. And in terms of a spiritual law it does indeed have such a law. Yet these two laws cannot be intermixed, we can see clearly in front of us that each of us share the experience of living, but we do not have the same dignities, nature and essence.

The way an animal lives is not the same as us. We cannot carry rice to a horse and then expect the house to eat it, just as we cannot eat grass. And we do not walk on all fours. We cannot run a thousand miles.

A horse cannot sit at the same table as us; therefore any philosophy that allows people to question the spirit shows that an animal and a human cannot hold the same dignity.

An animal – that is the physical body that we carry – and the spirit (Ngươn Linh) – that is our original soul. The two of them are unable to be equal and unite with each other.
These two laws are special to each other yet cannot be united with each other. There is a thing that people compare and say;

"We attain the way achieve Bạch Nhựt Chi Thăng" (Our bright day of ascension) and this allows you to unreservedly transform yourself. This is an incorrect dharma, or incorrect way, if it is true then Tripitaka after he received the script, did not let his body flow amongst the waters of the river.

Is this living or is it not? To achieve a spiritual and sacred mechanism is not simply living. We are not just a physical body to be won over, ours in fact is an animal and it must follow its animal nature. It must obey the laws of birth and death.

When we move to attain a celestial position by appearing at the door of the divine eternal life, we arrive in our second body. In the profane realm this called the ethereal body.

It is at the door of the Ngọc Hư Cung, where the political power of the universe is wielded, that we find the spiritual paths that are the laws of the universe, these spiritual paths do not have the same direction as the ways of this earthly realm. The two laws are two different political systems. So we cannot imagine how one can be united with others. Therefore there are many organizations which govern the universe yet this is different from the organization which governs the planet, even though there is a close relation between these two political systems, nevertheless they cannot be united as a single system. This means that one cannot apply the laws that are needed to govern this planet in the spiritual realm. It will not work.

We must know what part we are looking for. In fact what we are looking for is the organization which enables us to attain a heavenly position. We must seek the invisible part of our true soul, and attain the most noble and highest position. This is the position of a Buddha. Whatever way, we must attain the holy virtue of the Supreme Being who is Lord. He Himself is the Buddha who created the universe and begets all other Buddhas. Whatever we do, we must eventually attain to the position He did.

This organization is not so different from those visible

organizations that we can see around us; let us say that a child always wants to embody his father's nature. Whatever the father can do, the child seeks to imitate him. This is entirely natural, it is part of our virtuous nature, and it is certainly not strange. Human souls, in fact any individual as I have explained, and it doesn't matter how earthly they are, everyone wants to reflect heaven. It does not matter how base and earthly they are, their mouths will always say "I want to be God" because their spirits look up and hope to attain this supreme universal position. We can see how people strive and desire to get to heaven, this is the desire to leave our animal self in order to transform into a Buddha.

As this philosophy stares us in the face, we cannot deny it. We cannot lead a base way of life. The base is animalistic. This is our physical body. This body may be good, it may be strong for a period of time, but when it becomes weak and breaks down, we must leave it for dead.

So the horse we are riding, when it is healthy and strong, sometimes it can run a thousand miles. But when it becomes weak and old it must be destroyed and so it dies. There is no reason to consider that an animal is better than us, therefore we cannot consider this physical body, this animal is better than our soul. Nor should we consider an animal better than our soul. For these reasons intellectuals from the distant past until now, working very hard and lost in thought, seek out the causes of our life in relation to the universe. By looking deeply, examining the significance of our place, the assume existence is a mechanism. We, on the other hand, can see that we need to search for the answer to one question and this is, "why must our souls remain connected to such beasts?" Our spirit and spiritual nature are special, if it were not so, we would all be merely weak animals. They can never win therefore they must find for what reason they were created.
And so we see such humans never dare to stray from their "Dao." They are animals, so if they stray from the "Dao"

then how can they be anything but animals. This is why they never dare to stray. They want to search in a way to offer their virtuous hearts and so create a value, that is, to create a value for their lives.

Therefore, this time I have disclosed a secret for us to see. But now it is for you to find out what it is we must do. The next time we meet Bần Đạo will guide all of us to the Ngọc Hư Cung in order to thoroughly observe the politics of the universe.

Bần Đạo - His Holiness Hộ Pháp Phạm Công Tắc refers to himself throughout as 'Bần Đạo' or 'poor monk'.
Đề Thính –
Địa Tạng Vương Bồ Tát - Ksitigarbha Boshisattva (S).
Kim Mao-Hẩu - The yellow holy lion.
Ngọc Hư Cung - Heavenly Council of Eternal Law , The Court of God, The Council of God , Divine Jade Palace.
Nguơn linh (Nguyên linh) – the original soul.
Quan-Âm Bồ-Tát - Quan Yin Bodhisattva, Godess of Mercy, Kuan Yin.
Từ-Hàng - the boat of mercy, to cross the sea of sorrows
Từ-Hàng Bồ-Tát - Từ-Hàng Bodhisattva.
Văn-Thù Bồ-Tát - Manjucri Bodhisattva.

22.- Delivered at the Tây Ninh Holy See 15th of February 1949 (Lunar Calendar 18th Day of the 1st month, year of the Buffalo)

The Philosophy of Civilization

Before Bần Đạo leads you all, oh children of the Supreme Being, along the path to eternal life, especially to enter the Cung Ngọc Hư, there is one essential point that you must know. If I don't explain this before we enter the next palace we will only make mistakes. The children of the Supreme Being have no right to gainsay anything concerning the essence of the sublime philosophy; the progress of the soul especially is a

method we use to attain our heavenly positions. There is one essential philosophy that we can derive from planet earth and that is the cycle of cause and effect – a cycle that creates in our souls incredible suffering. Especially when we are hasty in our desire to progress, this also, from time immemorial has created so many sins.

So, Civilization (văn minh)! Today Bần Đạo will preach about these two terms: "văn" & "minh" - the civilization of this age. What is civilization? The root of this Vietnamese term is found in the Chinese. Văn means "words," or "culture" or "literature" (wen), these are "words" which we get from others or invent ourselves. Minh means "apparent," "clearly," "conscious," "bright" (Chinese - ming). Words which are apparent and clearly help us discover ways that allow us to decide the future and preserve the progress of our lives, or we use the matter of words in order to pass on our language so that we can develop our progressive way of life; a way of life through society. As we have decided to excel, so progress must be conserved by means of writing. This is the complete meaning, explained generally: văn-minh is "civilization."
We should understand that the term civilization has three additional meanings.

Firstly, it is the total of progress regarding psychology, politics, reason, - the proportion, and form of the activities of humanity which have gained control of the use of the mind to preserve information that permits more progress. In this way progress becomes more satisfying.
Secondly, it is the synthesis of social progress, or national progress, for there are things that need to be preserved and yet may be pushed aside by new ideas and new developments. These continue to arise from more recent creative actions. For it seems some of us discover that, by their good work, they can create their culture in terms of their own happiness. Sometimes new ideas can be put aside if the whole of the great enterprise can be preserved, and if humans can find a way to preserve it.

In this way it survives.

Thirdly, the method of our spirit is to struggle to win-out over the material. This is a method which we cannot suppress; it is our spirit in relation to the constitution of our animal selves. With our minds we can recognize the spiritual from the divine nature, and we do so in order to be worthy human beings, thus we do not lower ourselves to be like animals.

Concerning these three meanings – which of these is certain? If we say all three are certainties then we need to recognize that the last meaning is certainly the most authoritative. But why? We cannot imagine helping humanity up to the point at which we think they have achieved happiness. Human beings can now fly across the skies like a bird, such is the airplane, they can dive into the oceans using apparatuses and perhaps we will not need to even stay on earth but hang about in the clouds. Perhaps we may even stay in the spiritual air. Now they don't walk across the earth they run, they don't have to fly, they just soar across the skies, but this is not happiness, this is following the path of civilization – that which people imagine creates happiness for humanity. It is not an embracing, comforting or flattering of others that makes for complete happiness in our physical bodies. Or in having happiness we imagine that there is no force left for us to deal with, we imagine we have gained real happiness, but this is not it at all. True happiness is not corporeal, it is spiritual.

Since ancient times we have seen hundreds of kings creating nations and completing other great works, all of us can imagine this: "Tứ-Hải vi Thiên-Hạ Chi-Giáo." (?). Just look at the happiness of kings in other nations and compare it with all history, this might present you with a vague question, did these kings achieve happiness? On the other hand we have seen the drama behind the quote "...the higher our name and fame the more difficulty we must face." If any king is not satisfied in terms of their spirit then that cannot be happiness. It does not

matter how content, how noble they are, this is not happiness. If the spirit is not satisfied then there can be no happiness. Human beings always search for this sort of happiness. It is more important than their search for food or shelter. Life has given them an honourable, luxurious and satisfying existence, but this is only on the physical plane. Human beings constantly seek enjoyment for their physical body, they would indulge themselves for days, two or three if they could, but after several days they would be numb. If they attain happiness in terms of their physical body then it does not matter what level of happiness they attain, they will still not be satisfied, because true happiness does not depend on the physical body. It is better to say that happiness and glory does not depend on the physical body at all.

Therefore civilization has made a kind of happiness for humanity that is only relevant in terms of the physical and this is a temporal thing. This sort of happiness is no different from the dew that forms on the grass in the morning. It is transitory. It is a flash in the eyes of a humanity that is still not satisfied. What we create will not last. It can not therefore be completely honourable.

The theory of civilization is a method which helps people control their animal desires in order to moderate their survival on this planet earth.

Living so temporarily on this planet, we might find ourselves satisfied, and then we can moderate our physical desires. But we can do this only if the spirit of virtue and morals permits it.

Once again in order to explain the true meaning of the term "văn minh" we should consider that "văn" means competence, and "minh" means the brightness of virtue; if civilization can become like the true physiognomy of the dao and carry into effect the sublime faith of this planet then there will be true happiness. It will bring into effect a method of virtue from which such happiness will perpetually manifests.

Bần Đạo - His Holiness Hộ Pháp Phạm Công Tắc refers to

himself throughout as 'Bần Đạo' or 'poor monk'.
Cung Ngọc Hư - Heavenly Council of Eternal Law , The Court of God, The Council of God , Divine Jade Palace.
Tứ-Hải vi Thiên-Hạ Chi-Giáo - (?)
Văn-minh – civilization.

23.- Delivered at the Tây Ninh Holy See 23rd of February 1949(Lunar Calendar 26th Day of the 1st month, year of the Buffalo)

The Desire to Progress on this Path to the Eternal Life is Limitless

Tonight Bần Đạo continues to talk to you about our progress along the path to eternal life. For a few days we have postponed our talks and there are many things that we need to cover quickly, things we need to understand, because we have already seen many people pack their bags and go home. Male and female adepts have to learn to understand and become familiar with their way of going home.

We have progressed from the Diêu Trì Cung to Ngọc Hư Cung, that is, the palace which governs the universe. It is not necessary to mention this for we have already learnt that we are coming before a very important place. This is the place that both holds power over and directs the machinations of the cosmos.

Perhaps we should all imagine what it is like to possess the power to govern the universe; such power depends upon a group of highly skilled officers working without ceasing. So perhaps everyone can imagine that this group of busy officials is sort-of like those we have governing nations of earth.
For example, wherever the location for a capital is situated, that place will resound with the congestion of government business. I would like to say that; in regard to this sort of hectic chaos, this palace is not as we would think it.

I would like to remind you, in fact explain step-by-step this palace, so that you, children of the Supreme Being can understand as easily as possible. I saw it and I am here to tell the story for all male and female believers – particularly the elders and those dignitaries amongst you who are heavenly appointed. It is now that you must pay attention and remember this.

Bần Đạo will explain this scene and all of you will see this palace appear in front of you. There is one thing that remains fascinating. When you leave the Cung Diêu Trì in order to continue your spiritual progression – here I confess that it is very hard to convince souls to leave there and continue. The majority of souls when they arrive at this motherly realm enjoy such incomparable happiness, particularly those souls who have undertaken hard lives during their previous reincarnations, are so at home in this realm and enjoy so fully the unbounded joy of that place, sharing the company of their Mother, that Mother of immeasurable and boundless love, it is not easy to ask souls to leave such a place, but there is one essential thing as the saying goes "it is better to experience the world and increase your learning than to stay at your mother's hem" (đi cho biết đó biết đây ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn). So, we must progress in order to clearly see our way, the Divine Path to Eternal Life, a way upon which we can go forever without needing to stop. This is the key; we should continue to travel in order to know as much as we can.

If ever we hold in our hands the infinite power of the Supreme Being we have the chance of creating from ourselves another universe. We can create our own great work, for the path of progress has no end, there is no limit to it, it is truly immeasurable, boundless and as endless as the universe which we see in front of us.

If we see the banner of the Diêu Trì Cung unfurled in front of us and if we would like to find out where is the Ngọc Hư Cung then we simply turn to our right and we will see it directly in front of us and the Diêu Trì Cung appears on our left.

We continue, but this progression is not like before because the scenes we see here are the most extra-ordinary and mysterious. We see ten thousand things in front of us, but all of them appear in the form of their perispirit. The ten thousand dharmas are formed and there is nothing which we can imagine that does not immediately appear in front of
us. These scenes are formed mysteriously and without limit, without end, it is an unimaginable situation.

On the path of progress at this point, we may wish to possess a particular skill, for example, we might want to travel with incredible speed, by imagining this we can. Whatever we desire we have it. Just to think of something or someone means that they will be instantly before us. In this boundless world we can never exhaust our intelligence by attempting to imagine it. When walk along this part of the Eternal Path we can not describe it through writing - how can you capture a scene of indefinite delight.

We have enjoyed the delightful happiness of the Cung Diêu Trì, the happiness which we thought could not be surpassed but the further we progress the more this delight increases. Keep going! Keep on going forever; on up towards the level of spiritual contentment which is boundless, however so it is enjoyed, it is never depleted.

As we pass this way, we do not suffer from loneliness. As we pass we meet many, many close friends who warmly welcome us.
If we have seen a person who left his homeland and lived far from home but who now has returned to meet their family again, this is something we do not need to explain, all of us can understand how cheerful and happy they would seem. Let us imagine that we have seen our close friends on this path of progress, in catching sight of them how our love would overflow from our hearts! It would take 10 000 lives on earth in order to create such love. Imagine our extended family, not just of this

life, but of many thousands of lives, when they walk together with us on this path to eternal life, we experience an endless happiness which cannot be captured in words.

Bần Đạo dares to ensure you that "in this realm there is no instance of cacophony, no whiff of sadness," no sadness, no suffering, we remain eager to keep moving with joy in our hearts. Suddenly in front of us there appears an indefinite realm replete with beautiful palaces mysterious in their presence. We have seen the form of these palaces – they are made of one thing - crystals and the colours that are clear like crystals. In this realm there are halos flying in all directions - the physiognomy of this realm creates these forms.

And so those who have attained the Dao when they return to this realm of the Ngọc Hư Cung oh, what a mysterious realm! We are unable to describe it, because it is mysterious and because of the way it continually changes under the influence of the spirit. We have seen its form as a perfect square, as we imagine it so it is created, whatever form we think of - there it is! Any architect or engineer who sees this place would straightaway give up their career because there is no way of creating a place like this. I am afraid that they would not only give up their career they would become insane if they tried to understand it; all their energy could not replicate it.

When we get to this realm we see our physical body change its nature from how it appeared on earth, our form and our colour changes, but it can only enter this realm if it can assimilate to the nature and colour of this realm. If it cannot change then we must leave. That is our Pháp Thân (Dharmakaya) or mental body. It must enter this realm therefore there is a sentence of prayer Rấp Nhập Cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống (prepare to enter the path to eternal life). When we have entered this realm we think we see innumerable people, very noisy, it is a very unusual sight, but in fact this is not the case. We only see before us our extended spiritual family offering their greetings

to us. Oh, this is the meeting place of our family, from the time we attain the spiritual position of Ego (Tiểu Hồi) right through to the position of Monad (Đại Hồi), from this position one can then reincarnate in order to attain the positions of Geniis, Saints, Immortals and Buddhas, it may take millions of lives, but it can be done.

We see our friends, our extended family and our spiritual clan (Tông Đường) they are innumerable when we come they welcome us and they take us to a palace and tell us "over here you are not allowed to speak but only think, thinking here is the same as talking, for example I think I would like to see my brother, then naturally that thinking becomes saying, then there is my brother standing in front of me. At this palace words are not used to communicate, there is only thinking, it replaces language, they tell us "don't think of Geniis, Saints, Immortals and Buddhas because there are no such divine beings in this realm." Words are only used on that 68th planet earth, at the Ngọc Hư Cung there are no need, no terms. Concepts such as Geniis, Saints Immortals and Buddhas are only used on this planet.

We know that in the spiritual positions of the soul there are no ranks. We think there should be such positions but there are only such ranking on this 68th planet. We have seen the people on this planet earth – each individual has a different spirit, with 2.7 billion souls on this planet there are 2.7 billion people each with their different behaviours and perispirits. None of them have the same perispirit, and so we can say that no two people are the same. There is no perispirit like any other and so that spiritual position does not determine the value of each individual, each individual as his special position each life has its own progression. When one progresses, one's position is reassessed, each step is a new rank, and rank is determines ones class. Class is not the same on the earthly world because the positions are not the same, so what is your rank? And how do you stand there? No one can push you or raise a dispute over

where you stand. It does not matter how much you refuse you cannot pass up your position because there is no other position for you to occupy but the one you have, however, it seems these positions are already set up and available because you occupy one. Therefore the Supreme Being says, "the great work of each individual, your divine master has already acquired it on our behalf."

Now we need to talk about the order inherent in the quality of our behaviour. We have no rank. What can we use to determine where we are? Should we use our extended family?

Bần Đạo have seen the extended family of the Divine Beings from this earthly realm, this disturbed world, there it is, there are five planets (Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả, Thổ) where humans live, and are able, from there, to attain the Way. Besides this we have seen the extended families of Sakymuni Buddha, Lao Zi, Confucius, Mohammed and Jesus Christ, but the most honourable and numerous extended family is that of Quan Yin Bodhisattva (Từ Hàng Bồ Tát).

Therefore each family has its own part and they intimately create each other, for example, the soul Kim Thanh Quan descends to this world and may be born in the family of Từ Hàng Bodhisattva or Confucius or Muhammad or Sakyamuni Buddha, therefore these souls are closely related to each other. This is why the Universe bears our name. Even if we want to know the number of planets we remain unable to know it. If there are only five planets where we live, then this is all we know. We are unable to know everything, and the other three thousand worlds and the other 11 worlds after that - amongst those planets we are unable to guess or to understand. Sometimes we see divine beings descend into the world and so it seems that they know everything about our spirit. One example: many people in France know things about Vietnam, it seems that they are talking to someone in the Moon, but indeed they understand clearly the whole physiognomy of this planet, they know the occult

soul. And they know their indefinite magic. Regarding our life, it doesn't mean that we should treat them badly, but we must train them. When we are able to return, our relatives will lead us to a palace where there is a book called "Thiên Thơ" (Gods' records of the Divine Rules), they leave this in front of us. When we open it we see both our name and what we have done in our previous life, it all appears before us from this divine book. From this material we will be the judge of our own deeds, whether we need to reincarnate or are able to attain a heavenly position of a particular rank. Whatever position you decide that you can hold then that is the rank within which you serve.

The chief of this palace of the book is called in earthly terms "Nam Tào & Bắc Đẩu." At the "Nam Tào & Bắc Đẩu" there is no one ruling over us, this is a place where we rule ourselves. There is nobody who decides our life except ourselves, there is no one to decide the value of our sins or merits. We decide these things on our own. Our founding principals are decided by us there is no law which can compel us, we have the prerogative and freedom to decide the roots of our fate.

Bát Quái Đài - the Council of the Great Spirits which heads the Eight States of Soul, the Eight-sided Palace of God's presence, the Eight Trigrams Palace.
Bần Đạo - His Holiness Hộ Pháp Phạm Công Tắc refers to himself throughout as 'Bần Đạo' or 'poor monk'.
Cung Diêu Trì - The Heaven of the Creation under the Mother Goddess. It is a palace located beside The Precious Jewel Lake.
Diêu Trì Cung - The Heaven of the Creation under the Mother Goddess. It is a palace located beside The Precious Jewel Lake.
Đại Hồi - Universal Monad.
Đi cho biết đó biết đây ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn - It is better to experience the world and increase your learning than to stay at your mother's hem.
Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả, Thổ - five planets : . . . .

Nam Tào & Bắc Đẩu - The two Immortals who are in charge the registration of the birth and death of human beings on the earth. Nam Tào who is in charge the registration of birth and Bắc Đẩu who is in charge the registration of death.
Ngọc Hư Cung - Heavenly Council of Eternal Law , The Court of God, The Council of God , Divine Jade Palace.
Pháp Thân - Dharmakaya
Rấp Nhập Cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống - prepare to enter the path to eternal life.
Thiên Thơ - Gods' records of the Divine Rules.
Tiểu Hồi – Ego.
Tông Đường - literally ones ancestral temple. The Hộ Pháp also uses this term to refer to our wider spiritual family whom we meet in returning to heaven. It is our Spiritual clan or spiritual extended family or even spiritual lineage.

24.- Delivered at the Tây Ninh Holy See 27th of February 1949 (Lunar Calendar 30th Day of the 1st month, year of the Buffalo) .

Our sins are recorded by the hands of our own Perispirit, Therefore there is no way we can deny them.

Today Bần Đạo continues to speak about our progress on the Divine Path to Eternal Life.

Before I take all you children of the Supreme Being on to enter the Ngọc Hư Cung I would like you to see inside this palace, this is the palace which is used to record all the karmic accounts and the lives of humanity.

Today, I will explain it in more detail so that we can understand clearly why the whole political organization of the universe is so vast.

Now if we can imagine, in reverse if you will, the 3000 worlds, the four great heavenly regions, the 72 planets, now keep

imagining backwards, let us take these 72 planets, these are the purgatories of our soul. In the twelve worlds of the 72 planets, the last and smallest planet is the world into which we descend to pay-off the wrong doings and debts from our previous lives. There are five planets on which humanity dwells.

We here belong to planet number 68. And let us recall humanity on this planet. There are more than 2700 000 000 human beings, and let us consider that this globe is bigger than planet 69 by over 100 times, so then image how many human beings there are in this vast universe? If we imagine the political system of the universe, and listing the life of each individual, without missing a single person, this is not easy! Let us now try to imagine what power is needed to govern this great political system? Let us investigate where is that subtle and sacred power? Where can we find it? How should the governing organization of the world be modified in order to bring it into accord with the political organization of the universe? At this time the people will have peace, how the spirit is, then so is the form. Because all of humanity has not yet attained the Dharma and has not yet held that which is subtle and secret therefore that is why humanity is still in chaos. We have witnessed, and we can not deny this condemnation, that is the punishment which is reserved for us, that which we cannot avoid.

When this power is held then nothing is overstated. Why? Because this organization holds an esoteric power, the eternal and boundless power which controls the whole universe, the condemnation, the invisible guilt, which is from the Pháp Thân or Dharmakaya of Humanity, that is in our hands recorded by our perispirit. If we want to deny this guilt, well how can we? It is our perispirit itself that records and decides for us. All our guilt is displayed in front of us from our Ego (Tiểu Hồi), and then with far too many reincarnations that we need in order to make our way to the Monad (Đại Hồi). All our activities, all our relations, all our basics, all our karmic accounts from all our lives are recorded on the Vô Tự Kinh (The Divine Wordless

Book). We had decided ourselves to carry out these actions, so how can we deny that we have done them? Even if we want to deny what we have done, we cannot do it. Our perispirit has decided our condemnation. No one else is involved, and this is what we are afraid of.

When a judge on this planet has to pronounce a sentence often a lawyer is present to plead on our behalf. But in this palace there are no lawyers to plead; it is we who must decide our own sentence. Therefore we can now see the incomparable secret power of governing the universe: it is that which allows us to be our own judge. So who else can defend us? We cannot argue or deny the guilt from our condemnation because we decide it ourselves, we cannot reject our guilt. If we could we would argue, that is, if we could, we would override the perispirit. But we cannot argue or deny the sentence in any way.

Additionally, there are two classes of souls.
- The first is that class of souls who come to the earth in order to resolve the bad karma generated from their previous lives, we should call these souls sinners coming to correct their actions.
- The second class of souls are those who have come from afar in order to enrich their knowledge of life and who descend to our planet in order to gain a heavenly position.

We have already seen that the drama of the officials it is a strange idea, but somehow nice, if we endure the condemnation ourselves this is not so much suffering at all. The incompatible and mysterious law of the universe obliges our extended family, or our Tông Đường, and our ancestors to endure with us. They witness our punishment and that for us is the real suffering.

Souls that undertake the results of their previous lives when they return to the Ngọc Hư Cung they are welcomed by their entire Tông Đường; they observe the path along which the soul has passed, and if this has meant that the results of that life has surpassed their bad karma, and they wish to discover if there has been any change from their previous life on the karmic

account, or to find out if the life just lived has created more sin. There are souls going towards their perfect way, gaining secret esoteric knowledge as they ascend. Then there are other souls who return to the animal level, generating more and more sin. We see here because of us the whole Tông Đường must share our guilt, and this is why there is so much suffering.

We must know that there are Beings that enter the Ngọc Hư Cung, these are the souls who have attained the Way; whereas there are others who must enter the Dharmakaya caused by their bad karma and so the whole of the Tông Đường suffers incredibly.

Bần Đạo has said that the spiritual extended family (Tông Đường) is normally at the Ngọc Hư Cung, the most respectful and honourable of these is the Tông Đường of the Quan Yin Bodhisattva, (Từ Hàng Bồ Tát). The second most respectful is the Tông Đường of Ksitigarbha Bodhisattva (Địa Tạng Vương Bồ Tát) and the third most respectful is that of Maitreya Buddha. These are the three most respectful and honourable Tông Đường. There are, of course, other Tông Đường. Everyone of us is assigned to a particular Tông Đường and these groups remain at this palace waiting for us to return.

Everyone, because of the Quả Kiếp (our predetermined karmic life) is sent to the earth in order to pay back this Quả Kiếp pay back the punishments set for us. Instead of following on the perfect path towards creating for ourselves a heavenly position, we might in fact be creating sins which are a grievous error.

Another class of souls are Du Học (those who Study Abroad), that is those coming to investigate a dimension of life. They will use this knowledge to establish for themselves a heavenly position. Nothing on earth affects this class because their Tông Đường decides to send them to the earth to carry out a life's worth of research.

We have seen the children of upper-class people who are

permitted to study abroad. They study there in order to increase their knowledge and learn correct behaviour. If they pass their exams well then everyone is happy but if their studies are mediocre then they still have the experience of overseas study. What of a child who is sent to study in France, but who did not study hard and so at the end of the month his results are sent home and it is seen that the mark is not good, that his morals, geography, technical lessons as well as... (laughs) one might say he is lazy and does not study hard, and so you write him a letter and ask him to concentrate harder on these matters, he is not really good yet, only of average level. Those friends who came and kept their faith carefully, closely and not without nobility; they do not want to come down, but if they do then they act with nobility. They never lower themselves to undertake unclean actions.

So, we have seen how the universe wields power to make our Tông Đường bear its suffering. This should make us most afraid. When confronted with the love of our Tông Đường we stand facing a great punishment from the spiritual realm. When we finish a life and we return we accept both the love and the suffering of our Tông Đường and then we suffer so much. It is a punishment so great that it sets fear into every soul.

Why did the Supreme Being came to gather all His children to establish this visible Holy Body? Why? Because if He can establish this visible law, then all of His children will be able to attain the Way. One day they will attain the position in the realm of Eternal Life, and there is no happiness on this earthly realm that could ever compare with this realm of Eternal Life. Now do you have a real happiness or not? If you do, it comes from this place.

What is the Holy Body of the Supreme Being? It is the power of managing all the laws of love offered by the Supreme Being and this becomes a tidal-wave of love, this tidal wave of love He preserves in His heart. Each reincarnated individual is an element of the Supreme Being sewn into the law of love which

is deep within the heart of each individual.

We have seen that the Supreme Being has established his Holy Body using love. He has said, "You have been enjoying the right of endless love so you children should take this love and hand it out to your younger brothers and sisters, from this century and on to other centuries.

The punishment that we are most afraid of in the realm of mistreatment is that of banishment. What is banishment? To be banished is to be expelled from your great family, the great Tông Đường which the Supreme Being has established for us. That is the law of this earthly realm it is essential and it exists so that we should not be excluded from a Tông Đường. Afraid or not, this is the reason behind the sentence of banishment.

Whoever is expelled, that is whoever is abandoned by their great family, is abandoned into an animal state and will not be able to find happiness by themselves. The law will compels our flesh to grow old and die, and we will cease being alive.

The right of the Sacerdotal Council to punish is not very different from being expelled from the Tông Đường of the Supreme Being, to be turned out on this earthly world is the same as up there, the physical body is turned out and so the soul must go as well.

The day we no longer belong to the Tông Đường of the Supreme Being is the day we are dishonoured. As we think that we are living, whether we can return and pay our debt, of this we are not completely afraid, the scariest thing is the dishonour we suffer in the face of our Tông Đường.

Đại Hồi - Monad.
Địa Tang Vương Bồ Tát - Ksitigarbha Bodhisattva .
Ngọc Hư Cung - Heavenly Council of Eternal Law , The Court of God, The Council of God , Divine Jade Palace.
Pháp Thân - Dharmakaya , Etheral (astral) body.
Quả Kiếp - our predetermined karmic life.

Tiểu Hồi – Ego

Tông Đường - literally ones ancestral temple. The Hộ Pháp also uses this term to refer to our wider spiritual family whom we meet in returning to heaven. It is our Spiritual clan or spiritual extended family or even spiritual lineage.

25.- Delivered at the Tây Ninh Holy See 3rd of March 1949 (Lunar Calendar 4th Day of the 2nd month, year of the Buffalo)

The Phục-Linh Realm
Where we find our Extended Divine Family.

Before I continue to explain about our progress on the Path to Eternal Life, I would like to impart to you some advice on the method of presenting a dharma talk, a dharma talk that is, speaking of the Dao.

For nearly two years I have been looking for a way for the entire Holy Body of the Supreme Being to preach our teachings. We all know that it is essential to teach humanity for their salvation. Because of this preaching it makes the essential truth a reality; that is the essential truth of the Supreme Being.

There is one thing we pay attention to regarding this teaching and that is we need an objective for the spirit of the readers to pay attention to us; and so we must hold the spirit banner so that we can concentrate on our philosophical discoursing.

I have seen one thing that should be rectified, there is a person who goes up to the stage, they are going to speak on the subject of the South, when they preach they start talking about the North which is not a part of our topic. It is no different an example than when I said that I am determined to go to Saigon and all the people look to the direction of Saigon but when I start to go, I walk in the direction of Phnom Penh. People would not understand this at all. Therefore when the discourse is complete people may have listened, but they did not understand at all. When you preach

prosody is a requirement. It must be melodious and profound; it is not a case of simply saying what you want to say. A discourse is like a poem, it must have a subject, prosody, stress and metre, and there must be an introduction, middle and conclusion; we must keep in accord with the prosody of the teaching.

The Supreme Being has taught us much about prosody, and of teaching carefully, Cao Thượng Phẩm and myself had practiced for two to three months, when Cao Thượng Phẩm went up onto the stage to preach and I remained in the audience to listen, we had to practice, without practicing we would have been unable to do it. We cannot avoid following the prosody of Tang Dynasty poetic conventions, we can not simply speak without rules. Besides prosody there are Phù-Tỷ, Hứng-Thú ; we must learn these by heart. A good speech is preached within rules, melody, literary style and with eloquence. Your talk should not be lacking in these things.

*Tỷ is a method of talking where, when we go up on stage, you; "Quan-Tiền Vũ -Hậu" which means you have to utilize stories from the past and the present in order to explain and highlight noble and lofty arguments.

*Hứng is a method of talking when we go up on stage and we step into the situation and, recognize the phenomenon of the earthly world. Our words must match this situation appropriate to its dimensions, thus we can highlight the whole form of the Dao in the temporal and relate them closely. Our discourse will be appropriate because we are inspired by the natural atmosphere; it depends on how we preach, for we must explain clearly for our audience to understand completely.

Now, from the whole of our Tông Đường (I speak of our spiritual family) it is our brothers and sisters who guide us to a realm which is Cung Phục Linh. Friends, you know that there are numerous, countless spirits, if it is like this earthly world, when we use language to communicate, it is terribly noisy, but this is not necessary, it is extra-ordinary political system. So as I

continue to explain further we shall then see an extra-ordinary political system; one which we are unable to imagine.

The language in that realm can only be made through thinking, and communication is a spiritual communication, whatever you think of, just as suddenly you have it, for example, if I want to go over there, then people would instantly understand that I would like to be over there. The other souls also think in place of talking, thinking replaces language. We have seen those countless numbers of souls who are familiar to us, loving and close to us, at that door we never see a person who hates us or who is not friendly towards us; there is one thing you brothers and sisters must remember, this is what you have to remember. It is so much.

I will explain that it will influence our lives when we are about to enter this door (to the Cung Phục Linh), those brothers and sisters in our spiritual family remind us that before we enter this door we should not ever be afraid, and we must remain calm and cool, for if there is something changes in us then we should not be afraid or flinch, or be deterred, even if we are told beforehand that when we enter we will become insane and be struck dumb. As you enter you are overcome by ignorance and you don't know what it is or where you are, you don't know anything until you awake and see a Buddha. He who holds the Kim Câu. He stands in front of the souls that enter, and also you will see Hộ-Pháp who, with a mystical gesture of the hands (Bất Ấn), in order to safeguard our soul. This Buddha is not unfamiliar to us; he is no other than, Phục Linh Tánh Phật. He hold the Kim Câu or mystical staff which he uses to manifest each of our former lives and we see them resurrected in front of us. Every time he waves this staff then we see another life, eventually we see every life we have been. We go back from the level of Đại Hồi (Monad) to the level of Tiểu Hồi (Ego) and from there to part of the material world, because all of us are impure souls (hoá nhân) none of us on this planet earth are

pure souls (nguyên nhân). The pure souls which we (they) have attained the Dao in the Third Transition and the rest who are the hoá nhân (man of impure soul) transform from material.

I would like to point out that Maitreya Buddha who is now holding the power of the universe, in the Seventh Transition at that time this planet earth was not yet sloughed of its skin. At the time of the last judgment, Maitreya Buddha was just a monkey. This monkey was a servant of Sakyamuni Buddha; and at the time Sakyamuni Buddha was a black rural dweller. The next three transitions takes us to the Third Transition in the middle of this transition Sakyamuni Buddha achieved the level of Bodhisattva, after this point Sakyamuni was able to become a Buddha.
Maitreya is preparing to enter buddhahood this time. He holds the power in order to enter the level of Buddha. If I said Sakyamuni Buddha who came to this earthly world, the 68th planet earth, which at the time was not yet sloughed of its ski, that Sakyamuni Buddha who has transformed his nature gradually. Therefore the totality of his life on this planet earth is about 1500 000 000 years.
When we enter the Cung Phục Linh, we must go backward, go back and down until we get to the material level. At that time when we enter into our original soul, it seems as though this soul is still living in the domain of the material.

In a moment I will lead you into the Cung Ngọc Hư where the Divine Beings communicate with us. The Being who reigns at the Huỳnh Kim Khuyết this is Ngọc Hoàng Thượng Đế (Jade Emperor Supreme Being) or also Đại Thiên Tôn (Most respectful and Greatest of Beings in Heaven). He holds two positions, Ngọc Hoàng Thượng Đế and Đại Thiên Tôn.

To summarize, when we are Phục Linh (resuscitated) we become accomplished, we then see the whole universe as our friend and our lover, and souls are many, standing noisily in front of us, but none of them are strange to us because all the

souls have the same foundation and the same virtue. That is the secret of the universe.

When I explain the path up to the Cung Phục Linh there is a point where we loose our spirit and we see that we are nearly reaching the end of what we should call the "new-born" path. When we are "new-born" we know nothing. Alive we were once ignorant and when we die we become ignorant again. It is from this ignorance that we are revived. This is both the mystery and the secret, if we do not loose our consciousness then we would know our previous lives. Whenever we are able to calm our spirit then we realize, as people often say, we become ignorant because we drink the soup of forgetfulness (cháo lú). When we enter the Cung Phục Linh and we do not loose our consciousness then we know of our life, and cannot continue to live, and so we must die. This is the secret. When we resurrect ourselves we then see the Creator of the Universe who is the Jade Emperor-Supreme Being, the Đại Thiên Tôn is reigning from the Ngọc Hư Cung, He seems to be inviting us to come over to this place, to come over in order to unite with this Being, one must step forward in order to see him, even our Tông Đường and our friends will hold our hands at this stage and ask us not to go, but our soul will still struggle to get to the Ngọc Hư Cung, and so we do.

Now we arrive at the Cung Ngọc Hư. This is the place which holds the political power of the Universe. There are no stars, no suns in this universe that are not under the control of the Ngọc Hư Cung.

The power that governs the earthly world is in the image of the Cửu Trùng Đài that is a thing that people imagine differently. Does it govern anyone? I have explained that the soul governs the self and the Ngọc Hư Cung only conserves and blesses us. This place does not "govern" it only blesses because it wants these souls sanctified, often they are not blessed because of the

results of their life... Governing this realm is a Buddha who holds the karmic lives of each being, this Buddha is not very severe, there are many souls who know that their karmic accounts are very heavy, because of this they no longer want to live, the karmic results of life however are so vitally essential so the Divine Beings can only lessen the results of our karmic accounts, they also seek ways to mitigate any penalties.

In the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa the main point is to let the offender be their own judge. In this way they wake up to themselves in order to locate the karmic account of their lives with less power in order to determine their own punishment. There are here then, two things opposite each other, the offender being judged, who is determining their own punishment. The being representing the governing power is only there to protect that soul's happiness and decrease the sentence. This is what is meant by "governing the political power of the universe" it means holding the power in order to give merit and decrease the sentences (that we would bestow on ourselves) yet not to accuse us, and they are not there to pronounce a sentence upon us. To confirm the sentence or not, this is up to us for we are our own judge, even if we had a lawyer here, we still would not be able to pass. The Cung Hiệp Thiên Hành Hóa is a place where we incriminate ourselves and we cannot avoid it. This is the political system of the universe therefore when we arrive and then enter the Cung Hiệp Thiên Hành Hóa in case we had caused a great deal of sin in our life then it seems that the Divine Beings who reign there are worried, they worry but we do not, on the contrary, they worry for us, they worry that we will pronounce too onerous a sentence upon ourselves.

Therefore the Ngọc Hư Cung is a place where the souls of the universe are comforted. They hold power in the universe to guide and protect, but not to govern. Souls govern themselves, you friends must remember this. You, brothers and sisters must especially understand this secret in order to reawaken yourself.

While we are still on this earthly world we must judge, control and punish ourselves in advance. We should rule ourselves now in order that later, when our soul ascends, we are not so upset, and then later on we will not incriminate ourselves so heavily, although we might pretend, we should learn to rule ourselves, there is no need to be afraid, as the Supreme Being uses the term "repent" this term is so beautiful; in order that we do not have to rule ourselves this is the right of the Ngọc Hư Cung as such.

Bất Ấn - a mystical gesture of the hand s.

Cao Thượng Phẩm - His Holiness Cao Quỳnh Cư. Thượng Phẩm is the leader of the Spiritual Realm helping the Cửu Trùng Đài to abide in an atmosphere of contentment; he reveals the Heavenly Voice to virtuous souls, and guides them towards their Divine Place among the Great Spirits. At the same time while he closes behind them the Door of spiritual regression. The leader of the Spiritual Realm symbolises the Holy Doctrine (The Dao). Wherever the Heart of the Eternal exists the Thượng Phẩm can be found. He is concerned with the religion's meditation cells and the temples and churches of the faith. He supervises all disciples and defends them against abuse by the authorities.

Cháo lú - the soup of forgetfulness .

Cung Ngọc Hư - belongs to the Hư Vô Heaven. This is the Heavenly Council of the Eternal Law which controls and keeps the Divine Law. It also controls the progress and movement of the universe.

Cung Phục Linh - Phục-Linh Realm.

Cửu Trùng Đài - , Palace of nine divine planes , Palace of nine degrees of the evolution, Palace of nine degrees of the Episcopal Hierachy.

Đạo (Vietnamese) , Tao (Chinese) : the Way.

Đại Hồi - Universal Monad.

Đại Thiên Tôn - Most respectful and Greatest of Beings in

Heaven.

Hoá nhân - impure souls . The man of impure soul, the evolutionary being.

Huỳnh Kim Khuyết - the gate of pure gold where one enter the palace where the Supreme Being holds meetings with the Heavenly Council .

Kim Câu - Kim Câu is a special and mystical staff of Thái Thượng Lão Quân who is Head of Daoism. It is used to direct the Immortals. It is a golden miter of Thái Thượng Lão Quân who is the Master of Daoism. He uses this miter to direct and control the immortals. He who holds this golden miter is representative of this Master and all who follow him must obey its instructions.

Ngọc Hoàng Thượng Đế - Jade Emperor Supreme Being.

Quan-Tiền Vũ -Hậu - which means you have to utilize stories from the past and the present in order to explain and highlight noble and lofty arguments.

Tiểu Hội – Ego.

Tông Đường - literally ones ancestral temple. The Hộ Pháp also uses this term to refer to our wider spiritual family whom we meet in returning to heaven. It is our Spiritual clan or spiritual extended family or even spiritual lineage.

(to be continued)

Thử Tìm Hiểu
Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống

(tiếp theo từ TSTĐ số 40)

Ngài xưng là "Đại Thiên Tôn"
Chủ quyền 'Vạn Loại vạn Hồn' khắp nơi.
Thảy đều tòng phục tay Trời,
Bao nhiêu động tĩnh đầy vơi cõi trần.
Khác nào như chính bản thân,
Tóc răng rơi rụng mấy ngần đổi thay.
Chẳng chi qua khỏi mắt Ngài,
Mỗi khi biến chuyển Trời hay biết liền.
Muôn Loài nửa thú nửa tiên,
Thú phần thể xác, phần hiền Chí Linh.
Lột phao tay, nhức ể mình,
"Trời"đều hay biết phân minh rõ- ràng.
Càn Khôn Vũ Trụ thế gian,
"Ông Trời"thấu-đáo hành tàng mọi nơi.
Vì là 'tổng thể ' thân Trời,
Cơ quan giải thoát đẹp tươi chỗ nầy .
Hoàn toàn bí mật là đây,
Gắng bồi công nghiệp trải dày tình thương.
Ai người 'Tam Lập' phi thường,
Là đường giải thoát, là đường vĩnh sanh...!

IIX - LINH TIÊU ĐIỆN

*

Hãy mau giục bước tốc hành,
Vào Linh Tiêu Điện lừng danh thuở đời.
Chí Tôn danh chấn ngàn nơi,
Pháp Thân Thượng Đế sáng ngời Càn Khôn.
Nơi đây Gia Tộc dập- dồn,

Tông Đường Các Đấng nóng- nôn đợi chờ.
Cảnh "Thăng"tuyệt đẹp hơn mơ,
Nhưng mà cảnh "Đọa" khó ngờ được đâu...
Nếu ta đạt vị tươi màu,
Tông Đường hâm- hở xúm nhau dắt dìu .
Mọi người đón tiếp nâng-niu ,
Hưởng đầy hạnh phúc Cung Triều thưởng ban .
Hại thay lâm cảnh bẽ-bàng,
Tội tình vương vấn đeo mang kiếp trần ...
Thôi đành lặng đứng chết trân ,
Thiên Đàng Cực Lạc cứ dần mờ xa ...
Bóng đen thăm-thẳm trăng tà ,
Tấn tuồng vinh hiển mất ta "hút" rồi ...!
Tẳng lờ cảnh tự "chuồn" thôi ,
Cả nguồn hạnh phúc đến hồi tung bay ...
Ta trơ mặt dạn mày dày ,
Bao nhiêu sự nghiệp trắng tay mất liền .
Chính vì tội lỗi oan khiên ,
Chính vì nghiệp chướng lụy phiền bản thân .
Thiên Đàng , Địa Ngục rất gần ,
Cho xa cũng đúng , bên chân chẳng lầm .
Ví như kết oán thù thâm ,
Giết người ém nhẹm âm thầm giấu đi .
Thế gian nào biết được gì ,
Nhưng chừng gặp tại Âm Ty rõ bày ...

Nhìn người nét mặt bi ai ,
Thảm sầu e ấp ái hoài đau thương ...
Bàng quan cũng thấy đoạn trường ,
Tưởng người giết lại chẳng nương tay nào .
Bây giờ thấm thía cơn đau ,
Vì "Người" chẳng giết nghẹn- ngào nhìn "Ta"
Vành mi suối lệ chan hòa ,
Mà "Hồn" ta "rụng" như hoa héo tàn ...
Hồi nào vũ lộng nghênh ngang ,

Nay đành cúi mặt ngỡ-ngàng lặng thinh.
Ngày xưa tội ác của mình,
Giết người giấu nhẹm rẻ khinh Thánh Thần.
Bây giờ "đệ nhị" xác thân,
Tùy theo tội ác xuống lần Âm Cung...
Diêm Vương cũng phải rợn-rùng,
Quả là vô thủy vô chung tội đồ...
Một mình giữa chốn Phong Đô,
Chính mình xét tội mơ hồ được chăng?
Cái "ta" nhủng-nhẳng nhùng- nhằng,
Không sao phán quyết nói năng nên lời.
Án đành trì trệ mù khơi,
Khó mà giải án, khó rời nơi đây...
Tâm tư dằn vặt héo gầy,
Lâm vào thảm cảnh đeo-đai chuỗi buồn...
Xưa nay đắc đạo hằng muôn,
Đạt cơ giải thoát Tông Đường vẻ vang.
Mừng vui hạnh phúc dâng tràn,
Thần Tiên chín phẩm hân hoan đón chào...
Các hàng chư Phật ngôi cao,
Đến cho Tam Thế, Bậc nào cũng vui.
Trùng hoan hạnh phúc say ngùi,
Bõ hồi nhung-nhớ, thấy ngui nơi lòng

Mỗi lần đạt vị hanh thông,
Nâng lên một bậc Ân Hồng khác nhau.
Pháp Thân Ngọc Thể làu-làu,
Như chim hạc trắng bay cao trên trời.
Nếu ta từng bậc buông lơi,
Khác chi loài cá giữa vời mông lung.
Ngàn xa diệu vợi muôn trùng,
Tông Đường liên đới chịu chung luật hình.
Thành viên mặc cảm bị khinh,
Đâu nào chỉ có một mình chịu thôi...
Thế nên Ai đắc phẩm rồi,

Lễ nghi nghênh tiếp cao ngôi sẵn dành.
Tông Đường hiển đạt đề danh,
Và thăng một bậc ân lành Trời ban.
Nên chi quyết đến Thiên Đàng,
Cực Lạc Thế Giới vinh quang đợi chờ.
Linh Tiêu Điện chẳng còn mơ,
Mau gầy "Đại Nghiệp" hững- hờ nào yên...
Gắng tu, vững chí, tâm bền,
Kiếp trần nhầy- nhụa chớ nên luyến trần.
Mê trần quên lãng bản thân,
Bản thân bỏ lửng kiếp trần đáng chi...?
Mải lo lợi - lộc suy bì,
Bạc vàng quyền thế chết đi đâu còn...
"Chí Tôn dành sẵn cho con"
"Cơ Đồ Đại Nghiệp lo tròn rồi chưa"
Uổng thay một kiếp sống thừa,
Chẳng thương vạn loại chẳng ưa thân mình!
Hãy mau cảm hóa quần sinh,
Xúm nhau xây dựng Tổ Đình Thiêng Liêng.
Gắng lo tu tĩnh tâm hiền,
Dân đen đói khổ cơm tiền giúp cho.

Gặp người hoạn nạn khuông phò,
Cứu nhân độ thế sống cho công bằng...
Đó là muốn được vinh thăng,
Thiêng Liêng Hằng Sống, vĩnh hằng là đây.
Cũng đường tìm đến chân Thầy,
"Huỳnh Kiêm Khuyết" sẽ có ngày ngồi yên.
Muốn cho mãi mãi như nguyền,
Phải qua vạn kiếp truân chuyên cõi trần.
Tùy theo địa vị bản thân,
Căn duyên quả nghiệp mỗi lần tái sanh.
Khi nào hiển đạt công thành,
Là lên một bậc thân danh tuyệt vời...
Gắng về "Kiêm Khuyết" ai ơi,

Mục tiêu là đó chớ hời- hợt quên ...
Chí mong ai cũng gan bền,
Thìn lòng vững bước chẳng nên than phiền.
Sớm chầy rồi sẽ như Tiên,
Bay về Cực Lạc tùy duyên mỗi người.
Chốn nầy an vị yên nơi,
Vinh sang tột đỉnh một thời vàng son.
Ngàn hai năm chẳng hưởng tròn (1.200 năm)
Vui say ngoạn cảnh nước non phiêu bồng.
Tiêu dao ngày tháng thong- dong,
Hạc chầu, hổ phục, mây hồng đón đưa ...
Đãi Người cao trọng đâu vừa,
Năm dài gấp bội (2.400) mà chưa phỉ tình.
Cũng do căn cội tồn vinh,
Tu nhơn tích đức Thiên Đình thưởng ban.
Ba ngàn sáu, ba sáu ngàn (3.600-36.000)
Tháng năm ấn định thời gian hưởng rồi.
Do Hồn giục tấn Hồn thôi,
Giã từ Cực Lạc luân hồi kiếp căn ...

Đeo- đai trược chất vai quần,
Chu tròn "Tam Lập" vinh thăng lễ thường.
Ngày ngày thể hiện tình thương,
Thương Cha với Mẹ cũng bường như thân.
Càng đi "Kiêm Khuyết" càng gần,
Khi nào ta được an thân chốn nầy ...
Là ngày tột đỉnh thang mây,
Dù muôn triệu kiếp có ngày đến thôi ...
Ta nên cố gắng vun bồi,
Noi đường chánh đạo lập ngôi của mình.

IX - CỰC LẠC THẾ GIỚI

*

Theo chân Hộ Pháp tròn tin,

"Cực Lạc Thế Giới" muôn hình mời vô.
Xem qua kẻo cứ mơ hồ,
Nơi đây Nhà Phật tung hô: "Niết Bàn"
Cho là tột đỉnh vinh sang,
Cũng nơi tụ hội Họ Hàng Tông Môn.
Ngoại ô lố nhố Chơn Hồn,
Trùng trùng điệp điệp nóng-nôn muốn vào.
Có người thậm-thượt hàm râu,
Có người nhẫn-nhụi trọc đầu tong-teo.
Thương thay nét mặt eo-xèo,
Nỗi buồn rười-rượi lòng đeo-đẳng buồn.
Khó lòng vượt nổi qua "truông"
Vì chưng trước mặt bức tường chắn ngang.
Tại sao lâm cảnh phũ-phàng,
Cũng vì Giáo Phái trần gian quá nhiều.
Lầm đường tả đạo đáng yêu!
Dù lòng trong trắng Giáo Điều vẹn soi.
Vẻ tu đúng mực hẳn-hòi,
Ngỡ rằng "thiệt cảnh" cứ noi theo cùng.
Đâu ngờ lúc đến cửa chung,
Mới hay "cảnh giả" não-nùng thê lương...!
Một khi trái bước lầm đường,
Không vào "cảnh thiệt", náu-nương ngoại thành.
Thức thời trở bước cho nhanh,
Chơn truyền thấu đáo học hành tận tâm.
Khá tua đổi kén thay tằm,
Mau mau đầu kiếp bao năm chớ sờn
Tìm về "cảnh thiệt" là hơn,
Nếu ta lưỡng-lự khó huờn "gia môn".

Cực Lạc nhóng mải chân chồn,
Mỏi mòn chờ đợi, nóng-nôn được nào...
Tông Đường trông ngóng lao nhao,
"Ngoại Ô Tòa Thánh" khác nào nơi đây?

Ngàn xa về đến chốn nầy,
Mà không vào đặng đắng cay vô cùng...
Tâm can thôi thúc như nung,
Chẳng đành nương náu ở vùng ngoại ô...
Muốn vào để dựng cơ đồ,
Xây thành đại nghiệp điểm tô Tông Đường
Soát qua trăm kế ngàn phương,
Chỉ còn một cách phi thường mà thôi.
Đó là xóa bỏ việc rồi,
Trở về nẻo chánh cao ngôi sẵn dành.
Chơn Linh đạt vị tinh anh,
Được vào Cực Lạc mới đành lòng cho.
Vinh danh khỏi phải thập thò,
Tự mình định vị, tự do định phần...
Do mình xét nét cân phân,
Vì quyền tự chủ vô ngần thâm sâu...
Hai điều "thức, ngủ" nhiệm mầu,
Thức là kiếp sống dãi dầu nắng sương...
Trần gian vất vả đoạn trường,
Sống trong khổ ải thói thường xưa nay.
Sống là thức, kiếp đọa đày...
Cửu Thiên Khai Hóa trần ai nắm quyền...
Ngủ là giấc ngủ thật yên,
Hạnh phúc vô đối như thuyền bến mơ.
Ngủ là "chết" mấy ai ngờ,
Thuộc quyền Cực Lạc nên thơ ngút ngàn...
Pháp Luân Thường Chuyển miên-man,
Chơn Linh giục tấn Niết Bàn lập ngôi.

Nằm trong Bí Pháp sẵn rồi,
Càn Khôn Vũ Trụ xa xôi chập- chùng...
Đó là Vạn Pháp mông- lung,
Chơn Hồn Vạn Loại thảy cùng chuyển luân.
Vận hành Vũ Trụ ôn nhuần,
Muôn loài tiến hóa phải tuân "qui trình".

Vật nào phá luật chong chinh,
Thảy đều cam chịu cực hình không tha.
Cực Lạc Thế Giới mới là
Cầm cân trị thế thông qua luật Trời...
Hư Vô Tịch Diệt là nơi,
Chơn Linh định vị mỗi người tại đây.
Hễ ai đạo đức đủ đầy,
Chơn Truyền đạt được thang mây sẵn dành.
Đó là Bí Pháp tinh anh,
Do quyền Cực Lạc điều hành định phân.
Nơi đây hạnh phúc vô ngần,
Còn hơn sống cạnh người thân nhất đời.
Gần Cha gần Mẹ thảnh-thơi,
Lụa là nhung gấm cuộc đời như hoa...
Ở cùng Cha Mẹ một nhà,
Xây thành Đại Nghiệp thiết-tha yêu kiều.
Cùng nhau dẫn dắt chắt-chiu,
Chẩn bần nhặt-nhạnh sớm chiều công phu.
Khai thông những áng mây mù,
Trợ Đời giúp Đạo ngàn thu chi sờn...
Chung cùng Đại Nghiệp mừng hơn,
Tông Đường rạng-rỡ điệu đờn hòa âm...
Nhưng ai cũng có mơ thầm,
Dựng thành Đại Nghiệp cơ tâm của mình.
Nhà Cha với Mẹ dù xinh,
Tràn đầy ân sủng thâm tình Mẹ Cha...

Yêu thương Tông Tộc ruột-rà
Náu-nương "Tổ Ấm" ngàn hoa trổ đầy...
Nhưng rồi ta sẽ ngất-ngây,
Say nhìn Đại Nghiệp mình gầy dựng riêng.
Gia tâm cứu khó trợ hiền,
Vun bồi âm chất truân chuyên quản gì...
Hỏi rằng đắc "tướng" là chi?
Đó là "cái nghiệp" nằn-nì đeo-đai...

Vào nơi Cực Lạc rỡ mày,
An nhàn tự toại thiên thai động đào...
Tháng ngày thỏa thích tiêu dao,
Ngùi trong khoái cảm ngọt-ngào hương thơm
Là khi ở thế giữ mồm,
Vun trồng Cội Đạo nụ đơm trĩu cành...
Trải qua biết mấy kiếp sanh,
"Tiểu Thiên Địa" mới đạt thành vẻ-vang.
Trong ta Ma, Phật ẩn tàng,
Nửa Ma, nửa Phật vương mang kiếp người...
Phật là rạng rỡ vui tươi,
Oán cừu hóa giải cuộc đời hanh thông.
Từ bi bác ái thìn lòng,
Cứu nhơn độ thế dày công tô bồi.
Ai mà đạo đức buông trôi,
Oán cừu thù hận như chồi mọc lên...
Rợp trong bão táp sấm rền,
Dập dồn mâu thuẫn tạo nên chất chồng.
Đêm ngày khó nỗi thong-dong,
Hai sương một nắng dễ hồng an vui...
Ngổn-ngang tâm sự rối nùi,
Hơn thua dẫn đến như đui như lòa...
Tự mình tạo nghiệp quỉ ma,
Đắm chìm quỉ vị thân ngà còn đâu...!

Chí Tôn cũng lắm nghẹn-ngào,
Cũng từng lâm cảnh quỉ cao lộng hành...!
Hướng về "Bác Ái" cho nhanh,
Gieo trồng công đức trọn lành tốt tươi.
Đó là xây nghiệp trên trời,
"Đại Thiên Địa" trải khắp nơi sông hồ.
Làm người chớ quá ngây-ngô,
"Tiểu Thiên Địa" gắng dồi tô điểm màu.
Thương yêu đoàn kết với nhau,
Oán cừu thù hận tơ hào chớ vương...

Mới an vui, chốn Thiên Đường,
Vùi trong lạc thú tình thương đậm-đà.
Thời gian giới hạn gần xa,
Sớm chầy, dài ngắn hài hòa tội công...
Hưởng nhàn an lạc thảy đồng,
Mọi người như một, lâu không do mình.
Thật ra tùy thuộc Chơn Linh,
Kiếp sanh có giảm hận tình trái oan?.
Ai ơi! Ấn chứng rõ ràng,
Tượng hình Tam Thánh chói chang trước Đền.
Hỡi người còn nhớ hay quên?
Áng văn lồng lộng trên nền trời thanh...
Bản "Hòa Ước" ký đành rành,
Thương yêu vạn loại ghét ganh nỗi gì...!
Oán cừu thù hận quên đi,
Giả trong chồng vợ lỗi nghì với nhau.
Hoặc trong huyết thống máu đào,
Giận hờn dai-dẳng hãy mau nhún-nhường.
Giải trừ bằng chính "tình thương"
Để cho ma nghiệt hết đường đeo-đai...
Tình thương mới xóa oán dài,
Đó là Bí Pháp khắc ngay nơi lòng.

Nào ai thấu đáo hay không?
Cơ quan giải thoát chớ hồng buông lơi.
Mau về Cực Lạc sáng ngời,
"Tiểu Thiên Cung đó" khung trời riêng ta.
Đây là Cảnh Phật thật-thà,
Chỉ ngồi định pháp quỉ ma nể vì.
Tham thiền dẹp bỏ sân si,
Tinh thần ổn định kiên trì luyện tâm.
Ung dung bất động âm thầm,
Linh quang chiếu diệu cơ tâm sáng lòa.
Tự nhiên thấu đáo gần xa,
Càn Khôn Vũ Trụ sơn hà làu thông.
Tọa thiền định lực như trồng,

Dời non lấp bể ngăn sông dễ dàng ...
Hữu hình vốn cũng cao sang,
Đâu bằng Bí Pháp Thiên Đàng vô biên.
Thế nên Bí Pháp ẩn truyền,
Hữu hình cố tập thật chuyên mau thành.
Khi nào đạt pháp tinh anh,
Quyền năng vô đối, vận hành nước non.
Cơ sanh hóa mãi xoay tròn,
Biết đâu Từ Phụ cho con "Địa Cầu"
Đặc quyền cai quản một Châu,
Hay là Tổng Trấn đứng đầu một biên.
Khó mà cạn thấu uy quyền,
Tự nhiên phát triển tùy duyên kiếp người ...
Luân hồi mỗi kiếp càng tươi,
Khi nào điều khiển Khung Trời mới thôi.
Càn Khôn cai quản được rồi,
Giống như Từ Phụ sẵn ngôi cho Ngài.
Quyền năng vô tận trong tay,
Đạt thành Chơn Pháp miệt-mài đường tu ...

Đường tuy diệu vợi mịt mù ...
Nhưng ta đến đó mới "khu" cuối cùng.
Bây giờ trở lại nghiệp chung,
Tông Đường ba hạng hảo phùng cõi Thiên.
Một là trí thức trọn hiền,
Nguơn Linh sản xuất tự nhiên tá trần.
Hai là thuộc hạng ngoại thân,
Anh, em, cha, mẹ xa gần Tộc Tôn ...
Hoặc chung một kiếp Chơn Hồn,
Bạn bè quen biết tinh khôn giao tình.
Ba là đầu kiếp "giáng linh"
Một thân đặc biệt riêng mình mà thôi.
Không cần tái kiếp luân hồi,
"Nhứt thân ức vạn" cao ngôi diệu huyền.
Mỗi người thành đạt tùy duyên,

Sự Thương Yêu

Thánh giáo Đức Chí Tôn ngày 27-10-1927

" . . . . . .

Thầy đã dạy, Thấy chỉ một lòng mơ ước cho các con biết thương yêu nhau trong Thánh đức của Thầy. Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam Thập Lục Thiên, Cực Lạc Thế giới và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự thương yêu, thì chẳng hế qua khỏi cửa luân hồi. Có câu nầy nữa: "Mọi sự khó khăn Thầy gánh vác, chỉ cậy các con thương yêu gắng công độ rỗi."

THĂNG

Lắm phen nhiều kiếp Cửu Huyền dõi phân.
Chí Tôn an định cõi trần,
Có sanh có tử một lần không hai.
Chết rồi rữa rục thi hài,,
Một vần tử khí bọc ngay Chơn Hồn.
Kết tòa sen ngự đỡ chơn,
Nguơn Linh định vị giúp huờn Cung Thiên.
Nguyên Linh là gốc mối giềng,
Tạo vầng tử khí cho riêng mỗi người.
Ngại rằng mình cứ buông lơi,
Sợ chăng chỗ đó suốt đời núng - nao ...!
Còn thân: nội, ngoại * yên nào,
* (nội ngoại thân)
Vì luôn phản-phúc không sao ngăn ngừa.
Thân tình, lắm lúc không ưa,
Bà con ruột thịt có vừa lòng đâu ...?

(còn tiếp)

Luận Giải lời dạy của Đức Hộ Pháp.

HT Lê Văn Thêm

Có nhiều người khi nghe nói về Tinh, Khí, Thần, thì thường hay nghĩ đến luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hườn hư, mà nói gọn hơn là luyện Tinh, Khí,Thần hiệp nhứt . Đây là cách nghĩ mặc dù có đúng nhưng không đủ, đặc biệt là khi liên quan đến giáo lý thâm diệu của Đạo Cao-Đài.

Nói đúng là đúng ở chỗ Đạo Cao-Đài khi dạy về tu Chơn thì có nói đến luyện Tinh, Khí, Thần, thường được hiểu đó là cách tu phát nguồn từ Lão Giáo đặt trọng tâm vào việc tịnh luyện.
Nhưng nói Không Đủ ở chỗ Đạo Cao-Đài vì ngoài việc luyện Tinh Khí Thần, kinh cơ và giáo lý Đạo Cao-Đài còn dạy một cách Tu Thân khác hơn, đó là Tu Chơn trên nền tảng Phật Đạo mà Kinh Thiên Đạo và Tận Độ của Đạo Cao-Đài , cũng như Thánh Lịnh số 1 ngày Rằm tháng Chạp năm Đinh Hợi (nhằm ngày 25-01-1948) của Đức Hộ Pháp có nói rất rõ. Đây là đường lối tu bằng cách dâng hiến trọn vẹn xác thân, chơn thần và chơn linh để phá chấp hoàn toàn, phá từ chấp ngã đến chấp pháp, và trước đó lại chú tâm vào phá chấp văn tự , ngôn ngữ mà trong đêm thuyết pháp tại Đền Thánh ngày 08 tháng 06 năm Kỷ Sữu Đức Hộ Pháp có dạy tín đồ là phải Hiến ba món báu trong mình , đó là Tam bửu. Đức Ngài bảo "Hiến để phụng sự Vạn linh" và nói rằng " Phụng sự Vạn linh đó là cơ quan giải thoát."

Đến đây cũng xin được nói rõ là trong những lần thuyết đạo về đường lối tu nầy Đức Hộ Pháp chỉ dạy " Hiến" chớ không có dạy " Luyện" tức ngoài cách tịnh luyện. Đức Hộ Pháp lại dạy thêm một đường lối tu khác để đạt được Đạo, đạt được A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề hay Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác, cũng có nghĩa là Phật quả.
Nói về Phật quả, hay để đạt được quả Phật, sự thật đây quả là có rất nhiều khó khăn, mà để giải tỏa trọn vẹn những khó khăn nầy thì qua những lần thuyết đạo về Bí Pháp dâng Tam Bửu để giải thoát, Đức Hộ Pháp đã không có nói tất cả, có phải chăng vì lý do thời gian, mà chắc chắn hơn hết là không ngoài lý do " Ý tại ngôn ngoại", do chân lý không thể diễn tả hết bằng lời nói được, vì chính Đức Phật vẫn còn phải lấy ngón tay để chỉ mặt trăng kia mà, vì thế nên những lời dạy Đạo của Đức Hộ Pháp vẫn còn quá nhiều ẩn tàng quá đổi cao siêu, có phải chăng Đức Ngài nói để cho ngày sau luận tạng khai triển, vì chính Đức Ngài qua lần thuyết Đạo trước đó vào ngày 05 tháng 04 năm Kỷ Sữu cũng đã khuyên tín đồ và nhơn sanh là " đừng có bơ bơ nữa, điều khó khăn là phải để tinh thần trí não mà tìm hiểu cho lắm, vì khó lắm, và phải rán học thì mới có thể đoạt pháp đặng."

Tóm lại, đúng như lời Đức Ngài đã dạy, và đức Ngài còn bảo rõ là cần phải viết sách vì quả thật bí pháp nầy rất khó, thậm thâm vi diệu, thật là khó, nhất là đối với những môn đồ cố tìm phương đoạt lý. Đây chính là lý do mà đã nhiều năm trước kia khi cố tìm hiểu bí pháp nầy người viết đã để chương sáu sau chương năm đúng theo thứ tự luận giải giáo lý, nhưng giờ đây lại phải đem chương sáu để trước chương năm, tức có sự lộn ngược thứ tự hai chương đó chẳng qua là để làm sao cho dễ hiểu và dễ dụng công tu trì mà mục đích là chú tâm vào việc chứng ngộ một giáo pháp quá cao siêu, quá khó hiểu, chẳng khác nào như khi Phật giảng kinh Kim Cang.

Khi Phật giảng kinh Kim Cang, vào lúc đó Ngài Tu Bồ Đề , một vị Đại đệ tử của Phật đã tu chứng đến độ không còn thủ tướng tức là đã phá tan tướng ngã, gần như như bất động, thế mà có những đoạn trong kinh hầu như Ngài không hiểu rõ. Về sau nầy, qua hơn 2500 năm, một vị Hòa Thượng Thiền sư lừng lẫy về Tổ Sư Thiền , Tối Thượng Thừa thiền , khi giảng kinh Kim Cang, cũng cho biết là lúc còn học lớp Phật Giáo trung cấp, vào lúc tuổi độ ba mươi, khi đó đọc kinh Kim Cang cũng không hiểu

gì cả. Vào lúc đó Ông nghĩ rằng kinh Kim Cang của Đại Thừa Phật Giáo thì ra "chỉ để thờ thôi chớ Phật nói như vậy thì làm sao hiểu nỗi". Thế rồi qua hơn bốn mươi năm tiếp tục tu, đến lúc đã quá tuổi thất thập cổ lai hi, sau khi ngã pháp tâm không, bây giờ đọc lại kinh Kim Cang thì không ngờ những gì Phật nói trong kinh giờ đây lại hiển lộ, quá hay, quá cao siêu, dù rằng trước kia lại thấy quá khó, tưởng rằng không bao giờ và không làm sao có thể hiểu nỗi.

XXX

Không khác trường hợp kinh Kim Cang, ngày nay việc tìm hiểu bí pháp dâng Tam Bửu do Đức Hộ Pháp giảng dạy cũng rơi vào hoàn cảnh tương tự. Những gì mà Đức Hộ Pháp nói trong bí pháp giải thoát nầy quả cũng khó hiểu thật. Làm sao để có thể hiểu rằng chỉ cần cầu nguyện niệm suông thôi có mấy câu mà lại có thể giải thoát thành Phật được. Thật là đến đây chúng ta lại gặp phần khó khăn nhất; do đó phải làm sao tìm hiểu cho thấu, đạt đến cho thông, hoặc trực nhận, hoặc thẩm thấu những gì mà Đức Hộ Pháp đã nói, nhất là vào lúc Ứng thân thị hiện Phật lực dung thông, Đức Ngài dạy bí pháp giải thoát nầy. Đức Ngài đã nói như trước đây hơn 2500 năm Đức Phật Thích Ca đã dạy kinh Kim Cang chẳng khác.

Nói rõ hơn, những gì mà Đức Hộ Pháp dạy tín đồ và nhơn sanh về cách tu Thiên Đạo qua bí pháp dâng Tam Bửu có khó thật , khác hẳn khi Đức Ngài dạy tu Nhơn đạo với trước tác " Phương Tu Đại Đạo" qua bút hiệu Ái Dân Phạm Công Tắc thật vô cùng dễ hiểu. Có phải chăng, cũng như Đức Phật Thích Ca khi dạy kinh Kim Cang, Đức Hộ Pháp trong lần thuyết giảng về bí pháp dâng Tam Bửu để giải thoát nầy, đã giảng dạy qua ứng thân là một vị Phật, mà như Đức Ngài đã nói trong đêm thuyết đạo 30 tháng 10 năm Kỷ Sửu (1949) rằng:" Phẩm vị Phật sống Đức Chí Tôn để cho Bần Đạo mà Bần Đạo chưa có ngồi."

Thật vậy, có những lời dạy của Đức Hộ Pháp trong bí pháp dâng Tam Bửu chẳng khác chi lời nói của Đức Phật Thích Ca trong kinh Kim Cang, hầu như khó làm sao luận giải đạt lý nỗi, rất khó trực nhận, càng khó tâm chứng, chẳng hạn như Đức Ngài nói:
1-" Chúng ta trọn hiến dâng làm Thánh thể cho Ngài, mà ta sống cho mình chớ không phải sống cho Ngài là không đúng. Sống không phải sống cho mình mà chính sống cho Ngài ... Sống dường ấy mà gọi khổ sao đặng."

2-" Đức Chí Tôn bảo chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt cơ giải thoát"

3-" Thân tôi không còn của tôi nữa, tôi đã hiến cho Đức Chí Tôn làm tôi tớ cho vạn linh thay thế cho Đức Chí Tôn, giờ phút đó chúng ta không biết tội nào chúng ta đã làm .. . .Cơ quan giải thoát chúng ta đạt không thể gì định tội được."

4-"Ngày kia mình có thể nói mỗi hành tàng của con làm, con đã tạo, con giao cả trong tay Đại Từ Phụ, quyền hạn xử định do nơi tay Thầy, chớ con không biết . .. .Hễ dâng rồi thì còn gì của mình nữa . .. . , vì mình giao cả thân thể mình nơi tay Đức Chí Tôn thì mình không còn biết gì nữa."

Xin được tìm hiểu ý nghĩa từng phần một với ước mong thấy được diệu lý ẩn tàng trong lời dạy của Đức Ngài.

I-Dâng Tam Bửu để Giải Khổ và Giải Thoát

Trong phần trước tiên dạy dâng Tam bửu để giải khổ và giải thoát , Đức Hộ Pháp, trong đêm thuyết pháp 29 tháng 05 năm Kỷ Sửu tại Đền Thánh có nói như sau:
" Chúng ta trọn vẹn hiến thân làm Thánh thể cho Ngài mà ta sống cho mình chớ không phải sống cho Ngài là không đúng; sống không phải sống cho mình mà chính là sống cho Ngài, vì

chính mình đem trọn cái sống ấy dâng nạp cho Ngài, mà tưởng tượng ta khổ thì tức nhiên Đức Chí Tôn khổ còn gì. Ổng không có khổ mà lại sống vinh diệu quá, ta lại gặp thời kỳ nầy, may duyên gặp được một cảnh sống lạ thường, sống về Thánh Chất, sống về Thiêng Liêng, sống về Càn Khôn Vũ Trụ, sống về Trời Đất, sống dường ấy mà gọi là khổ sao đặng."

Như vậy là Đức Hộ Pháp bảo rằng sống không có khổ? Mà có đúng sống là chẳng có khổ phải không? Nếu không khổ thì tại sao khi dạy người đời tu, đạo Phật lại nói đời là khổ, không, vô thường, vô ngã và Đức Phật Thích Ca sau khi thành Đạo, bài pháp đầu tiên mà Ngài nói tại vườn Lộc Uyển cho năm anh em Ông Kiều Trần Như là Tứ Diệu Đế thì trong đó chân đế khổ cũng được Đức Phật nêu ra trước tiên. Nói cách khác, theo Đức Phật Thích Ca đã giảng, mà hầu hết tất cả mọi người cũng đều kinh nghiệm, thì đời là bể khổ. Chính Đức Phật Thích Ca thấy chúng sanh khổ nên nói " nước mắt chúng sinh còn hơn bể cả" còn bài Khai kinh của Đạo Cao-Đài cũng đã xác nhận là " Biển trần khổ vơi vơi trời nước" và trong Thánh Nggôn Thầy cũng có nói:

" Khổ lắm con ơi khổ lắm con,
Con còn lăng líu lắm nghe con... "

Ấy vậy mà tại sao Đức Hộ Pháp lại nói không khổ?

Ngài nói là có lý do của Ngài. Ngài nói như vậy không có nghĩa là Đức Ngài phủ nhận cái khổ ở thế gian. Đức Ngài vẫn công nhận là thế gian có khổ, nhưng bây giờ đây phải làm sao thoát cho được cái khổ đó. Nếu đã thoát ra khỏi rồi thì làm sao lại nói khổ được. Sống ở thế gian mà thoát được khỏi cái khổ thế gian, như vậy có phải là sống mà chẳng có khổ không? Nhưng phải làm sao để thoát được? Làm sao để sống mà không khổ? Đây là những gì mà Đức Ngài đã dạy:

Trước tiên Đức Ngài bảo chúng ta trọn hiến thân cho Đức Chí Tôn. Phải hiến thân trọn vẹn cho Đức Chí Tôn thì thứ nhứt chúng ta mới giải được khổ và thứ hai ta mới giải thoát được.

Vậy xin luận bàn trước về việc hiến thân trọn vẹn để giải khổ.

I-Hiến thân tron ven để giải khổ:

Với chữ trọn vẹn mà Đức Hộ Pháp đã dùng có nghĩa là hoàn toàn , hay nói rõ hơn là hiến thân với toàn tâm toàn ý, chớ không phải hiến suông chỉ với nguyện niệm qua loa, còn trong thâm tâm thì không có hiến gì cả.

Để nói rõ ý nghĩa của sự hiến dâng trọn vẹn và không trọn vẹn có kết quả như thế nào , xin được lập lại đây lời nói của Lục Tổ Huệ Năng đã dạy trong Pháp Bảo Đàn Kinh.

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng nói: " Miệng niệm mà tâm hành tâm miệng tương ứng. Miệng niệm mà tâm chẳng hành như huyển như hoá." Nghĩa là bất cứ nguyện niệm nào mà con người thốt ra với miệng nói tâm hành thì đương nhiên cả hai sẽ phối hợp nhau đem lại kết quả như ý, còn với nguyện niệm nào mà người niệm chỉ nói suông thôi nhưng tâm lại khác, những nguyện niệm đó chẳng khác nào như khói như sương, nói đó rồi bay đi mất đó, chẳng có kết quả gì.

Nói khác hơn, Đức Hộ Pháp bảo phải hiến dâng trọn vẹn, vì có hiến dâng trọn vẹn với toàn tâm toàn ý thì mới thực hành được hạnh Bồ Tát , chớ nếu chỉ niệm hiến dâng suông thôi thì con người vẫn còn giữ hạnh phàm phu. Về điều nầy Đức Ngài có nói rõ ngay từ đầu câu là: " Chúng ta trọn vẹn hiến dâng làm Thánh thể cho Ngài mà ta sống cho mình chớ không phải sống cho Ngài là không đúng."

Phải nói không đúng như lời Đức Hộ Pháp đã dạy , là vì sau khi hiến dâng , tức hành hạnh bố thí hay buông bỏ của Bồ Tát thì người hiến dâng hay buông bỏ đã bước vào ngưỡng cửa của Bồ Tát rồi, tức đã vào Bồ Tát Đạo rồi. Nếu đã bước vào ngưỡng cửa

của Bồ Tát rồi mà còn đam mê cái xác thân ô trọc bẩn thiểu bất tịnh nầy thì làm sao đúng là Bồ Tát được. Đức Phật Thích Ca, trong kinh Kim Cang há chẳng từng nói: " Bồ Tát mà còn tướng ngã tướng nhơn tức chẳng phải là Bồ Tát", tức Bồ Tát mà vẫn còn chấp tướng, chấp ngã nghĩa là còn ham xác thân mình thì không phải là Bồ Tát đích thị, vàLục Tổ Huệ Năng trong Pháp Bảo Đàn Kinh cũng lập lại để xác nhận những gì Đức Phật Thích Ca trước kia và Đức Hộ Pháp sau nầy đã nói quả không sai.

Lục Tổ Huệ Năng nói: " Không tu là phàm phu, một niệm tu tức tâm đồng với Phật. Phàm phu tức Phật. Phiền não tức bồ đề. Niệm trước chấp cảnh là phàm phu, niệm sau xa lìa cảnh là Phật."

Trong lời nói của Lục Tổ Huệ Năng, để xác nhận những gì Đức Phật Thích Ca trước kia và Đức Hộ Pháp ngày nay đã dạy, có hai ngôn từ hay hai vế cần được làm sáng tỏ.

Ngôn từ thứ nhất là chữ " Tu " và ngôn từ ở vế thứ hai là: " Chấp cảnh lìa cảnh". Vậy cần phải nói rõ Tu là sao, chấp cảnh lìa cảnh là sao thì những gì mà Lục Tổ Huệ Năng hay Đức Hộ Pháp dạy mới hoàn toàn sáng tỏ được.

Trước nhất là chữ Tu.

Về chữ Tu thì hầu hết mọi người tu ai cũng biết Tu là sửa. Sửa ở đây là sửa cái sai trái của mình mà muốn sửa cái sai trái của mình thì trước nhất phải biết cái gì là sai, cái gì là trái.

Nhưng để biết cái nào là sai, cái nào là trái thì con người phải dùng cái gì để mà biết ?

Con người phải dùng tâm. Nghĩa là cuối cùng cũng phải vận dụng đến tâm để biết, để sửa, để tu. Nói như thế có nghĩa là tu tức phải tu tự tâm chứ không phải tu ở miệng. Chẳng phải nguyện niệm là xong. Chẳng phải nói mình là người tu, là tín đồ hay chức việc, chức sắc rồi mình thật là người tu, hay là chức việc chức sắc thật sự đâu?

Với chữ " thật sự " mà nhiều người có thể hiểu theo ý nghĩa chỉ về tướng như áo mão có thêu, có màu sắc . .v. . .v. . Nhưng đúng ra chữ " thật sự" phải hiểu đúng là về tâm. Thử nhìn xem coi người tu hay chức việc quả thật có tâm tu không , hay chỉ vào chùa rồi gọi là tu thì chưa chắc đúng. Cũng như chờ xem coi chức sắc có đạo cao đức trọng không; chớ vận y phục chức sắc mà vẫn còn tranh đua hơn thua, phải quấy, tốt xấu, khen chê, phân biệt tướng ngã tướng nhơn, ta hơn, người kém, thì đó không phải là chức sắc đích thị như Đức Phật Thích Ca đã nói ở trên là" Không phải Bồ Tát đích thị".

Kết Luận Về chữ tu là phải tu tại tâm, chứ không phải tu ở tướng. Tu tướng là vào chùa, vào Thánh thất cúng lạy rồi cuối cùng cư xử y như những phàm phu. Còn tu tâm là dù ở nơi Thánh thất hay ở nhà hoặc bất cứ nơi đâu, điều cần thiết là phải biết sửa đổi cái tâm mình, làm cho cái tâm của phàm phu trở thành cái tâm của Hiền, của Thánh. Đây chính là điều mà để dạy nguời tu. Đức Hộ Pháp bảo: " phải sống cho Ngài tức Đức Chí Tôn, chớ không phải sống cho mình" , mà rõ nhất là Lục Tổ Huệ Năng bảo " chấp cảnh và lìa cảnh".

Với câu chấp cảnh lìa cảnh, Lục Tổ Huệ Năng muốn nói niệm trước chấp cảnh là phàm phu, niệm sau lìa cảnh là Bồ Tát, là Phật. Xin thử đơn cử một thí dụ:
Một người chưa biết tu, còn ái dục, đam mê, bám víu bản thân mình. Ai nói động tới là chửi, ai chạm đến là đánh. Như vậy là hành động như phàm phu chớ gì vì phàm phu nên mới chấp thân, chấp cảnh và vì còn chấp thân, chấp cảnh nên mới cư xử theo cung cách của phàm phu.
Trái lại, với người thấy được thân là bất tịnh, duyên hợp, vô thường, huyển hoá nhưng trong thân như thân thú nầy lại có Thánh, Phật, có Ông Trời ở trong đó như lời Đức Hộ Pháp đã dạy, thế rồi sẵn sàng đem hiến dâng cái thân thú chất vật hình mình phục vụ vạn linh để làm hiển lộ cái cốt cách Thánh Phật, Trời ở trong đó, như vậy đúng là hiến đi cái sanh diệt để làm lộ

ra cái bất sanh bất diệt, hiến đi cái phàm phu để làm lộ ít nhất bản thể Bồ Tát của mình. Như vậy tại sao mà lại không làm. Nếu không làm thì cao lắm 100 năm, cái sanh diệt tức cái thân nầy cũng trở về với cát bụi, tiêu tan, mà linh hồn thì sa đọa, còn nếu làm thì thân nầy dù chưa chết , nhưng cốt cách Hiền, Thánh, Bồ Tát bắt đầu từ từ hiển lộ và nguyên căn Thánh Phật ngày cuối cùng cũng sẽ hiển lộ hoàn toàn. Vậy mà tại sao con người lại không chịu hiến dâng? Tại sao con người không hiến thân trọn vẹn cái thân thú chất vật hình để phụng sự cho vạn linh? Một khi đã hiến dâng trọn vẹn rồi, có nghĩa là hiến dâng với tất cả tâm ý, hoàn toàn phá tan chấp ngã, thì còn gì để đắm mê luyến ái cái thân ô trược lục dục thất tình nầy nữa. Nếu còn đắm mê luyến ái , đó là còn "sống cho mình" , nhưng nếu hiến dâng trọn vẹn với toàn tâm toàn ý , không còn mãi mê nó, tham đắm nó, mà sẵn sàng quên nó, bỏ nó hay nói rõ hơn là đem nó dùng làm phương tiện để phục vụ vạn linh, phổ độ nhơn sanh. Đó là đã " thể nhập vào Đức Chí Tôn, vào thân của Ngài" có nghĩa là " thân mình như thân Ngài" và cũng có nghĩa là " Mình không còn sống cho mình mà sống cho Ngài" rồi, đó mới đúng là lời Đức Hộ Pháp đã dạy.

Đến đây một câu hỏi mới cần được đặt ra là tại sao mình là kẻ phàm phu, với thân xác thịt thúi hôi mà lại nói thân mình là thân của Ngài , trong khi thân Ngài là thân Trời thân Phật. Làm sao để có thể thực hành được lời dạy của Đức Hộ Pháp ở câu kế tiếp như sau: " Sống không phải sống cho mình mà sống cho Ngài". Vậy muốn sống cho Ngài tức không còn sống cho mình thì mình phải làm sao?

Để có thể làm được việc nầy, và cũng để làm sáng tỏ lời dạy của Đức Hộ Pháp , người tu cần một lần nữa nhớ lại lời nói sau đây của Lục Tổ, đó là " Phiền não tức bồ đề, phàm phu tức Phật". Phàm phu tức Phật có nghĩa là phàm phu cũng là Phật hay nói cho dễ hiểu hơn là phàm phu cũng có thể thành Phật. Phàm phu với Phật chỉ khác nhau ở chỗ mê và ngộ mà thôi. Lục Tổ nói:

"Một niệm mê là chúng sanh, một niệm giác là Phật." Và Đức Hộ Pháp cũng nói: " Nguơn linh xác thịt ấy là Phật và thú" và " trong con thú nầy có ÔngTrời ở trỏng".

Có Ông Trời ở trong con thú nầy tức trong xác thân nầy, vậy tại sao người tu lại không làm hiển lộ Ông Trời đó để làm Trời, là Phật, làm Thánh, làm Tiên. Tại sao không dùng xác thân nầy để giải khổ giải thoát.

Giải khổ và giải thoát thì chỉ cần trọn vẹn hiến dâng xác thân nầy với toàn tâm toàn ý, tức hoàn toàn phá tan chấp ngã, để lo phổ độ, lo phục vụ vạn linh, như thế là ta sống như Đức Chí Tôn sống , " Ta sống không phải cho mình mà cho Ngài" cũng có nghĩa là sống để phục vụ vạn linh. Đức Chí Tôn đã làm như vậy nên được xưng tụng là " Ông Trời". Vậy tại sao ta không chịu làm như Đức Hộ Pháp dạy, phá tan chấp ngã, sống như Ngài, với Ngài, ở trong thân Ngài, hay có thân như thân Ngài, thực hiện đúng câu " Thầy là các con, các con là Thầy" thì chẳng có gì là khó cả, chỉ cần trọn vẹn hiến dâng cái xác thân vật chất thú hình nầy, chỉ cần đập tan cái ngã của ta để giác tha thập loại chúng sinh, như vậy thì nguyên căn Thánh, Tiên, Bồ Tát, Phật sẽ hiển lộ ra, tức là " ta đã ở trong Ngài " hay đã " như Ngài". Như Ngài mà "Ngài thì không có khổ" như lời Đức Hộ Pháp đã nói, mà trái lại thì " Ngài sống vinh diệu quá, sống về Thánh chất, sống về Thiêng Liêng, sống về Càn Khôn vũ Trụ, sống dường ấy mà gọi là khổ sao đặng" Ngài đã không khổ thì ta như Ngài làm sao ta khổ được. Như vậy hiến thân là giải khổ nằm trong ý nghĩa nầy vậy.

Để minh chứng việc hiến thân hay bố thí tức buông bỏ hay ban cho có thể giải khổ và giải thoát, xin được kể lại trường hợp của Đức Phật Thích Ca khi Ngài còn dong ruổi trên bước đường hoằng pháp độ sinh.

Đức Phật Thích Ca lúc còn tại thế thường ngày hay đi ra ngoài dân chúng hoặc để giảng đạo hay khất thực. Một hôm, Ngài đi vào một thôn xóm nọ mà người ở đây hầu hết theo đạo BàLa Môn. Do tín đồ Bà La Môn có một phần lớn đã bỏ Đạo và cải sang đạo Phật, vì thế mà các chức sắc Bà La Môn rất căm giận Đức Phật.

Họ thấy Đức Phật đi qua, họ chạy ra chửi. Phật vẫn cứ tiếp tục đi, họ không bỏ qua, vẫn đi theo và vẫn cứ chửi. Họ chửi mãi nhưng thấy Phật chẳng phản ứng gì cả mà cứ lặng thinh đi. Họ tức quá nên một nhóm chạy tới trước mặt Phật chận đường để buộc Phật phải dừng lại, lúc đó họ mới hỏi Phật.

" Cù Đàm, chúng tôi chửi Ông, Ông có nghe không?"
Phật trả lời " Có nghe"
Họ bèn hỏi có nghe nhưng sao không trả lời, không nói gì cả.
Phật bèn nói:" Bây giờ tôi nói nhưng quý Ông có chịu nghe không? Và nhóm người Bà La Môn bảo sẵn sàng nghe.
Đức Phật hỏi rằng: " Giả dụ nhà của quý Ông có đám giỗ và bà con hàng xóm được mời đến dự. Sau khi tiệc tàn họ ra về và gia chủ tặng cho mỗi người một gói quà. Hầu hết mọi người đều nhận nhưng có một người không nhận, như vậy thì gói quà đó thuộc về ai?"

Nhóm người Bà La Môn nói rằng cho mà không nhận thì quà đó vẫn còn thuộc về chúng tôi chớ còn của ai khác nữa.

Đức Phật nói: " Cũng vậy. Quý Ông chửi tôi mà tôi không nhận thì thôi chớ có sao đâu" và Đức Phật nói thêm rằng " Hơn nữa thì sợ người oán hận trả thù. Thua người thì bực tức tối chẳng ngủ yên. Thế thì thôi đừng nên hơn thua, vậy không còn lo sợ bị trả thù, không còn bực tức khổ đau và tối đến thì cứ thẳng hai chân ngủ."

Qua câu trả lời trên đây cũng như cách ứng xử, Đức Phật muốn nói lên những gì và với ý nghĩa nào để dạy dổ chúng sanh?
Ý nghĩa thứ nhứt mà Đức Phật muốn nói lên đó là Tâm Từ Bi và lòng Nhu Hoà Nhẫn Nhục
Với tâm Từ Bi và lòng nhu hòa nhẫn nhục nên Đức Phật đã nhịn được một cách dễ dàng, không cần phải buông lời đáp lại. Đây là Phật tánh thứ nhất và thứ năm của một vị Phật. Đây cũng là cách không cần phải dùng tới lời nói, ngôn ngữ để dạy người mà chỉ cần hành động hay dùng hạnh của mình hành để giáo hóa. Đạo Lão gọi đây là " *hành bất ngôn chi giáo*" và Đạo Cao- Đài với " *Câu kinh vô tự độ người thiện duyên*" cũng nhằm để chỉ hạnh nguyện nầy.

Ý nghĩa thứ hai là Đức Phật muốn dạy cho chúng sanh biết thế nào là hạnh hiến dâng hay hạnh bố thí tức buông bỏ hay ban cho mà muốn hành hạnh nầy được trọn vẹn thì ngoài từ bi nhẫn nhục người tu cần phải có thêm Trí Tuệ nữa.
Trí tuệ ở đây là trí tuệ thấy rõ thứ nhất là luật nhân quả và thứ hai là tánh không của muôn pháp.
Với trí tuệ thấy rõ luật nhân quả nên Đức Phật đã không đáp lời, vì biết rằng hễ ngôn ở đâu thì nghiệp sẽ theo đó, và chính nghiệp là động cơ dẫn dắt luân hồi. Những người Bà La Môn trên đã chửi Phật nhưng Phật không phản ứng dù qua lời nói, là vì vậy.
Rồi khi được người Bà La Môn cho nói Đức Phật cũng nói vừa và nói đủ mà thôi. Nói để cảnh tỉnh lòng người chớ không phải nói để làm cho người đau khổ do đó mà Đức Phật chỉ nói: " Quý Ông chửi tôi mà tôi không nhận thì thôi chớ có sao đâu" thay vì nói rõ hơn là" Tôi không nhận thì những tiếng chửi bới kia còn ở quý Ông, tức quý Ông sẽ nhận lại những tiếng chửi đó, như nhận gói quà lại vậy.". Đây là một câu đáp ứng đầy từ bi và trí tuệ, trí tuệ thấy rõ quả nhân như đạo Cao-Đài đã dạy là:

" *Lẽ báo ứng cao thâm kỳ diệu,*

Cho chúng sanh đặng hiểu răn mình."

Và trí tuệ thấy rõ tánh không của ngôn ngữ mà kinh Đạo Cao-Đài có ghi là:

" Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hoá",

chẳng khác chi tánh không của muôn pháp mà bất cứ ai thấy được hai loại tánh không nầy thì cũng sẽ sẵn sàng "hiến dâng" bố thí, buông bỏ, ban cho một cách rất dễ dàng.

Nói tóm lại, câu trả lời của Đức Phật Thích Ca nói trên đúng là lời nói của Từ Bi và Trí Tuệ, chỉ cho mọi người thấy rõ thứ nhất là " Tình Thương hay lòng Nhân Ái" và thứ hai là " Tâm Bình Đẳng hay Trí Công Bằng" mà Đạo Cao-Đài đã tượng trưng bằng hai chữ " Amour et Justice" trên ảnh tượng Tam Thánh đặt nơi Tịnh Tâm Đài tại tiền đình Toà Thánh Tây Ninh và các Thánh Thất địa phương.

Bảo rằng tình thương, và chỉ do tình thương, và chỉ có tình thương thì mới không chửi lại, mới hỉ xảbỏ qua luôn được, mà đã bỏ qua luôn được rồi thì còn có khổ vào đâu. Như vậy, hiến dâng hay bố thí , bỏ hay ban cho, tất cả do tình thương thì đó đúng là cơ quan giải khổ như Đức Hộ Pháp đã nói. Tình thương nầy Đạo Phật gọi là Tâm Từ Bi, đạo Khổng gọi là Nhân Ái, đạo Thiên Chúa gọi là Bác Ái, còn Đạo Cao-Đài gọi là Bác Ái, Nhân Ái hay Từ Bi được viết bằng chữ Amour mà để tìm hiểu rõ tình thương vị tha nầy khác với tình thương vị kỷ như thế nào và làm sao để có được tình thương đó, xin đọc " Thiên Nhơn Hiệp Nhất" tức Dieu et Humanité, Amour et Justice của cùng tác giả.

Còn đức tánh thứ hai của một vị Phật cũng có nghĩa là Phật tánh thứ hai, mà bất cứ ai muốn trở về với Phật quả thì phải dụng công tu trì, đó là " Tâm Bình Đẳng hay Trí Công Bằng" cũng có nghĩa là: " Không Phân Biệt" được viết bằng chữ Justice cũng trên ảnh tượng Tam Thánh tại Tịnh Tâm Đài Đền Thánh

mà vào lúc 8 giờ sáng ngày 10 tháng 07 năm Mậu Tý tức ngày 14 tháng 08 năm 1948 Đức Hộ Pháp hiệp cùng chư Chức Sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài, Phước Thiện và đông đảo tín đồ đã rước về an vị. Đây là một bức ảnh mà nếu nói về thể pháp thì khi đem đặt tại tiền đình ToàThánh , trước mặt mọi người trong cũng như ngoài Đạo, đó là Đức Hộ Pháp đã đặt một cơ quan giải khổ và giải thoát trước mặt nhơn sanh mà việc có trực nhận được hay không còn tùy ở căn cơ cũng như cách dụng công tu tập của mỗi nhơn sanh vậy.

Có trực nhận hay thẩm thấu được thì nhơn sanh mới giải khổ và giải thoát được. Hơn thế nữa, việc hoằng khai Đại Đạo có thể rộng mở bao nhiêu là cũng có phần tuỳ thuộc vào việc tâm chứng Bí Pháp ẩn tàng trong Thể Pháp nầy bấy nhiêu. Nói rõ hơn là Nhơn Đạo có đại đồng, Thiên Đạo có giải thoát hay nói cách khác là việc hoằng hóa giáo lý Cao-Đài có đại đồng hay không cũng do nơi Bí Pháp trong Thể Pháp Tam Thánh có được thể nhận, trực nhận, thẩm thấu, tâm chứng và thực chứng được đến mức độ nào,

Nói thể pháp nầy có thể giải khổ và giải thoát nhơn sanh vì bí pháp ẩn tàng trong thể pháp nầy là một bí pháp rất cao siêu của Đạo Cao-Đài , cũng là căn bản và nền tảng của giáo lý đạo Phật, đạo Lão cũng như đạo Nho mà việc trực nhận hay thẩm thấu được sẽ giúp cho nhơn sanh thấy rõ tánh không của muôn pháp, nói rõ hơn là tánh không của thân tâm ở mỗi nhơn sanh.

Thấy được tánh không của muôn pháp, nhơn sanh sẽ đạt được tâm hạnh " vô ngã, vô pháp" mà tâm hạnh hay tâm chứng nầy sẽ là một nấc thang đưa nhơn sanh từ Nhơn đến Thiên , và lúc còn ở tại thế gian nầy thì chắc chắn được hoàn toàn giải khổ mà danh từ thường được dùng để diễn tả đó là thân tâm tự tại hay thân tâm an lạc, đó là nhờ bí pháp hiến dâng, và để có thể hiến dâng trọn vẹn thì phải nhờ vào Trí Vô Đối mà Đức Hộ Pháp trong đêm thuyết Đạo ngày 26 tháng 05 năm Kỷ Sửu đã chỉ ra.

Đây là thể pháp hiển lộ mà bất cứ ai trong hay ngoài đạo cũng đều có thể tiếp cận được , quán chiếu được và nếu thật sự thực chứng được để sẵn sàng hiến dâng hoàn toàn thân tâm mình thì bất cứ ai cũng có thể từ phàm đến Thánh, từ Nhơn đến Thiên, đó là nhờ có được Trí Vô Đối bao hàm tinh tuý của Trí Lương Tri Khổng giáo và Trí Bát Nhã Phật Giáo, xin được trình bày ở chương sáu cuối cùng của quyển sách nầy.

II-Hiến thân trọn vẹn để giải thoát

Nói đến giải thoát thì có thể nhiều người rất mong muốn. Nhưng làm sao hiến thân để giải thoát được.

Để giải đáp câu hỏi nầy và cũng để thực hành lời dạy của Đức Hộ Pháp chắc cần phải nhờ đến giáo lý của Đạo Khổng và đạo Phật, mà phần giáo lý của đạo Phật thì khúc chiết hơn, hiển lộ hơn.
Theo giáo lý đạo Phật, đặc biệt là Phật giáo phát triển hay Đại Thừa thì người muốn thành Phật trước tiên phải lo tu hạnh Bồ Tát.
Tu hạnh Bồ Tát gồm có lục độ tức bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Đó là sáu hạnh mà bồ Tát phải tu. Trong sáu hạnh nầy thì năm hạnh đứng sau có thể nói dễ thực hành, chỉ có hạnh Bố Thí là khó hơn cả mà lại là hạnh trước tiên.

Bố thí là nói theo đạo Phật còn với đạo Cao-Đài thì đó là hiến dâng. Bố thí với đạo Phật có nghĩa là cho, là ban bố, là hiến tặng, và cả hai chữ bố thí hay hiến dâng đều có nghĩa là buông bỏ như đã được Phật dạy Ngài Tu Bồ Đề ở đoạn bốn " Diệu Hạnh" của kinh Kim Cang.

Với nghĩa thứ nhất là cho, ban bố, hiến tặng tuy thấy khó mà dễ. Còn với nghĩa thứ hai là buông bỏ có nghĩa là buông ra, không bám víu , tham đắm chấp trước, tuy thấy dễ mà lại rất khó.

Sở dĩ phải nói đến khó và dễ là vì hạnh bố thí của Bồ Tát gồm có bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô úy.

Bố thí pháp và bố thí vô úy là làm sao cho chúng sinh thấy rõ đâu là thật, đâu là giả, thấy rõ chân lý, không còn sợ sệt sự giả trá, huyển hóa để an tâm mà lo tu. Hai loại bố thí nầy tuy khó làm nhưng với những ai có trí hữu sư, có văn huệ thì có thể làm được. Còn riêng loại bố thí tài gồm có ngoại tài và nội tài thì có những điều cần ghi rõ như sau :

Bố thí ngoại tài là bố thí những gì thuộc về mình nhưng ở ngoài thân. Thí dụ như tiền thân Đức Phật Thích Ca , khi còn tu hạnh Bồ Tát, có lần đem cả vợ con mình cho người khác. Đây là một cách bố thí ngoại tài, cũng kể như tiền củavật chất vậy thôi.

Còn về bố thí nội tài thì việc bố thí nầy không còn có nghĩa là cho, ban bố, chia xẻ, hiến tặng mà lại có nghĩa là buông bỏ, hoàn toàn buông bỏ và rõ nét nhất là buông bỏ cả xác thân bao gồm ý nghĩa hiến dâng.
Nói rõ hơn, bố thí nội tài gồm có việc đem hiến tặng hay dâng nạp cả xác thân mình hay một phần của xác thân. Đây là một sự bố thí trong ý nghĩa buông bỏ toàn vẹn vì đã không còn tiếc thân thì còn gì để tiếc nữa. Con người đã đem cả xác thân mình dâng hiến để làm lợi ích cho chúng sanh , để phục vụ Vạn linh như đức Hộ Pháp nói, như thế là người tu hạnh nầy đúng là hạnh bố thí trong lục độ của Bồ Tát Đạo mà điển hình nhất là tiền thân Đức Phật Thích Ca đã làm.

Tiền thân của Đức Phật Thích Ca trong một kiếp tu hạnh Bồ Tát , Ngài đã dám đem thân mình dâng hiến cho cọp đói sắp chết ăn hầu cứu cho cọp được sống. Đây là một việc bố thí khó khăn nhất nhưng cũng là cao cả nhất , một sự buông bỏ vô đối mà chỉ có Trí Vô Đối hay Trí Bát Nhã thấy được tánh không của muôn pháp, thấy được chân không của tâm thể , cũng có nghĩa thấy được thế gian vô thường, vạn pháp vô ngã, chân không màdiệu

hữu, là cái thấy biết với tâm Bồ Tát, với tâm Phật thì mới làm được. Đây chính là một sự hiến dâng trọn vẹn , hiến dâng với toàn tâm toàn ý, hiến dâng với tâm thể chân không vô ngã mà Đức Hộ Pháp muốn dạy tín đồ khi nguyện niệm để dâng Tam Bửu. Nói rõ hơn, nguyện niệm hiến dâng không phải là một nguyện niệm suông, mà phải với tâm ý thấy rõ tánh không của muôn pháp để sẵn sàng và trọn vẹn hiến dâng, cũng như Bồ Tát tiền thân của Đức Phật Thích Ca đã thấy rõ tánh không của Ngã nên đã hiến dâng trọn vẹn nhục thân mình để cứu cọp đói vậy.

Tóm lại, bất cứ người tu nào mà một khi đã thấy rõ tánh không có toàn tâm toàn ý sẵn sàng trọn vẹn hiến dâng mình để phục vụ cho nhơn sanh, cho vạn linh thì lúc đó người tu ấy đã bước vào vòng Thánh, đã là Bồ Tát rồi. Điều nầy được chứng minh bởi Đấng Nhị Trấn Oai Nghiêm tức Đức Quán Thế Âm Bồ Tát qua việc Đức Ngài " Hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách", nghĩa là sau khi quán chiếu thấy rõ tánh không của sắc uẩn tức xác thân và sẵn sàng buông bỏ nó để cứu vớt vạn linh thì đắc quả Bồ Tát Đệ Tam Địa, rồi kế đến tiếp tục hiến dâng, bố thí hay buông bỏ thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn tức là tâm vọng thì bước lên Bồ Tát Thập Địa, tiến đến Bồ Tát Viên Giác để sẵn sàng trở về Phật quả.
Nói rõ hơn, muốn hiến dâng được như Bồ Tát thật sự, như Đấng Nhị Trấn Oai Nghiêm của Đạo Cao-Đài thì người hiến dâng phải làm được như Đấng Nhị Trấn Oai Nghiêm, đó là chiếu kiến được ngũ uẩn giai không , nói khác hơn là thấy rõ tánh không của Ngã và Pháp để có thể hoàn toàn phá tan chấp Ngã, chấp Pháp, sẽ được trình bày ở phần thứ hai kế tiếp thuộc chương nầy.

(còn tiếp)
HT Lê Văn Thêm

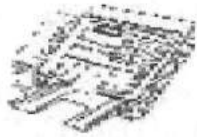

Việc Liên Lạc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Để việc liên lạc với Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại, các Ban Quản Nhiệm địa phương và Tập San Thế Đạo được dễ dàng và nhanh chóng, xin quýHiền Huynh, Hiền Tỷ liên lạc theo những cách như sau:

I- Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- Địa chỉ : 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121

2- HT. Nguyễn Ngọc Dư, Phone : (408) 238-6547
Fax# (408) 440-1372 ; E- mail: dutani@comcast.net

3- HT. Nguyễn văn Cầu, Phone: (408) 262-4209
E-mail: caunguyencd@gmail.com

4- HT. Mai văn Tìm, Phone: (425) 265-1095
E-mail: Timmai@juno.com.

II- Tập San Thế Đạo:

- Tập San Thế Đạo : 3076 Oakbridge Dr., San Jose, CA. 95121- 1716
- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bắc Cali:
HT Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 729-3922
- Đại-Diện Tập San Thế Đạo tại Nam Cali:
HTDP Huỳnh Mâng, Phone: (714) 544-5698
- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Georgia:
HTDP Trần văn Tánh, Phone: (678) 422-2588
- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Tiểu Bang Ontario, Canada:
HTDP Lê Đằng, Phone: (416) 780-1874
Fax: (416) 780-1829

III- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Washington & bang Oregon:

HTDP Trần Trung Dung Phone:(253) 815-1846

2- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Texas:

HTDP Trần Công Phone:(817) 244-7322

3- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Louisiana:

HT. Trần Huyền Quang Phone:(504) 347-9326

4- Đại Diện Ban Thế Đạo tại bang Georgia:

HT Cao Văn Bảy Phone:(770) 638-4616

HT Văn Công Cộng Phone:(678) 422-1946

5-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Florida:

HT Huỳnh Công Khanh Phone:(727) 544-9484

6-Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Toronto,Canada

HTDP Phan Văn Tông Phone: (905) 794-8200

HTDP Lê Đằng Phone:(416) 780-1874

7- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Pháp:

HTDP Nguyễn Chí Hiền Phone:01-4852-6017

IV- Ban Thế Đạo Úc Châu:

HT. Nguyễn Kim Triệu, Phone: (612) 9726-9684.

IV- Ban Thế Đạo Bắc California:

HT Nguyễn đăng Khích, Phone: 408-729-3922

Email: tnndk@yahoo.com

V-Ban Thế Đạo Nam California

HT Bùi Văn Nho. Phone :(951) 710-7766

VI-Yểm Trợ tài chánh:

Chi phiếu hoặc money order xin gởi về:
Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716

DANH SÁCH ĐỒNG ĐẠO/ THÂN HỮU
CƠ SỞ YỂM TRỢ TẬP SAN THẾ ĐẠO
(từ ngày 13-04-2009 đến ngày 12-07-2009)

STT	Đồng Đạo-Thân Hữu-Cơ Sở	USD
01	Lê Văn Nhiều, Austin, TX	30.00
02	Judy Wong, Castro Valley, CA	15.00
03	CTS Hà Thị Nết, Garden Grove, CA	60.00
14	Nguyễn Thị Huệ, Lawrenceville, GA	50.00
05	Dương Văn Vàng, Tampa, Florida	40.00
06	CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA	40.00
07	Nguyễn Tấn Quyền, Harvey, LA	100.00
08	HT Đặng Bá Nhị, Carrollton, TX	100.00
09	Lê Văn Lộc, Garden Grove, CA	20.00
10	Lưu Văn Linh, El Monte, CA	10.00
11	Thomas Tiền Nguyễn, Garden Grove, CA	20.00
12	HT Võ Văn Mười, San Diego, CA	40.00
13	CTS Lê Quang Giai, San Diego, CA	20.00
14	Trương Thị Khanh, Oakland, CA	30.00
15	Nguyễn Hữu Phước, Grand Pass, OR	40.00
16	Lê Sáng, Saint Louis, MO	30.00
17	Jenny Sơn Võ, San Jose, CA	40.00
18	Caodaism Houston, TX	60.00
19	HT Phạm Văn Cờ, Garden Grove, CA	30.00
20	Trần Văn Cơ, Prior Lake, MN	20.00
21	HTDP Ng.Tấn Tạo & HTDP Nguyễn Kim Châu, Gretna,LA	100.00
22	Dương Quang Lên, Oakland, CA	40.00
23	David Độ Nguyễn, , San Francisco, CA	25.00
25	Cao Hòa Thuận, San Diego, CA	20.00
26	Lê Văn Bé, Arlington, TX	20.00
27	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	20,00
28	Từ Văn Nghĩa, San Jose, CA	25.00
29	Trần Xuân Huy, Long Beach, CA	100.00
30	Phan Đức Thanh, Garden Grove, CA	30.00
31	Sandy Dental P.C., San Jose, CA	200.00
32	North Jackson Dental Group, San Jose, CA	200.00
33	TSự Nguyễn Hữu Nhựt, San Jose, CA	40.00
34	Nguyễn Văn Thoại, Santa Clara, CA	20.00
35	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	70.00
36	CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA	30.00
37	George Lâm (Lâm Thái), San Jose, CA	20.00

38 HTDP Đỗ Thị Inh, Houston, TX 40.00
39 Lưu Hữu Hạnh & Trần Ngọc Phi, San Jose, CA 30.00
40 HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA 50.00
41 Trương Văn Thi, Seattle, WA. 20.00
42 Thg Sự Lê Thị Lo, Renton, WA 50.00
43 Lưu Quốc Minh, Holiday, FL 60.00
44 HT Lê Văn Thiện, Philadelphia, PA 20.00
45 HTDP Đặng Thành Cư, Fort Worth- TX 40.00
46 Nguyễn Ngọc Sương, Lawrenceville, GA 50.00
47 HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA 20.00
48 Lê Lộc, Gartden Grove, CA 20.00
49 Nguyễn Thành Công, Forest Park, GA 25.00
50 Tâm Trinh & Tuyết Nguyễn, Dorchester, MA 20.00
51 Phạm Bằng Tường, San Jose, CA 20.00
52 HTDP Trần Cg Bé & HTDP Võ Ng. Diệp, TX. 50.00
53 Trần Mỹ Diệu, Elk Grove, CA 20.00
54 HTDP Trần Công Minh,Clifton, NJ 20.00
55 CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX 20.00
56 HTDP Dương Văn Ngừa, San Jose, CA 20.00
57 HTDP Huỳnh Kim Triều, Houston, TX 50.00
58 Nguyễn Thanh Tân, San Jose, CA 50.00
59 Phan Phú Nghiệp , Kennesaw, GA 50.00
60 HT Huỳnh Văn Bớt, Russellville, KY 50.00
61 Huỳnh Văn Thịnh, Chandler, AZ 20.00
62 Nguyễn Văn Thương, Wichita, KS 30.00
63 Ái Tân Giác Lê, San Bernardino, CA 50.00
64 HTDP Ngô Thiện Đức, Westminster, CA 20.00
65 Đặng Kim Toàn, San jose, CA 20.00
66 Ẩn danh San Diego, CA 50.00
67 HT Phạm Văn Luông, San Antonio, TX 50.00
68 HT Trần Huyền Quang, Marrero, LA 20.00
69 HTỷ Nguyễn Thị Hiệp, Coppell, TX 50.00
70 HTDP Châu Anh Huy, Houston, TX 100.00
71 Nguyễn Ngọc Diệp , Marrero, LA 20.00
72 CaoDai of Texas (Thánh Thất Dallas),Garland, TX 50.00
73 HT Mai Văn Tìm, Everett, WA 100.00
74 Nga & Dennis, Tara Falls, Wichita, KS 50.00
75 Nguyễn Xuân Thu, San Jose, CA 20.00
76 CTS Phan Văn Hồ, Buena Park, CA 50.00
77 HT Võ Thị Bạch Tuyết , Antelope, CA 40.00
78 Lý Quang Tú, Marietta, GA 20.00
79 Phạm Thị Nguiyệt Nga, Sacramento, CA 20.00

80 Cố CTS Đinh Thị Thanh, Sacramento, CA 200.00
81 Phạm Văn Đức, Wichita, KS 20.00
82 Nguyễn Văn Mới, Sacramento, CA 20.00
83 HTDP Ngô Tú & HTDPTrần Ng. Trang, VA 50.00
84 BTS Thánh Thất CaoĐài Houston, TX 50.00
85 Bùi Văn Nghiêm, San Diego, CA 15.00
86 HTDP Võ Ngọc Kim, Anaheim, CA 20.00

Công:(1) : 3,725.00

Úc Châu:

01 Thánh Thất Melbourne,đường Vestal, VIC,
Úc Châu yểm trợ 1,900 Úc Kim:. 1,352.80

1* Phạm Thị Minh Hải, Úc 200 Úc Kim,
2* Gip Khánh Trang,100 Úc Kim,
3* HTDP Nguyễn Văn Mao &Lê Thị Gương, 1,000. Úc Kim
4* Gip Thế Mạnh, 50 Úc Kim
5* Gip Thế Nghị, 50 Úc Kim
6* Vincent Phát Nguyễn,500 Úc Kim.

02 Kuoch Bun Pew, Melbourne, Úc 100.00

03 Ban Thế Đạo Úc Châu gởi danh sách
yểm trợ 700 Úc Kim 561.26

1* HT Nguyễn Kim Triệu,50 Úc Kim.
2* HT Bùi Đông Phương,50 Úc Kim .
3*HT Lê Văn Ngộ 50 Úc Kim.
4* HTDP Nguyễn Kim Thế Vinh 100 Úc Kim .
5* HTDP Thái Nguyệt Lâm 50 Úc Kim.
6* HTDP Lê Tấn Tài 100 Úc Kim.
7* HTDP Nguyễn Văn Xưa 100 Úc Kim.
8* HTDP Mai Hòa Đường 50 Úc Kim .
9* Tân Dân Nguyễn Thị Hồng Hoa 25 Úc Kim.
10* Tân Dân Nguyễn Thị Anh 25 Úc Kim.
11*Trần Ngọc Hạnh 100 Úc Kim

Công (2): 2,014.06

Canada

01 Tri Vương, Mississauga, Canada 30.00
02 Lê Thị Huyên, North Yorth, On, Canada
(50 đôla Canada) 38.87
03 Dược Sĩ Lê Văn Hai,Toronto, On, Canada 100.00
04 Trần Thị Duyên, North Yorth, On, Canada
(30 đôla Canada) 24.82

Cộng (3): : 193.69

Niên Liễm:

01 HTDP Phan Văn Tông, Brampton, On, Canada
(năm 2008+2009) 120.00
02 HT Trần Quang Nghị, Fort Smith, AR 60.00
03 HTDP Đỗ Thị Inh, Houston, TX.....60.00
04 HT Lê Văn Tình, Wichita, KS..... 60.00
05 HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA 60.00
06 HTDP Nguyễn Thành Hưng, San Jose, CA 60.00
07 HTDP Nguyễn Thành Đan, San Jose, CA 60.00
08 HTDP Phan Thị Kiều Nga, Houston, TX 60.00
09 HT Nguyễn Văn Cầu, San Jose, CA.....60.00

Cộng (4) : 600.00

Tổng Thu (1+2+3+4) là : 6,532.75

Tổng số tiền thu được gồm tiền yểm trợ Tập San Thế Đạo, tiền yểm trợ in kinh sách, tiền niên liễm từ ngày 13-04-2009 đến ngày 12-07-2009 là Sáu ngàn năm trăm ba mươi hai đôla bảy mươi lăm xu (USD 6,532.75).
San Jose, ngày 12-07-2009
Ban Thế Đạo Hải Ngoại

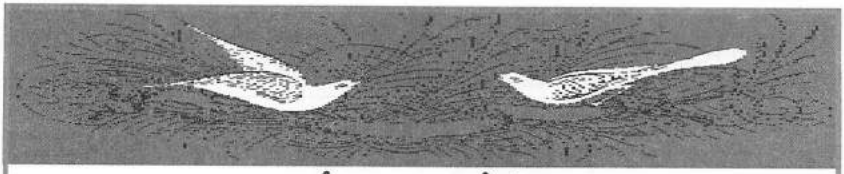

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của Hiền Tỷ CTS Huỳnh Thị Diệu Ngọc và phu quân báo tin Lễ Vu Quy cho con là:

Nguyễn Ngọc Liễu

Út Nữ

Sánh duyên cùng:

Nguyễn Quốc Hưng

Hôn lễ được cử hành vào lúc 11.00 AM ngày Thứ Bảy 06-06-2008 (nhằm ngày 14-05- Mậu Tý) tại Santa Ana, California.

Xin chân thành chung vui cùng hai họ, và chúc Cô Dâu Chú Rễ:

TRĂM NĂM HẠNH PHÚC

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Bắc California- Ban Thế Đạo Nam California

Ban Điều Hành Châu Đạo California.
Tộc Đạo Orange, Tộc Đạo Little Saigon, Tộc Đạo San Diego.
BTS, Chức Việc, Đồng Đạo Thánh Thất & ĐTPM Orange.
Đại Đạo Thanh Niên Hội California.

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Trưởng Nam của Hiền Tài Lâm San Hà ngụ tại Houston, Texas là:

Đạo hữu

Lâm Hoàng Nhân

Đã qui vị vào lúc 1 giờ 30 ngày Thứ Sáu 26-06-2009 (nhằm ngày 4 tháng 05 nhuần năm Kỷ Sửu) tại Thánh địa Tòa Thánh Tây Ninh.

Hưởng dương 50 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng HH Hiền Tài Lâm San Hà và tang quyến.
Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh đạo hữu Lâm Hoàng Nhân được sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
Ban Đại diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Texas.

Chức Sắc, Niên Trưởng ,Chức việc BTS &
đồng đạo Thánh Thất Cao-Đài Houston TX.
Điện Thờ Phật Mẫu Houston TX

Tộc Đạo, Quản Tộc Đạo Thánh Thất & Điện Thờ Phật Mẫu
Dallas/ Fort Worth Texas.
Đại Đạo Thanh Niên Hội Dallas/ Fort Worth, Texas.

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Thân mẫu của CTS Nguyễn Thị Đạm, Nữ Đầu Hương Đạo Sacramento thuộc Châu Đạo California là:

Cựu CTS

Đinh Thị Thanh

Đã qui vị vào lúc 08.50 AM ngàyThứ Năm 25-06-2009 (nhằm ngày 03 tháng 05 năm nhuận năm Kỷ Sửu) tại Sacramento, California

Hưởng thọ 94 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng HTỷ CTS Nguyễn Thị Đạm và tang quyến.
Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh Cố Cựu CTS Đinh Thị Thanh được sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.
Thành kính phân ưu

Tộc Đạo Santa Clara, Thánh Thất San Jose,CA
Điện Thờ Phật Mẫu San Jose,CA
ChứcSắc, Chức Việc và đồng đạo Hương Đạo Sacramento, CA

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Bắc California.

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Nhạc mẫu của CTS Hà Vũ Băng, Phụ Tá Ngoại Vụ Châu Đạo California là:

Cụ Bà:

Phan Thị Thân

Đã qui vị vào lúc 13.00 giờ ngày Thứ Hai 01-06-2009 (nhằm ngày 09 tháng 05 năm Kỷ Sửu) tại Saigon, Việt Nam.

Hưởng thọ 90 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng HH HTỷ CTS Hà Vũ Băng và tang quyến.
Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh Cụ Bà Phan Thị Thân được sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
Các Ban Thế Đạo và
các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại các địa phương các quốc gia Hoa-Kỳ, Canada, Pháp. Úc Châu

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn
Hiền Thê của Cố Lễ Sanh Ngọc Đoan Thanh, Đầu Tộc Thánh Thất San Jose, California năm 1991 và cũng là Thân Mẫu của HH Phạm Bằng Tường ngụ tại San Jose, California là:

Quả Phụ Phạm Tài Đoan
nhủ danh Lại Thị Song Động

Đã qui vị vào lúc 08.05 PM ngày Thứ Ba 26-05-2009 (nhằm ngày 03 tháng 05 năm Kỷ Sửu) tại San Jose, California.

Hưởng thọ 91 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng HH HTỷ Phạm Bằng Tường và tang quyến.
Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh Cụ Bà Lại Thị Song Đọng được sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Bắc California

Tộc Đạo Santa Clara- Thánh Thất San Jose, California.
Điện Thờ Phật Mẫu San Jose, CA
Đại Đạo Thanh Niên Hội Santa Clara.

Hội Tương Tế Cao-Đài
Anh Chị Em Tây Ninh Đồng Hương Hội Bắc California

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Thân mẫu của HTỷ Nguyễn Thị Thắng cư ngụ tại Houston bang Texas là:

Cụ Bà:

Trần Thị Huỳnh

Đã qui vị vào ngày15-05-2009 (nhằm ngày 17 tháng 04 năm Kỷ Sửu) tại Cà Mau, Việt Nam.

Hưởng thọ 83 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng HTỷ Nguyễn Thị Thắng và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh Cụ Bà Trần Thị Huỳnh được sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Chức Sắc, Niện Trưởng
Chức Việc Bàn Trị Sự &
đồng đạo tại Houston, Texas.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo

PHÂN ƯU

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Thân mẫu của HTỷ Thông Sự Nguyễn Kim Luông & HH Nguyễn Văn Tiến thuộc Thánh Thất Portland, OR là:

Cụ Bà:

Hồ Thị Hai

Đã qui vị vào lúc 8.15 AM ngày 27-04-2009 (nhằm ngày 03 tháng 04 năm Kỷ Sửu) tại Cần Giờ, Việt Nam.

Hưởng thọ 88 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng HTỷ Thông Sự Nguyễn Kim Luông, HH Nguyễn Văn Tiến và tang quyến. Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho hương linh Cụ Bà Hồ Thị Hai được sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo
Các Ban Thế Đạo và
các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại các địa phương các quốc gia Hoa-Kỳ, Canada, Pháp. Úc Châu

TIN TỨC ĐẠO SỰ TÓM LƯỢC

1-Lễ Tuyên thệ nhân nhiệm vụ của tân Đầu Hương Đạo San Jose, Tộc Đạo Santa Clara, California.

Vào ngày mồng một tháng 5 Kỷ Sửu (nhằm ngày 23-6-2009) sau giờ cúng Dậu thời tại Thánh Thất San Jose, California, Hiền huynh Chánh Trị Sự Mai Ngọc Tuyết, Qu. Đầu Tộc Đạo Santa Clara, đã tổ chức lễ tuyên thệ nhận nhiệm vụ cho vị Tân Đầu Hương Đạo San Jose. Đó là vị Phó Trị Sự Đỗ Danh Dự vừa đắc cử tân Chánh Trị Sự Đầu Hương Đạo San Jose, Tộc Đạo Santa Clara, CA

.

Hiền Huynh Đỗ Danh Dự là một chức việc đã hành Đạo lâu năm (Phó Trị Sự,Ban Công Vụ) tại Thánh Thất San Jose qua nhiều nhiệm kỳ nhiều vị Qu. Đầu Tộc Đạo Tộc Đạo Santa Clara. Buổi lễ đã được tổ chức trang nghiêm với sự tham dự của Chức sắc Ban Thế Đạo, Bàn Trị Sự, Ban Quản Tộc ĐiệnThờ Phật Mẫu San Jose và khoảng 50 đồng đạo

Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập san Thế Đạo xin chúc mừng Hiền Huynh Tân CTS Đầu Hương Đạo và cầu xin Ơn trên ban ân lành cho Hiền Huynh chu toàn phận sự trên đường lập công bồi đức.

(Xin xem chi tiết hình ảnh Website:banthedao.org/Đạo sự HN)

2-Phái Đoàn Châu Đạo California thăm viếng Tộc Đạo Santa Clara

Vào ngày 05-07-2009, một phái đoàn Châu đạo California do HT Phạm Văn Khảm, Qu. Khâm châu Châu đạo California húng dẫn đã đến viếng thăm TộcĐạo Santa clara.Cuộc tiếp đón đã được tổ chức tại Thánh thất San jose đường Almaden, San Jose, California.

HT Phạm Văn Khảm

Phái đoàn Châu Đạo California đã đến TộcĐạo vào lúc 8.30 AM và gồm có thành phần như sau:

1-HT Phạm Văn Khảm, Qu. Khâm Châu
2-CTS Hà Vũ Băng, Phụ Tá Ngoại vụ
3-CTS Diệp Văn Xê, Phụ Tá Nội vụ và phu nhân.
4-Luật Sự Nguyễn Thị Tư Bé, Trưởng Ban Pháp Chánh.
5-CTS Trần Văn Hừng, XLTV Qu. Đầu Tộc Tộc Đạo Orange.
6-CTS Phan Văn Hồ, Phụ Tá Qu. Đầu Tộc Little Saigon.
7-CTS Nguyễn Văn Ân, Tộc Đạo Little Saigon,
8-Thông Sự Trần Văn Nghĩa, Tộc Đạo Little Saigon.
Ngoài ra phái đoàn còn có sự tham gia của HT Bùi Văn Nho,Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Nam Californa, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Thánh Thất CaoĐài California.
Phái đoàn Châu Đạo California đã được sự tiếp đón nồng nhiệt của HH CTS Mai Ngọc Tuyết,Qu.Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara Chức Sắc,Chức Việc Bàn Trị Sự Thánh Thất, Tộc Đạo Santa Clara,Điện Thờ Phật Mẫu San José, Đại Đạo Thanh Niên Hội Santa Clara, các vị cựu Qu. Đầu Tộc Tộc Đạo Santa Clara,

Chụp hình lưu niệm

Qu. Quản Tộc Điện Thờ Phật Mẫu San Jose và đặc biệt là Chức Sắc, Chức Việc Bàn Trị Sự Hương Đạo Sacramento, CA và một số đồng đạo.

Vào lúc 12.00 PM Phái đoàn Châu Đạo đã dự thời cúng Đức Chí Tôn Ngọ thời cùng với đồng đạo địa phương. Sau đó sau phần dùng ngọ trai, phái đoàn đã có cuộc tiếp xúc thân mật với thành phần hiện diện .

Cuộc tiếp xúc thân mật về đạo sự đã bắt đầu vào lúc 1.30 PM và kéo dài đến 4.00 PM cùng ngày và mặc dầu các cuộc bàn thảo về đạo sự còn dài nhưng vì thời gian có hạn nên cuộc họp mặt đành phải chấm dứt để sau đó phái đoàn phải lên xe trở về Nam California.

Đây là cuộc họp mặt đầu tiên và sẽ là điểm khởi đầu cho các cuộc họp mặt kế tiếp sau nầy giữa Châu Đạo và các Tộc Đạo và các Hương Đạo trong bang California giúp cho sự phát triển đạo sự tại California và tại hải ngoại được hanh thông và nhanh chóng.

3-Các Đại Hội tại Thánh Thất Cao-Đài Houston, TX vào dịp lễ Tạ Ơn (Thanksgiving) 2009

Theo tin tức chúng tôi nhận được vào dịp lễ Tạ Ơn (Thanksgiving) 2009 tại Thánh Thất Cao-Đài Houston, TX tọa lạc tại 8415 S. Breeze Dr, Houston, Texas sẽ có một cuộc Lễ và 2 Đại Hội trong ba ngày từ Thứ năm đến hết thứ Bảy (24-26/12/2009) như sau:

3.1-Lễ khánh Thành Hậu điện Thánh Thất và Lễ Đặt Viên Đá Đầu Tiên Xây Dựng Thánh Thất Cao-Đài Houston, Texas.

3.2-Đại hội Hiền Tài bang Texas để bầu Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo bang Texas.

Hiện nay tổng số Hiền Tài và Hiền Tài Dự Phong bang Texas đã lên đến con số 46 vị và Đại hội nầy sẽ do HT Trịnh Quốc Thế và HTDP Trần Công Bé tổ chức với sự giúp đỡ của Hành chánh đạo địa phương và đồng đạo.

3.3-Đại hội Cơ Quan Đại Diện Cao-Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải Ngoại lần thứ nhứt..(xin xem thông báo)

Cơ quan Đại Diện Cao-Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải Ngoại
đã được thành lập vào ngày 02 và 03-09-2006 tại San Jose, California. Cơ Quan nầy được lãnh đạo bởi 9 thành viên trong hội Đồng Điều Hợp trong đó có 2 vị Giáo Hữu Thiên Phong và 2 vị nầy là Đồng Chủ Trưởng của Cơ Quan.

Theo qui định trong Bản Quy Điều của Cơ Quan thì cứ 3 năm sẽ có một Đại hội của Cơ quan để Cơ Quan duyệt lại những việc đã làm và hoạch định những việc làm cho 3 năm tới. Do đó vào Lễ Tạ Ơn năm 2009 nầy sẽ có Đại Hội của Cơ Quan lần thứ nhứt được tổ chức tại Thánh Thất Cao-Đài Houston, TX và Ban Tổ Chức sẽ do HT Nguiyễn Thừa Long, Đệ 2 Phó Chủ Trưởng Cơ quan đảm trách với sự trợ giúp của Hành Chánh Đạo, Điện Thờ Phật Mẫu, quý vị Hiền Tài/ HTDự Phong và đồng đạo tại Houston, Texas.

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
CAO ĐÀI TÒA THÁNH TÂY NINH
TẠI HẢI NGOẠI

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Bát thập Tứ niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

Số: 03/VP- HĐĐH

THÔNG BÁO

V/v: *Tổ chức Đại Hội Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải Ngoại. (Lần thứ nhứt).*

Kính gởi: Quý Vị Thành viên Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải Ngoại.

Đồng kính gởi:
- Hiền Huynh Đệ II Phó Chủ Trưởng
- Quý vị Thành viên Hội Đồng Điều Hợp.
- Quý vị Thành viên Ban Tham Vấn Cơ Quan
- Các Ban Vụ chuyên môn thuộc Hội Đồng Điều Hợp.

Thưa Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ,

Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh Tại Hải Ngoại (CQĐDCĐ/TTTN/HN) được thành lập thấm thoắt đến nay đã gần ba năm. Dưới sự lãnh đạo của nhị vị Chức sắc Thiên phong, sự chung tâm hiệp sức của Quý vị Thành viên HĐĐH và sự hưởng ứng của đa số các Cơ sở Đạo thành viên, đến nay Cơ Quan đã thực hiện một số thành quả theo như kế hoạch đề ra, mặc dù còn khiêm nhường nhưng đáng được ghi nhận ở giai đoạn đầu Cơ Quan mới thành lập.

Nay sắp tới chu kỳ ba năm, thực hiện qui định trong Bản Quy Điều, Hội Đồng Điều Hợp đã thống nhứt tổ chức Đại Hội Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Tòa Thành Tây Ninh tại Hải Ngoại (lần thứ nhứt) để rà soát lại các hoạt động của Cơ Quan, đề ra Phương

hướng kế hoạch, tạo điều kiện thiết thực để thực hiện các Mục tiêu, chương trình hoạt động Đạo sự cho giai đoạn sắp tới.

A- THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM:

* **Thời gian Đại Hội:** Vào hai ngày 27 & 28 tháng 11 năm 2009 (Thứ Sáu & thứ Bảy) nhân dịp Lễ Tạ Ơn (Thanksgiving)

* **Địa điểm**: Tại THÁNH THẤT CAO ĐÀI HOUSTON TEXAS

8415 S. Breeze Dr

HOUSTON, TX 77071, USA.

Đến nay, HĐĐH đã thông qua Kế hoạch tổ chức Đại Hội và thành lập xong Ban Tổ chức Đại hội. (Quyết định đính kèm)

B- LIÊN LẠC CẦN THIẾT:

* Muốn biết về tổ chức Đại Hội, xin liên lạc:

- HT Nguyễn Thừa Long, Đệ II Phó Chủ Trưởng Cơ Quan, Trưởng Ban Tổ chức Đại Hội

ĐT: (504) 610 -2744 (cell) -email:nguyenthualong@yahoo.com

-HH. CTS Phạm Văn Soi, Đầu Hương Đạo Houston- Texas, Phó Trưởng Ban Tổ chức Đại Hội. ĐT: (281) 564 -7109.

-HT. Nguyễn Đăng Khích, Thư ký Ban Tổ chức Đại Hội - ĐT: (408) 729-3922,

Email: tn_ndk@yahoo.com

* Muốn biết về Địa điểm Đại Hội, đưa đón tại phi trường, nơi cư ngụ: (Quý Huynh, Tỷ ở xa về dự Đại Hội) xin liên lạc:

- Hiền Tài Lâm Sơn Hà, Điện thoại: 832-754-9879
- HTDP Trịnh Quốc Tuấn, Điện thoại: 713-530-3743
- HTDP Trịnh Quốc Toàn, Điện thoại: 832-455-6530
- HH. Nguyễn Hàn Giang , Điện thoại: 832-891-6765

-Tên Phi trường: George Bush Internetional Airport

(Ghi Chú: Chi tiết tên khách sạn, nhà trọ /Hotel, motel sẽ được ghi trong Thiệp Mời Đại Hội gởi vào tháng 7/2009).

C- YỂM TRỢ ĐẠI HỘI:

Rất mong nhận được sự yểm trợ tài chánh quý báu của quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ để giúp cho Ban Tổ chức thuận lợi trong việc tổ chức.

Check/ Money Order yểm trợ Đại Hội xin gởi về:

NGUYỄN THÙY TRANG
1041 Vista Oak Place
CHULA VISTA. CA 91910"

(Nơi Memo xin đề: "Yểm trợ Đại Hội CQ Đai Diện")

Vậy trân trọng kính thông báo cùng Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ được rõ và rất mong Quý Huynh Tỷ hoan hỉ cố gắng sắp xếp thời gian về tham dự Đại Hội lần nầy để cùng chung tâm hiệp sức góp phần vun bồi nền Đạo tại Hải Ngoại.

Thiệp Mời Dự Đại Hội sẽ gởi đến Quý Huynh, Tỷ sau.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng luôn hộ trì cho tất cả Quý Huynh Tỷ và gia đình luôn được dồi dào sức khỏe, trí não quang minh, tinh thần mẫn huệ để cùng dìu dắt nhau trên đường phụng sự, lập công bồi đức

California, ngày 20 tháng 6 năm 2009

(Âm lịch ngày 28 /5 Kỷ Sửu)

TM. HỘI ĐỒNG ĐIỀU HỢP
XLTV. CHỦ TRƯỞNG
Đệ I Phó Chủ Trưởng
(đã ký tên và đóng dấu)

HT. PHẠM VĂN KHẢM

*Đồng kính gởi:
- Các VP-HĐĐH "Để kính tường"
- Hồ sơ- Lưu.

*Đính Kèm:
- Quyết Định thành Lập Ban Tổ chức Đại Hội.

Xây Dựng Thánh Thất

I- Xây dựng Thánh Thất CaoĐài Houston Texas

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Năm Đạo thứ 84
Tòa Thánh Tây Ninh

Non profit Organization
File Number: 01549061-01
EIN: 76-0624866
Mailing Add: P.O. Box 711385
Houston, TX 77271-1385

Cao Đài Temple Houston Texas
8415 S. Breeze Dr
Houston, Texas 77071

TÂM THƯ

Trích yếu: v/v Gây quỹ xây dựng Thánh Thất Cao-Đài Houston Texas.

Kính gửi: - Quí vị Lãnh đạo các Tôn Giáo, quí Chức Sắc, Chức Việc cùng quí Tín Hữu,

- Quí vị cựu Tướng Lãnh, Sĩ Quan cùng toàn thể Quân Nhân QLVNCH,

- Quí vị Hội Trưởng, Ban Chấp Hành và toàn thể Hội Viên các Hội Ái Hữu,

- Quí vị Mạnh Thường Quân, quí nhà Kinh Doanh hảo tâm, quí Đồng Hương thân hữu,

Kính thưa quí liệt vị,

Trước hết, chúng tôi xin mạn phép giới thiệu sơ lược Đạo Cao Đài danh gọi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đây là một Tôn Giáo mới được khai sáng vào năm 1926 tại Tỉnh TÂY NINH, miền Nam Việt Nam, về mặt tinh thần, tư tưởng đáp ứng thời đại ngày nay với Tôn Chỉ "QUI NGUYÊN TAM GIÁO" (Phật, Lão, Khổng), HIỆP NHẤT NGŨ CHI" (Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo). Mục đích thực hiện cơ qui nhất trong tinh thần HOÀ ĐỒNG TÔN GIÁO, xây dựng nền văn minh Tình Thương Huynh Đệ Đại Đồng.

Đạo Cao Đài thờ Đức Chí Tôn với biểu tượng THIÊN NHÃN là biểu tượng Thượng Đế hay Thần Lương Tâm.

Kính thưa quí liệt vị,

Chúng tôi ly hương với hai bàn tay trắng nhưng mang theo trong tâm khảm hình ảnh Thiêng liêng của Tòa Thánh Tây Ninh thân yêu đã diễn đạt tất cả nguồn triết lý Đại Đạo bằng hình tượng xây đắp trong và ngoài Đền Thánh. Vì thế, trong nhiều năm tháng sống xa quê hương, lưu lạc nơi xứ lạ quê người, chúng tôi luôn luôn canh cánh bên lòng, ước mơ có ngày xây dựng một ngôi THÁNH ĐƯỜNG THEO KHUÔN MẪU TOÀ THÁNH TÂY NINH tại quê hương thứ hai nầy.

Ước mơ đó nay đã thành sự thực. Chúng tôi vừa mua được một khu đất tại địa chỉ số 8415 S. Breeze Dr, Houston,Texas 77071 (gần ngả tư S. Gessner & W. Belfort), diện tích tổng thể 2 Acres. Theo thiết kế, chúng tôi cất HẬU ĐIỆN gồm 3,200 SF trước và CHÁNH ĐIỆN 5,600SF sau. Chúng tôi đã được Thành Phố Houston cấp Giấy phép số 4290507. Hiện Hậu Điện đang khởi công xây dựng vào ngày 10 tháng 2 năm 2009.

Thánh Thất Cao Đài Houston Texas được xây cất lên nhằm mục

đích tôn thờ ĐẤNG CHÍ TÔN, còn là nơi qui tụ Tín Đồ Cao Đài tu hành hoằng dương Chánh pháp, cầu cho Quốc thái dân an, cùng chung sống hoà bình trong bể tình thương của THƯỢNG ĐẾ. Vì lẽ đó, qua TÂM THƯ nầy, chúng tôi khẩn thiết kêu gọi tất cả quí liệt vị xin mở lòng từ tâm ủng hộ tài chánh giúp chúng tôi trang trải chi phí xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston - Texas theo mô hình vừa diễn giải.
Biết rằng tình hình kinh tế đang hồi suy thoái, mọi người đang đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng tin chắc rằng các Đấng Từ Bi sẽ gia bội công đức cho quí vị. Chúng tôi luôn nguyện cầu Đức Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban ân lành cho quí vị cùng toàn thể gia đình thân tâm thường lạc.
Xin chân thành tri ân toàn thể quí liệt vị.

* Xin lưu ý: Mọi đóng góp tài chánh đều được cấp biên nhận và được miễn trừ thuế cuối năm theo điều khoản "Non Profit Organization- File # 01549061-01" - EIN # 76-0624866 do Sở Thuế Liên Bang Hoa Kỳ chấp nhận.

Houston, ngày 01-01-2009
TM. HộiĐồngQuản Trị TM. Hành Chánh Đạo Houston-TX

Hiền Tài Trịnh Quốc Thế Chánh Tri Sự Phạm văn Soi

* Điện thoại liên lạc:
- Thế Trịnh: 832-755-0105
- Soi Pham: 281-564-7109
- John Trinh: 713-530-3743

* Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
The Great Way
PO. BOX 711385
Houston, TX 77271-1385.

Sơ Đồ Tổng Thể
Thánh Thất Cao Đài Houston Texas

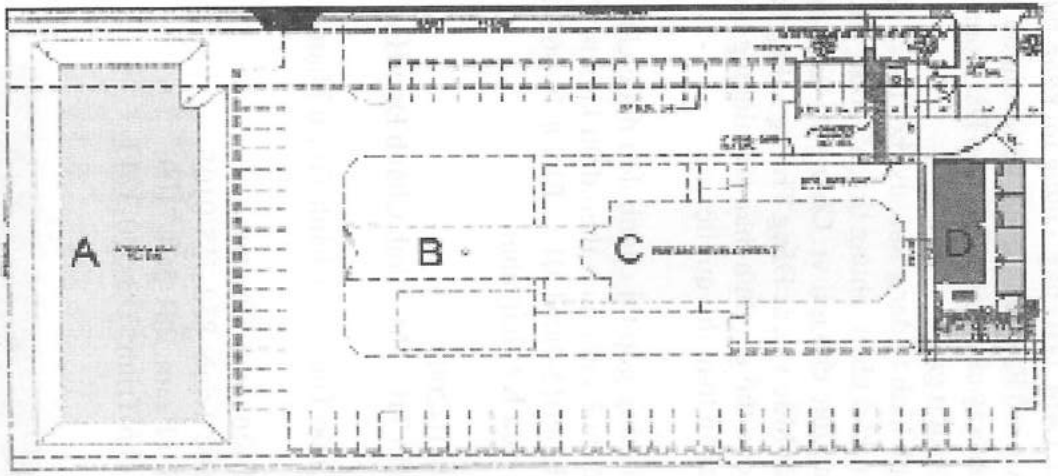

A: Hồ Sen - Diện Tích: 10,800 SF
B: Sân Đại Đồng - Cổng Chánh - Trụ Phướn
C: Chánh Điện Theo Mẫu TTTN - Diện Tích: 5,600 SF
D: Hậu Điện - Diện Tích: 3,200 SF

II- Xây Dựng Thánh Thất Dallas/ Fort Worth , Texas

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Bát thập tứ niên
Tòa Thánh Tây Ninh

CaoĐài of Texas
Non profit Organization
EIN# 01082732-01

Thánh Thất & ĐTPM Dallas/Fort Worth
1851 Apollo Road, Garland
TX 75044

TÂM THƯ SỐ 04

Kính gởi:*Qúi Thánh Thất, qúi Điện Thờ Phật Mẫu, qúi Cơ Sở Đạo hải ngoại .
*Qúi Chức Sắc, Chức Việc, qúi Đồng Dạo.
*Qúi Mạnh Thường Quân, qúi nhà Kinh Doanh hảo tâm, qúi Đồng Hương Thân Hữu.
*Qúi Huynh Tỷ Cựu Sinh Lê Văn Trung, Đạo Đức HọcĐường, cựu Thiếu Sinh Quân Cao-Đài gần xa.

Kính thưa qúi Liệt Vị,

Kể từ ngày Thánh Thất cũ bị cháy hoàn toàn, những tưởng bổn đạo đã đi vào ngõ cùn. Chúng tôi Ban Đại Diện Tộc Đạo và Bàn Cai Quản Phước Thiện Thánh Thất Cao-Đài Dallas/ Fort Worth xin vô vàn cảm tạ thâm ân của qúi Liệt Vị đã từ đầu yểm trợ tài chánh , vật lực và khuyến khích chúng tôi từng bước xây dựng lại ngôi thờ Đức Chí Tôn đến nay đã đat được 80% tổng thể. Vì tình hình kinh tế suy thoái , tài chánh khó khăn, thời gian qua công cuộc xây dựng chậm chạp kéo dài có những lúc gián đoạn. Tuy nhiên tính từ tiền mua đất (1,6 hecta) cho đến nay tổng chi phí đã lên đến 810.000 Mỹ kim. Nhờ sự tận tâm của bổn đạo, lòng từ thiện thương yêu của nhơn sanh khắp nơi đã liên tục đóng góp công quả mà hiện nay chỉ còn thiếu nợ ngân

hàng 369 ngàn Mỹ kim đang chi trả hằng tháng.Thánh Thất tuy chưa được hoàn thành nhưng vẽ mỹ quan linh diệu của ngôi Thánh Điện theo khuôn mẫu Tòa Thánh Cao-Đài một thể pháp mới lạ nơi xứ người đã được nhiều quan khách tham quan ngưỡng mộ. Chúng tôi trân trọng kính mời qúi liệt vị bớt chút thì giờ đến tham quan nhìn lại công đức của qúi vị đã để lại trên ngôi nhà chung, thiêng liệng huyền diệu nầy.

Thánh Thất cũ bị cháy

Kính thưa qúi liệt vị,

Trong thuyết pháp nhân quả của Đức Phật có minh thị rằng : " Người đời nay hình dạng đẹp để tốt tươi là do kiếp trước thường hay xây chùa đúc tượng Phật. Người đời nay sống lâu là do kiếp trước thường hay phóng sanh , người đời nay giàu có là do kiếp trước thường hay bố thí".

Đức Chí Tôn cũng có dạy:" Người dưới thế nầy muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của .Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo phải có công quả. Thầy đến độ rỗi các con là lập thành một trường công đức cho các con nên đạo."

Thánh Thất đang xây tại
1851 Apollo Road, Garland , Texas 75044
(Hình chụp tháng 05-2009)

Chúng tôi viết tâm thư nầy thiết tha kêu gọi toàn thể qúi liệt vị vì lòng thương Thầy mến Đạo, vì lòng tín ngưỡng Trời Phật, xin mở lòng từ tâm tiếp tục đóng góp công đức ủng hộ chúng tôi sớm hoàn thành ước nguyện.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng gia hộ hồng ân đến cho toàn thể qúi liệt vị và bửu quyến.

Trân trọng kính chào.

Thánh Thất D.FW ngày 18 - 05 năm 2009 (ÂL 24-04-Kỷ Sửu)

TM.Tộc Đạo Dallas Fort Worth
Qu.Đầu Tộc CTS Nguyễn công Tranh ĐT # 972-974-2017
(đã ký tên và đóng dấu)

TM. BCQ Phước Thiện
Qu. Cai Quản HTDP Trần Công Bé ĐT # 817-244-7322
(đã ký tên)

TM. Ban Vận Động Xây Dựng
Trưởng Ban CTS Trương Văn Thành ĐT # 214-516-8016
(đã ký tên)

ÌII-Xây Dựng Thánh Thất Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

(Tóm tắt nội dung tâm thư ngày 19-02-2009)

Thánh Thất Lộc Hưng, huyện Trảng Bàng, Tây Ninh đã khởi công xây dựng từ ngày 26-03-2007 đến nay đã trên 2 năm nhưng kết quả chỉ đạt được phân nửa công trình. Đồng đạo tại địa phương cũng như tại các nơi khác đã hỷ hiến một số tiền tổng cộng là khoảng 1 tỷ rưỡi đồng và hơn 9000 ngày công quả.

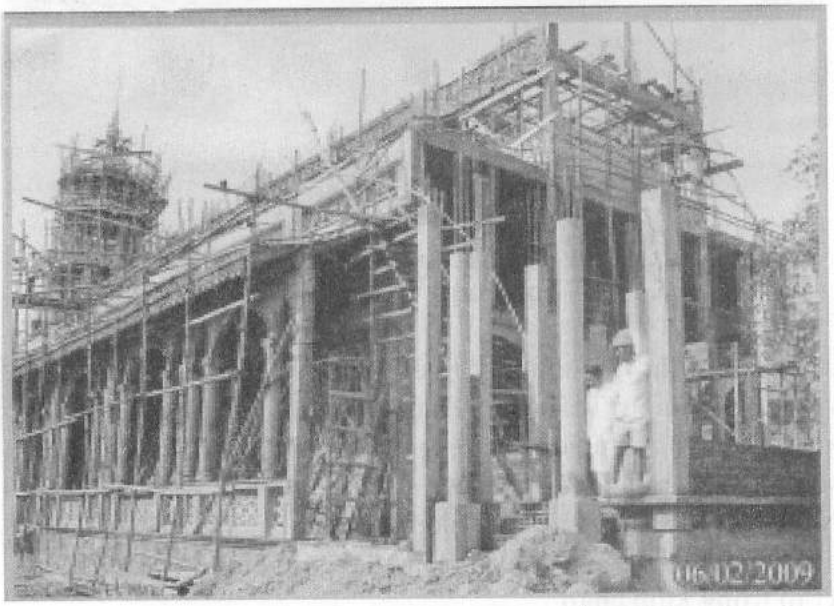

Nay Họ Đạo Lộc Hưng xin kêu gọi Chức Sắc, Chức Việc,đồng đạo, đạo tâm, mạnh thường quân phát tâm công quả yểm trợ tài chánh, vật liệu để công trình xây cất sớm được hoàn thành.

Tài chánh yểm trợ xây cất xin vui lòng gởi về:

TS. Phan Văn Trở
Thánh Thất Cao-Đài Lộc Hưng,
Ấp Lộc Thanh, Xã Lộc Hưng
Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
Điện thoại: 066.3894.380

IV-Xây dựng Thánh Thất An Phong, Xã An Phong, Huyện Thanh Bình , Đồng Tháp, Việt Nam.

(Tóm tắt nội dung Thư Ngõ ngày 12-11-2008)

Thánh Thất An Phong tọa lạc tại Xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, VN đã được xây cất từ năm 1931 bằng cây lá. Đến năm 1998 Thánh thất được sửa chửa vài lần với vật liệu bán kiên cố , thô sơ.Do đó, qua thời gian, Thánh Thất đã xuống cấp trầm trọng.

Năm 2008 Họ Đạo An Phong đã được phép xây cất Thánh Thất theo mẫu số 4 nhưng vì đồng đạo quá nghèo nên việc đóng góp rất hạn chế và vì thế việc xây cất bị trở ngại.

Nay Họ Đạo An Phong kêu gọi sự yểm trợ về tài chánh để việc xây cất sớm được hoàn thành.

Việc yểm trợ xây cất xin vui lòng gởi về:

Ban Cai Quản Họ Đạo An Phong
Lê Sanh Thượng Xe Thanh (Trương Văn Xe)
Ấp 1, Xã An Phong, Huyện Thanh Bình
Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.
Điện thoại: 067.353.3882

V-Xây dựng Thánh Thất Đồng Phú, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

(Tóm tắt nội dung Tâm Thư ngày 11-04-2008).

Thánh Thất Đồng Phú đã được xây cất từ năm 1947 bằng vật liệu thô sơ. Năm 2004 Họ Đạo mua được miếng đất ở mặt tiền đường diện tích 751 m2 và đã được giấy phép xây cất Thánh Thất theo mẫu số 5 , cử hành Lễ đặt viên đá đầu tiên vào ngày 07-03-2005.

Đến ngày hôm nay kết quả việc xây cất như sau:

* Đã xây cất hoàn chỉnh Bát Quái đài, Cửu Trùng Đài, 2 tấm sàn Hiệp Thiên Đài và một số hạng mục công trình .
* Tiền nợ mượn và tiền thiếu vật tư lên đến con số 197 triệu đồng.

Nay Họ Đạo kêu gọi yểm trợ tài chánh và vật liệu để công trình xây cất sớm hoàn thành.
Địa chỉ liên lạc:

Ban Cai Quản Họ Đạo Đồng Phú
(Lễ Sanh Thượng Ren Thanh)
Xã Đồng Phú, Huyện Long Hồ
Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
Điện thoại: 070.952.244

VI-Xây dựng Thánh Thất Vĩnh Lợi, Thừa Thiên, Huế
(Tóm tắt Tâm Thư ngày 04-05-2009)

Tính đến tháng 05-2009, Ban Cai Quản Họ Đạo Vĩnh Lợi, Thừa Thiên, Huế đã hoàn thành các công trình sau:
*Đổ xong phần bêtông nền sàn Thánh Thất.
*Đúc xong các dãy trụ từ Hiệp Thiên Đài đến Bát Quái Đài.
*Đổ xong phần bêtong hành lang thông hành từ Hiệp Thiên Đài đến Bát Qaúi Đài.
*Đổ xong phần bêtông mái một từ Hiệp Thiên Đài đến Bát Qaúi Đài.
Công trình xây dựng đang được tiếp tục dàn dựng cốp pha để đổ mái tầng nhì và pla-fông dù từ Hiệp Thiên Đài đến Bát Quái Đài.. Hiện nay, Ban Cai Quản Họ Đạo gặp nhiều khó khăn về tài chánh và kêu gọi sự yểm trợ của quý Đạo tâm, mạnh thường quân và đồng đạo.
Mội đóng góp yểm trợ, xin gởi về:

Ông Mai Văn Danh (Lễ Sanh Thái Danh Thanh)
Cai Quản Thánh Thất Cao-Đài Họ Đạo Vĩnh Lợi
Số 41 C Hùng Vương, Thành Phố Huế.
ĐT: +84(0)5433810182. Cell:+84905473774.
Email: thanhthathue@yahoo.com

Xem chi tiết về công trình xây dựng Thánh Thất Vĩnh Lợi, xin vui lòng vào trang nhà **www.daocaodai.info**

VII-Xây dựng Thánh Thất Đôn Thuận, Xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng, Tây Ninh.

Họ Đạo Đôn Thuận (Bời Lời) cách huyện Gò Dầu 15 km về hướng Bắc Đông Bắc và mới được thành lập từ tháng 09-2006. Họ Đạo có một ngôi Thánh thất tạm cây cột thô sơ, mái lợp bằng tranh và tole, đất có diện tích 1130m2 do đồng đạo hỷ hiến.

Qua cuộc vận động tài chánh vừa qua Họ Đạo đã nhận được một số tiền yểm trợ là USD 1,980.00 của những vị hảo tâm nơi hải ngoại .Nay Họ Đạo xin cám ơn và kính mong đồng đạo nơi hải ngoại tiếp tục hổ trợ để việc xây cất Thánh Thất sớm được hoàn thành.

Mọi sự yểm trợ xin gởi về:

Lễ Sanh Thượng Ru Thanh
Ban Cai Quản Họ Đạo Đôn Thuận
Ấp Bến kinh, Xã Đôn Thuận,
Huyện Trảng Bàng , Tỉnh Tây Ninh, VN
Đ/T: 01675664618

Hội Yến Bàn Đào

Trung Thu yến tiệc hội Bàn Đào,
Nguyệt chiếu nền trời rạng ánh sao.
Kim Mẫu Mẹ hiền ban sắc tứ,
Cửu Nương Nữ Phật trợ duyên trao.
Anh hào rõ mặt không nao chí,
Liệt nữ trung trinh chẳng ngại nào.
Tiến bước tu trì về với Mẹ,
Lòng đầy phấn khởi cảnh tiêu dao.

NHẬT TÂN
(Thu 2009)

KÍNH HỌA !

T	*Tiên tửu thơm ngon với quả Đào,*
R	*Qui hồi đoạt vị mới vui sao.*
A	*Diêu Trì Hội Yến mừng con hiệp,*
N	*Bí pháp nhiệm mầu đến thế trao.*
G	*Tận độ ân hồng sao hưởng được ?*
T	*Tình thương Từ Mẫu há quên nào ?*
H	*Trần gian, Cực Lạc đôi đường chọn,*
Ơ	*Liệng bỏ bạc chì đoạt Ngọc Dao.*

Quang Thông.
(2009)

KÍNH HỌA 2

Chơn linh thoát xác dự Bàn Đào,
Tháng tám trăng rằm rạng-rỡ sao.
Mỹ tửu đậm-đà ân thưởng thí,
Đào tiên bát-ngát ngọt-ngào trao.
Cửu Nương nghĩa nặng đền sao xuể..?
Phật Mẫu ơn sâu đáp cở nào...?
Nửa gánh giang san đầu đã bạc...!
Đường chiều sắp lịm há tiêu dao...?!

Hoàng Hồ

KÍNH HỌA 3

Đặc ân nhứt kiếp hưởng Tiên Đào,
Hội Yến Tam Kỳ hạnh phúc sao!
Bí pháp Diêu Trì khai trí huệ;
Khai sinh Đại Đạo mở khoa trao.
Nguyên nhân vận hội về ngôi cũ,
Hóa chủng may duyên xứng bậc nào.
Quyết chí Thiên đường xa bước tục,
Ơn nhờ Phật Mẫu chốn quỳnh dao.

Tố Nguyên
(San Jose-CA-2009)

Tìm Hiểu Về
ĐẠO CAO ĐÀI

LƯỢC SỬ KHAI ĐẠO

(Kỳ thứ 6)

Sưu tầm tài liệu để biên soạn phần "Lược Sử Khai Đạo", chúng tôi có một ước vọng nho nhỏ là có thể giúp ích được cho một số Quí Vị muốn tìm hiểu sơ lược về nền Tân Tôn Giáo nầy, đặc biệt là giúp cho những Tín Hữu mới nhập môn mà không có điều kiện thời gian để đọc nhiều sách Đạo.

Chúng tôi tin chắc việc biên soạn còn nhiều khiếm khuyết, kính mong Quí Huynh Tỷ chỉ cho những chỗ sai sót để chúng tôi điều chỉnh lại và có dịp học hỏi thêm.

Hiền tài Nguyễn Trung Đạo

MỘT NĂM TRUYỀN ĐẠO

x x x x

Xin nhắc lại : Giao Thừa Tết Bính Dần, quí vị Tiền Khai hội tụ tại nhà Ngài Lê Văn Trung để làm lễ cúng Thầy, xong thiết đàn cầu cơ. Đức Chí Tôn giáng điển có ra lịnh cho Quí Vị Tiền Khai khởi sự đi truyền Đạo phổ độ nhơn sanh. Đức Chí Tôn dạy như sau :

"Chiêu buổi trước hứa lời truyền đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ dìu dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức ...

Trung, Kỳ, Hoài, ba con phải lo thay mặt cho Chiêu mà đi độ người. Nghe và tuân theo ...v.v... ".

Trong quyển " Đại Đạo Căn Nguyên ", Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có viết :

"Ấy là lời Thánh Giáo đầu tiên, ấy là kỷ niệm ngày Khai Đạo : mùng Một giờ Tý năm Bính Dần vậy ".

Ngày Mùng 9 tháng Giêng Tết Bính Dần (21-2-1926), Quan Phủ Vương Quan Kỳ thiết lễ Vía Trời tại nhà của ông. Sau phần cúng lễ, các vị Tiền Khai có lập đàn cơ. Trong bầu không khí vui vẽ tưng bừng, ấm áp của mùa xuân, Quan Phủ Ngô Văn Chiêu xin Đức Cao Đài lấy tên những người hiện diện cho một bài thơ để làm kỷ niệm. Đức CHÍ TÔN liền ân ban bài thơ sau đây :

" CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN Đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành;
HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh,
HƯỜN MINH MÂN đáo thủ đài danh.

Mười hai chữ lớn trong ba câu trên là tên của 12 người môn đệ trước hết của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ... ".
(TNHT. Quyển 1, trang đầu)

Một năm sau, vào ngày 1-1 Đinh Mão tức 1-2-27 (Theo lịch Vạn Niên là 2-2-27), Đức Chí Tôn giáng cơ dạy như sau :

" Các con,... Mừng các con.

Trung, Cư, Tắc, mấy con nhớ đêm nay năm rồi thế nào ? Còn nay thế nào chăng ?...

Thầy lập Đạo năm rồi ngày nầy thì Môn Đệ của Thầy chỉ có 12 đứa, mà 4 đứa đã vào nơi tay Chúa Quỉ, còn lại tám. Trong 8 đứa thì lại còn một đôi đứa biếng nhác mà không hành đạo.

Thầy hỏi nếu chẳng phải quyền hành Thầy, dầu cho một vị Phật thiệt lớn giáng thế đi nữa, cũng chưa có phương chi độ hơn bốn muôn sanh linh nhờ tay 6 đứa Môn Đệ trong một năm cho đặng bao giờ.

Thầy vui mừng, Thầy khen tặng hết thảy bốn muôn Môn Đệ của Thầy ... Thầy giở cơ lên, các con đều chung ngang qua cho Thầy ban Phép Lành..." (TNHT.I.74 – năm 1972).

Ghi Chú : Trong bộ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Chú Thích (Q1, trg 244), Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng có ghi như sau
Tết năm trước, tức Tết Bính Dần, Đức Chí Tôn điểm danh 12

Môn Đệ đầu tiên.
Tết năm nay là Tết Đinh Mão, Đức Chí Tôn nói : Chỉ nhờ có 6 Môn Đệ lo hành đạo trong một năm mà độ được hơn 40 000 Tín Đồ.

Đây là lần đầu tiên Đức Chí Tôn ban phép lành cho các Môn Đệ.

DANH SÁCH CHỨC SẮC
Tính Đến Lễ Khai Đạo
***

Giáo Tông (vô vi) : Đức Lý Đại Tiên Trưởng
Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm nhiệm.
Chưởng Pháp phái Thái : Hòa Thượng Như Nhãn.
Chưởng Pháp phái Thượng : Đại Lão Sư Nguyễn Văn Tương.
Chưởng Pháp phái Ngọc : Thái Lão Sư Trần Văn Thụ.

Đầu Sư phái Thái : Thái Minh Tinh (Hòa Thg. Thiện Minh).
Đầu Sư phái Thượng : Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung).
Đầu Sư phái Ngọc : Ngọc Lịch Nguyệt (Lê Văn Lịch).

CÁC VỊ PHỐI SƯ

CPS. phái Thái : Thái Thơ Thanh (Nguyễn Ngọc Thơ).
CPS. phái Thượng : Thượng Tương Thanh (Nguyễn Ngọc Tương).
CPS. phái Ngọc : Ngọc Trang Thanh (Lê Bá Trang).
Phối Sư phái Thượng : Thượng Hóa Thanh (Lê Văn Hóa).

CÁC VỊ GIÁO SƯ

Thái Nhung Thanh : Yết Ma Nhung (Chợ Lớn).
Thái Luật Thanh : Yết Ma Luật (Phước Hậu).
Thái Bính Thanh : Lâm Quang Bính (Rạch Giá).
Thượng Kỳ Thanh : Vương Quan Kỳ (Sài Gòn).

Thượng Chức Thanh : Nguyễn Văn Chức (Chợ Lớn).
Thượng Kim Thanh : Ngô Văn Kim (Cần Giuộc).
Thượng Hành Thanh : Lại Văn Hành (Chợ Lớn).
Thượng Vinh Thanh, Chợ Lớn.
Thượng Định Thanh : Tống Quốc Định (Sài Gòn).
Thượng Hoài Thanh : Nguyễn Văn Hoài (Sài Gòn).
Thượng Hoài Thanh : Dương Văn Hoài (Bến Tre).
Thượng Hoài Thanh : Nguyễn Tấn Hoài (Cần Đước).
Thượng Lai Thanh : Nguyễn Văn Lai (Tân Kim).
Thượng Bút Thanh : Hà Văn Bút (Sài Gòn).
Thượng Châu Thanh : Lê Văn Son (Thầy đổi Son ra Châu).
Thượng Viễn Thanh : Phạm Trí Viễn (Trà Vinh).
Thượng Tín Thanh : Ngô Trung Tín (Rạch Giá).
Thượng Nhơn Thanh : Nguyễn Văn Nhơn.
Ngọc Vân Thanh : Ngô Tường Vân (Sài Gòn).
Ngọc Đạt Thanh : Nguyễn Phát Đạt (Sài Gòn).
Ngọc Mùi Thanh : Nguyễn Văn Mùi.
Ngọc Kinh Thanh : Nguyễn Văn Kinh (Gia Định).
Ngọc Thông Thanh : Bùi Văn Thông.

CÁC VỊ GIÁO HỮU

Thượng Giỏi Thanh : Huỳnh Văn Giỏi (Sài Gòn).
Thượng Bản Thanh : Đoàn Văn Bản (Sài Gòn).
Thượng Lân Thanh : Nguyễn Ngọc Lân.
Thượng Thấp Thanh : Phạm Văn Thấp.
Thượng Sơn Thanh : Huỳnh Văn Sơn.
Thượng Cúc Thanh : Lê Văn Cúc.
Thượng Phương Thanh : Nguyễn Văn Phương.
Thượng Kỉnh Thanh : Võ Văn Kỉnh (Cần Giuộc).
Thượng Thiên Thanh : Bùi Văn Thiên.
Thượng Cúc Thanh : Nguyễn Văn Cúc.
Thượng Nghi Thanh

NỮ PHÁI

Nữ Giáo Sư Hương Thanh : Lâm Ngọc Thanh (14-10 BD).
Phó Giáo Sư Hương Thế : Ca Thị Thế (14-10 BD).

CÁC VỊ LỄ SANH

Trần Văn Tạ : thọ phong 26-10 năm Bính Dần.
Trần Văn Hoằng : thọ phong 26-10 năm Bính Dần.
Cao Quỳnh Diêu : thọ phong 26-10 năm Bính Dần.
Nguyễn Phát Trước : thọ phong 26-10 năm Bính Dần.
Trần Văn Tạ sau đắc phong Hộ Đàn Pháp Quân.
Cao Quỳnh Diêu sau đắc phong Bảo Văn Pháp Quân.
Nguyễn Phát Trước (Thái Mục Thanh) sau đắc phong Phụ Đạo
Chưởng Nghiêm Pháp Quân, bất kính với Đức Cao Thượng Phẩm, bị chết thảm thương.

CÁC VỊ PHÒ LOAN

Phạm Công Tắc : Hộ Pháp, Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo Sĩ.
Cao Quỳnh Cư : Thượng Phẩm, Tá Cơ Tiên Hạc Đạo Sĩ.
Cao Hoài Sang : Thượng Sanh.

Tiên Đạo Phò Cơ Đạo Sĩ

Trương Hữu Đức	-	Nguyễn Trung Hậu
Trần Duy Nghĩa	-	Trương Văn Tràng
Phạm Văn Tươi	-	Ca Minh Chương
Phạm Tấn Đãi	-	Nguyễn Thiêng Kim*
Huỳnh Văn Mai*	-	Võ Văn Nguyên*
Nguyễn Văn Mạnh	-	Lê Thiện Phước

Vào ngày lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài 12-1 Đinh Mão (13-2-1927), 12 vị Phò Loan được Đức Chí Tôn Thiên Phong là Thập Nhị Thời Quân, tức 12 vị Tướng Soái của Đức Chí Tôn.
* Trong ngày nầy, ba vị Nguyễn Thiêng Kim, Huỳnh Văn Mai và Võ Văn Nguyên vắng mặt, nên Đức Chí Tôn bổ sung thêm ba

vị khác là Lê Thế Vĩnh, Thái Văn Thâu và Cao Đức Trọng (Để ý dấu *). Riêng Ngài Cao Đức Trọng thọ phong sau cùng, vào ngày 29-6 Đinh Mão (27-7-1927), tại Kim Biên (Nam Vang)

.

Pháp Chánh Truyền
HIỆP THIÊN ĐÀI

Sau ngày Khai Đạo non 3 tháng (vào ngày 12-1 Đinh mão, tức 13-2-1927), Đức Chí Tôn giáng cơ lập Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, nội dung tóm lược như sau.

Hiệp Thiên Đài được đặt dưới quyền Hộ Pháp chưởng quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm.

Thầy lại chọn Thập Nhị Thời Quân chia ra làm ba Chi : Chi Pháp, Chi Đạo và Chi Thế.

* Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc chưởng quản Hiệp Thiên Đài, kiêm chưởng quản Chi Pháp, dưới có 4 vị Thời Quân :

- Bảo Pháp : Nguyễn Trung Hậu
- Hiến Pháp : Trương Hữu Đức
- Khai Pháp : Trần Duy Nghĩa
- Tiếp Pháp : Trương Văn Tràng.

* Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư chưởng quản Chi Đạo, dưới có 4 vị Thời Quân thuộc Chi Đạo :

- Bảo Đạo : Ca Minh Chương
- Hiến Đạo : Phạm Văn Tươi
- Khai Đạo : Phạm Tấn Đãi
- Tiếp Đạo : Cao Đức Trọng*.

* Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang chưởng quản Chi Thế, dưới có 4 vị Thời Quân thuộc Chi Thế :

- Bảo Thế : Lê Thiện Phước
- Hiến Thế : Nguyễn Văn Mạnh
- Khai Thế : Thái Văn Thâu*
- Tiếp Thế : Lê Thế Vĩnh*.

Ba vị Chưởng Đài có tuổi lần lượt là : Tý, Sửu, Dần.

Mười hai vị Thời Quân có tuổi lần lượt là 12 con giáp trong Thập nhị Địa Chi : Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Không có vị nào trùng tuổi với vị nào.

THÁNH ĐỊA TÂY NINH

***

Trong lúc Đức Chí Tôn gầy dựng nền Đạo chưa được bao lâu, chưa có nhiều môn đệ, và chánh quyền Pháp lại lăm le đàn áp, thì trong năm Bính Dần, năm đầu tiên của cơ Đạo, phải chịu hai việc đau buồn.

*Việc thứ nhứt : Trong khi vào cuối năm Ất Sửu, hai nhóm môn đệ của Đức THƯỢNG ĐẾ hòa hợp với nhau trong tình huynh đệ vô cùng mật thiết, tay bắt mặt mừng, còn hơn anh em ruột thịt cùng chung một nhà, với Ngài Ngô Văn Chiêu là Anh Cả, thì vào giữa tháng 3 năm Bính Dần, Ngài Ngô Văn Chiêu lại tự ý tách ra khỏi Nhóm Phổ Độ để lo bề tự giác, ngôi Giáo Tông chưa có người nhận.

*Việc thứ nhì : Trong đêm đầu tiên của Đại Lễ Khai Đạo, Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt trấn đàn sót một cửa nên Tà Quái thừa dịp theo cửa đó nhập vào để quấy phá, thử thách môn đệ của Đức Chí Tôn, làm cho một số môn đệ kém đức tin phải lùi bước.

Trong số những người kém đức tin đó có Hòa Thượng Như Nhãn, Hòa Thượng Thiện Minh và những đệ tử Phật Giáo của hai Ngài. Do đó một tháng sau, dưới áp lực của đệ tử Phật Giáo và xúi giục của nhà cầm quyền Pháp, Hòa Thượng Như Nhãn nhứt định đòi chùa Gò Kén lại, không hiến cho Đạo Cao Đài, buộc Hội Thánh phải dọn đi nơi khác, nếu không ông sẽ kiện ra Tòa để yêu cầu chánh quyền trục xuất. Thấy khó lòng nài nỉ, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt xin cho gia hạn 3 tháng sẽ dọn đi, Hòa Thượng Như Nhãn đồng ý.

Như vậy, sau đó Hội Thánh phải lo đi kiếm đất để mua. Có nhiều nơi hiến đất cho Đạo cất Tòa Thánh, nhưng Đức Chí Tôn

không chịu nhận và khẳng định rằng : " Chi chi cũng tại Tây Ninh nầy mà thôi ".

1.- TÌM ĐẤT THÁNH ĐỊA

Kể từ 15-10 Bính Dần (1926) đến 15-1 Đinh Mão (16-2-27) là đúng thời hạn 3 tháng phải trả chùa Gò Kén, nhưng Hội Thánh chưa trả chùa lại được, vì chưa kiếm được đất. Phần Hòa Thượng Như Nhãn thì cứ hối Hội Thánh dọn đi để lấy chùa lại.

Ngày 19-1 Đinh Mão (20-2-1927), Đức Lý Giáo Tông giáng cơ tại chùa Gò Kén, dạy Hội Thánh lo trả chùa lại cho Hòa Thượng Như Nhãn, rồi dạy đi chọn đất để mua cất Tòa Thánh, phải chọn đất tại Tây Ninh nầy mà thôi, vì Tây Ninh là Thánh Địa, vả lại phong thổ thuận tiện cho nhiều nước ngoại quốc đến đây học đạo.

Hôm sau, 20-1 Đinh Mão (21-2-1927), cũng tại chùa Gò Kén, Đức Chí Tôn giáng cơ dạy như sau :

" Các con nghe !
Nơi nào Thầy ngự thì nơi ấy là Thánh Địa ...
Còn Tòa Thánh thì muốn để có nhơn lực hiệp cùng Thiên ý, là hạnh của Thầy, các con nên xem gương mà bắt chước ...
Các con phải chung hiệp nhau mà lo cho hoàn toàn Tòa Thánh. Chi chi cũng tại Tây Ninh nầy mà thôi ".

Qua ngày sau 21-1 Đinh Mão (22-2-1927), Hội Thánh đi tìm đất để mua, Ngài Thái Thơ Thanh cho mượn một chiếc xe hơi, và Bà Lâm Hương Thanh cho mượn một chiếc. Hội Thánh Hiệp Thiên và Cửu Trùng gồm : Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt, các Ngài Thái Thơ Thanh, Thượng Tương Thanh, Ngọc Trang Thanh và vài vị Chức Sắc khác ngồi trên hai chiếc xe hơi. Ngày đầu đi tìm nhưng chưa thấy cuộc đất nào thích hợp, tối lại cầu hỏi Đức Lý Giáo Tông.
Đức Lý dạy : " Mai nầy chư Hiền Hữu lên đường trên gọi là đường Dây Thép nhắm địa thế dài theo cho tới ngã ba Ao Hồ, coi Hiền Hữu có thấy đặng chăng cho biết. Lão đã nói rằng : mỗi sự chi đều bày trước mắt nhơn sanh hết ".

Sáng ngày 22-1 Đinh Mão (23-2-1927), theo lời chỉ dẫn của Đức Lý, khi xe chạy tới Cửa Số Hai (hồi trước còn rừng rậm) cạnh góc ngã ba có cây vừng, Đức Thượng Phẩm thấy nơi cây vừng có tấm bảng treo đề tên Cao Văn Điện. Ông nầy là bạn học của Đức Thượng Phẩm lúc còn nhỏ. Đức Thượng Phẩm nói với Hội Thánh : Để tôi nhờ bạn tôi là Cao Văn Điện điềm chỉ dùm. Nhờ vậy mà Hội Thánh mua được một sở rừng do một người Pháp tên là Aspar làm chủ, tọa lạc ở làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh, nay là Nội Ô Tòa Thánh. Ngài Thái Thơ Thanh xuất tiền cho Hội Thánh mượn để mua đất.

2.- THÁNH ĐỊA TÂY NINH

Ngày 23-1 Đinh Mão (24-2-1927), Đức Lý vui vẽ dạy tiếp như sau :

" Hỷ chư Đạo Hữu, chư Đạo Muội.

Lão khen Thái Thơ Thanh, phải đó đa, tưởng chư Hiền Hữu không thấy nữa.

Lão cắt nghĩa tại sao cuộc đất ấy là Thánh Địa ?

Sâu hơn 300 thước, như con sông, giữa trung tim đất giáp lại trúng giữa 6 nguồn, làm như 6 con rồng đoanh nhau. Nguồn nước ấy trúng ngay đỉnh núi, gọi là LỤC LONG PHÒ ẤN. Ngay miếng đất đặng 3 đầu : Một đầu ra giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cạnh rừng bên kia. Người Lang Sa chỉ đòi có hai mươi lăm ngàn đồng ".

Khi đã mua được đất, Hội Thánh lo dọn đất để di dời đồ đạc, đặc biệt là Trái Càn Khôn và tượng Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta về cơ sở mới. Hội Thánh quyết định sẽ giao trả chùa Gò Kén cho Hòa Thượng Như Nhãn vào ngày 20-2 Đinh Mão (23-3-1927). Công việc di dời về Thánh Địa do Đức Cao Thượng Phẩm phụ trách. Trước khi di dời, Đức Lý Giáo Tông giáng dạy như sau :

" Bính Thanh, Hình Phật Thích Ca trước Hiệp Thiên Đài đó, phải làm thế nào cho đừng hư gãy, vì Chí Tôn đã trấn thần chính nơi tay Người, nghe ! Quả Càn Khôn cũng vậy ; khi tháo rời ra

rồi ráp lại y như vậy. Khi tháo ra, phải cầu Lão đưa Thần một đỗi, rồi mới đặt tay người vào, nghe à !
Dặn đến Thánh Thất Mới phải cầu Chí Tôn trấn thần lại nữa. Thánh Thất tạm phải cất ngay miếng đất trống, còn Hiệp Thiên Đài tạm cất trước Thánh Thất tạm " (Đạo Sử Nhựt Ký của Hiền tài Hồng, trang 346-347).

Quả Càn Khôn rất lớn nhưng nhẹ nên cũng dễ di chuyển, nhứt là vào lúc ban đêm, đường rất vắng. Tượng của các Đấng tuy nặng nhưng gọn, dễ di chuyển, chỉ có tượng Thái Tử Sĩ-Đạt-Ta và ngựa Kiền Trắc thì rất lớn, dài và rất nặng vì làm bằng xi măng cốt sắt. Đức Cao Thượng Phẩm phải kết hai chiếc xe bò lại, để thỉnh cốt Phật lên. Khi thỉnh cốt Phật về tới nơi, cả Chức Sắc và công quả người Miên đều mệt đuối, nên nhào xuống đống lá khô trong rừng nằm nghỉ.

3.- CÔNG VIỆC PHÁ RỪNG

Việc di chuyển mọi thứ từ Gò Kén về Thánh Địa được hoàn tất rất tốt đẹp, Quả Càn Khôn cũng như tượng Phật Thích Ca cũng được an toàn.
Công việc tiếp theo là : Người phá rừng, đánh gốc bứng chồi, kẻ đổ gỗ, đánh tranh, dựng tạm một lều tranh che cốt Phật và Quả Càn Khôn.
Buổi ban sơ mới dọn về đất mới, Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm tạm sửa cái nhà bò của chủ đất để lại, chia làm ba ngăn, một ngăn để cho công quả người Miên ở nghỉ ngơi, một ngăn làm kho chứa dụng cụ để khai phá rừng, ngăn còn lại thì làm kho chứa gạo và thực phẩm, một bên thì để hai Ngài ở tạm, dùng cây rừng làm hai cái chõng, trên lót bố tời để nằm cho đỡ đau.
Ngày nào hai Ngài cũng dẫn công quả đi chặt cây chỗ nầy, đốn cây chỗ kia, dọn cho trống đặng cất Tòa Thánh Tạm. Năm 1947, một hôm vui miệng, Đức Hộ Pháp có kể câu chuyện như sau :

" Việc khai phá rừng già không phải là việc dễ. Nhơn công phải đương đầu với muôn ngàn nỗi gian lao khổ ải. Khó chịu nhứt là

bịnh sốt rét chói nước. Chư Tín Hữu người Việt ở Lục Tỉnh lên làm công quả không chịu nổi với trận giặc rét nầy. Công quả được ít ngày thì các vị ấy lần lượt xin về hết. Nếu tình thế ấy cứ liên tục thì không biết đời nào mới khai phá xong khu rừng !

Nhưng may thay, Ơn Trên chuyển số người Tần Nhơn (Cao Miên) đến làm công quả có đến vài trăm người. Họ là những người lực lưỡng, chịu nắng, chịu mưa giỏi, lại quen với thứ sống trong rừng, nên họ làm việc đắc lực lắm. Có điều nầy đặc biệt là trong số hai trăm nhơn công ấy lại có một người là cốt của một vị Thần. Mỗi buổi sáng, đến giờ làm việc, vị Thần nói trên nhập vào cốt, mặt đỏ phừng phừng, tay cầm cây gỗ to, nhảy lên đám cây Dầu to đến cả ôm người và dài đến mười mấy thước bị đốn ngã nằm ngổn ngang, và rất uy nghi ra lịnh cho đàn nhơn công khiêng các cây súc ấy sắp lại ngay hàng thẳng lối. Công việc mỗi ngày đều như thế cả, không sai chạy ! Như thế mà vị Thần không biết mệt,..." (Theo quyển Tìm Hiểu Đạo Cao Đài của soạn giả Đỗ Vạn Lý).

Mỗi ngày Đức Cao Thượng Phẩm cầm thước đi đo những cây vừa đốn được để xem coi cây nào dùng làm cột, cây nào dùng làm kèo, làm xiên,...v.v... rồi cho công quả đem về để thợ mộc lớp cưa, lớp đẽo đặng cất Tòa Thánh Tạm và các cơ sở khác.

Phần Bà Nguyễn Thị Hiếu, hiền nội của Đức Cao Thượng Phẩm, thì chỉ huy công quả nữ phái, lo nấu ăn, hễ phá rừng tới đâu thì dọn cơm tới đó, ăn xong dọn dẹp gánh về nhà bò mà rửa cất. Ngày hai bữa đều như vậy.

4.- TÒA THÁNH TẠM

Từ Lâm Tự là một ngôi chùa Phật ở Gò Kén, vừa mới xây cất bởi Hòa Thượng Như Nhãn. Vị Hòa Thượng nầy đã cải giáo để nhập vào Đạo Cao Đài. Nhưng sau Đại Lễ Khai Đạo, những tín đồ Phật Giáo đã góp tiền cho cho Hòa Thượng xây chùa, không được Hòa Thượng tham khảo ý kiến trước về sự hiến cho Đạo

Cao Đài, nên đòi hỏi giao hoàn chùa lại cho cố chủ. Mặt khác, ngôi chùa quá nhỏ, khoảnh đất xây chùa lại quá chật hẹp, khó có thể sử dụng làm Tòa Thánh cho một nền Tân Tôn Giáo đang phát triển với một tương lai vĩ đại.

Theo chỉ dẫn của Đức Lý Đại Tiên Trưởng, khoảnh đất mà trên đó xây dựng Đền Thờ Tạm đã được chọn và mua để xây dựng Tòa Thánh, tọa lạc tại làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh, khá rộng gần 100 hec-ta (1 hec-ta = 10 000 mét vuông) đủ đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai.

Với hai bàn tay cứng rắn, không một cơ giới, chỉ với một lòng quyết tâm cùng nhiệt tình vì Thầy vì Đạo, người tín hữu Cao Đài đã san bằng nhiều chục mẫu rừng hoang vu, nhường chỗ cho ngôi Tòa Thánh Tạm từ từ mọc lên. Tuy bằng gỗ, lá, tranh, nhưng ngôi Tòa Thánh Tạm cũng có đủ Lầu Chuông, Lầu Trống, Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài, và Bát Quái Đài cao vòi vòi gần bên khu Rừng Thiên Nhiên. Lối kiến trúc phi thường thẩm mỹ làm cho du khách rất kinh ngạc, bởi công trình do Quyền Thiêng Liêng hướng dẫn từ lúc khởi sự cho đến lúc hoàn thành.

Khi Tòa Thánh Tạm cất xong thì Chức Sắc tụ về đông đảo, kế tiếp cất Hậu Điện, Đông Lang, Tây Lang, Phòng Trù, Trường Học (tất cả đều bằng tranh), và đào giếng (hiện giờ còn di tích mấy cái giếng gần Tòa Nội Chánh). Lúc bấy giờ, người Miên đồn với nhau là tại Tòa Thánh Tây Ninh có thờ ông Phật của họ tức là Đức Phật Thích Ca, nên họ kéo xuống nhập môn mỗi ngày một đông. Khi họ đến, nếu ban ngày thì dọn ăn ban ngày, nếu ban đêm thì dọn ăn ban đêm. Ấy là phận sự của người cai quản Phòng Trù là Bà Nguyễn Thị Hiếu đó vậy. Rút kinh nghiệm, buổi chiều nào Bà cũng nấu dự bị hai chảo cơm lớn và đồ ăn, nghĩ vì họ ở xa xôi đi tìm Đạo, đường xa ngàn dặm, đi cả ngày chịu đói khát, cho nên dầu Bà và nhơn viên Phòng Trù có cực khổ thế nào cũng ráng lo thu xếp đãi cho họ được vui lòng.

Ngôi Đền Thánh Tạm được kiến tạo khang trang cho nhơn sanh thờ phượng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, hoàn thành trong một thời gian ngắn ngủi là nhờ các Đấng Thiêng Liêng vận chuyển

cho công việc chóng thành, và nhờ số công thợ, công quả nhiệt tình, đặc biệt là những người Miên, ngày đêm dầm sương trải nắng gấp rút để đáp ứng nguyện vọng thiết tha của toàn thể bổn Đạo.

Nhưng, cũng như tất cả các tôn giáo khác vào buổi đầu, Đạo Cao Đài cũng có những kẻ chống đối mà những lời chỉ trích của họ thường rất nghiêm khắc, luôn luôn bị xúi giục bởi những đầu óc thiếu khách quan. Trong lúc đó, những vị lãnh đạo Đạo Cao Đài, vâng theo lời giáo huấn của Đức Chí Tôn, cố gắng giữ mình và hoàn thiện trong nền Đại Đạo, bằng cách chỉ quan tâm đến lợi ích về đạo đức và tinh thần của nhơn loại. Đó là câu trả lời duy nhứt mà Quí Ngài được phép dùng để đối phó với những kẻ công kích, vì tất cả tín đồ chơn chánh phải giữ nghiêm khắc với chính mình.

Trong việc di dời về Thánh Địa, và trong công việc đốn cây phá rừng, xây cất Tòa Thánh Tạm cùng các cơ sở phụ thuộc, Đức Cao Thượng Phẩm là người đứng đầu công trong Hội Thánh. Trong giai đoạn nầy, Bà Nguyễn Thị Hiếu (về sau được phong Đầu Sư chưởng quản Nữ Đầu Sư Đường) có thuật lại như sau :

" Ông Chánh Tham Biện người Pháp (Tỉnh Trưởng Tây Ninh) thấy việc làm quá đông người nên có ý nghi ngờ, tụ tập đông đảo để gây rối an ninh trật tự, nên đòi Đức Thượng Phẩm ra tòa bố để tra hỏi.
Ông Tham Biện hỏi Ngài Cao Quỳnh Cư :
- Ông làm gì mà đông người như vậy ?
- Tôi mua miếng đất đó đặng trồng cao su.
- Ông trồng mấy mẫu ?
- Tôi trồng hết sở đất tôi mua, phá tới đâu trồng tới đó.
Ngày nay trong Nội Ô có cây cao su là do nơi đó.

Khổ tâm hơn hết là Đức Cao Thượng Phẩm, bị người Pháp cật vấn đủ điều, đến đỗi tới giờ cúng cũng không vô được Chánh Điện để cúng, buộc phải rào song ly ngăn lại. Trong Chánh Điện chỉ có một mình ông Lễ Sanh Thượng Xường Thanh cúng mà thôi,

còn ở ngoài có vài ba ông thợ mộc quì trên dăm bào lạy vô Bửu Điện, vì lúc nầy chánh phủ Pháp nghi ngờ Đạo, bó buộc không cho tụ họp đông đảo. Như vậy mà ông Chánh Tham Biện còn mời Đức Cao Thượng Phẩm ra tòa bố ngày một ".

Ghi Chú : Ông Trần Văn Xường nhập môn tại Thánh Thất Gò Kén vào ngày 23-10 Bính Dần (27-11-1927). Đức Chí Tôn ban cho ông 4 câu thơ, và dạy như sau như sau :

Phơi gan xử thế nết anh hùng,
Xấu mặt mà lòng thiệt rất trung.
Thầy để một lời khuyên trẻ nhớ,
Không duyên thôi chịu mạng nghèo cùng.

Thầy dạy con phải nghe, dầu con ham mến sự đời lại càng khổ cực. Thầy cho con chức Lễ Sanh, ở tại Thánh Thất tu hành, nghe à.

Việc di dời Thánh Thất từ Gò Kén đến làng Long Thành được thực hiện vào tháng 3 năm 1927. Nơi Thánh Thất Tạm mới xây dựng, số tín đồ tiếp tục tăng lên đáng kể. Những cuộc hành hương đến Thánh Thất Mới đáng được ghi nhận : mỗi ngày đón tiếp cả ngàn người. Rốt cuộc, sau 4 năm hiện hữu, Đạo Cao Đài đã có được khoảng nửa triệu tín đồ. Mặc dầu có rất nhiều trở ngại gieo rắc trên bước đường phát triển Đạo, quí vị Tiền Khai luôn luôn tiếp tục tiến bước và đắc thắng đến mục đích mà Đấng Thượng Đế đã đặt ra : Sự Phục Hưng Nhơn Loại trong nền hòa bình thế giới.

HT Nguyễn Trung Đạo

Nho giáo Đại Cương

Nguyễn Ước

(Tiếp theo từ TSTĐ số 38)

Dương Tử (k. 395-335 tr.C.N.)

Họ Dương đứng đầu "Vị ngã: vì chính ta", một học thuyết — cùng với Mặc gia — có ảnh hưởng rất lớn thời Chiến quốc tới độ Mạnh Tử đã nhận xét rằng "Lời lẽ trong thiên hạ không là Dương thì là Mặc". Và chính Mạnh Tử tự cho mình có nhiệm vụ "chống lại Dương Chu" bằng lời khẳng định: "Đạo của Dương Chu và Mặc Địch không tắt thì đạo của Khổng Tử không sáng lên được".

Dương Tử tên thật là Dương Chu, còn được gọi là Dương sinh hay Dương Tử Cư, chào đời sau Mặc Tử khoảng 70 năm. Ông người nước Ngụy, địa bàn hoạt động chính là hai nước Lỗ và Tống, từng chu du phương nam tới đất Bái, nay là Bái huyện, tỉnh Giang Tô. Theo truyền thuyết, thuở nhỏ ông từng theo học thuyết của Lão Tử. Cuộc đời của ông ít được sách sử chép lại. Ông cũng không để lại tác phẩm hoàn chỉnh nào; những phát biểu của ông chỉ xuất hiện tản mát trong các sách Mạnh Tử, Hàn Phi Tử, Trang Tử, Lã thị Xuân Thu, Hoài Nam Tử, Liệt Tử, v.v...

Là người chống lại cả Khổng Tử lẫn Mặc Tử, Dương Tử chủ trương "giữ trọn vẹn bản tính để bảo vệ chân tính, không để cho bất cứ vật nào làm hại đến thân". Quan điểm "vì chính ta" ca Dương Tử được cụ thể hóa bằng câu nói của ông, đã trở nên thành ngữ bất hủ: "Bất bạt nhất mao: không nhổ một sợi lông", dù có lợi cho đời, kể cả có lợi cho mình.

Qua những dấu vết để lại của Dương Tử, ta có thể thấy rõ ông lập luận rằng đã qua rồi thời đại liệt quốc; lúc này dân chúng cần rút về bảo thủ bản thân để duyệt xét mình và một lòng trau dồi đức liêm khiết. Vì thế, ta không nên để cho mình bị dính líu tới các vật ngoại thân, không nên đảm trách bất cứ vai trò xã hội nào hoặc lấy ý nguyện của người khác làm cơ sở hành động.

Nói cách khác, với chủ trương nuôi dưỡng mạng sống và quí trọng bản thân, Dương Tử có thể vất bỏ mọi thứ liên quan tới Nho gia và Mặc gia. Không thèm để mắt tới các vấn đề xã hội, ta chỉ nên chú mục theo đuổi lợi ích và khoái lạc của chính ta và hãy cứ cho rằng người khác cũng đang làm giống y như ta. Nói theo thuật ngữ triết học Tây phương, ông là người theo khoái lạc cá nhân chủ nghĩa.

Pháp gia

Xuất thân quí tộc nước Hàn và yêu thích môn học Hình danh pháp thuật, Hàn Phi (k. 280-233 tr.C.N.) là người tập đại thành tư tưởng Pháp gia cuối đời Chiến quốc với chủ trương thay đổi pháp chế để quốc gia hùng mạnh. Ông cùng với Lý Tư, tể tướng khai quốc của nhà Tần, là môn sinh của Tuân Tử. Hàn Phi qua đời trong ngục tối vì bị Lý Tư dèm pha với Tần Thủy Hoàng, truyền lại bộ sách Hàn Phi Tử.

Để làm nổi bật nội hàm Pháp trị chủ nghĩa của Pháp gia, có lẽ ta nên nhắc lại những chủ trương tương phản với họ. Đối với Khổng Tử, lễ của thời sơ Chu là cơ sở cho quan điểm của ngài về đạo đức và xã hội. Nỗ lực giáo dục đạo đức phối hợp với quá trình tu dưỡng đức Nhân của con người có khả năng đưa tới việc lập thành đức hạnh (đạo nghĩa). Dù phê phán nhiều khía cạnh trong khái niệm của Khổng Tử về vấn đề đó, Mặc Tử cũng chấp nhận rằng ta có thể giáo dục người dân về mặt đạo đức, với sự hỗ trợ của phần thưởng và hình phạt. Ngược lại, Lão Tử cho rằng không

nên phí sức dạy cái gọi là đạo đức xã hội, mà chỉ nên khuyến khích cá nhân tự biểu hiện tự nhiên tính của mỗi người.

Hoàn toàn đi ngược lại ba lập trường trên, các Pháp gia - đứng đầu là Hàn Phi - buông bỏ toàn bộ nỗ lực tu dưỡng đạo đức. Họ lập luận rằng nền tảng độc nhất của một xã hội tốt đẹp chính là sự cai trị bằng luật pháp, và rằng không cần phải phát triển đạo đức bản thân, dân chúng vẫn hoàn toàn có khả năng tuân giữ luật lệ đã được thiết lập.

Đối với Hàn Phi, "Đạo là khởi thủy của vạn vật, là kỷ cương của đúng, sai". Nhấn mạnh việc dùng phương pháp nghiệm chứng sau khi khảo sát để xem nhận thức đúng hay sai, Hàn Phi là người đầu tiên nêu lên thuyết "mâu thuẫn" để khái quát hóa sự chuyển động do bởi những mặt đối lập của sự vật. Ông chủ trương trung ương tập quyền để nhất thống Trung Hoa và dùng pháp trị để bình định thiên hạ.

Luận cứ căn bản của Pháp gia là cá nhân nào, một cách căn bản, cũng chỉ hành động vì bản thân. Đối với Pháp gia, nền luân lý đạo đức cũ cho rằng tính con người vốn nhân từ tốt lành, là hoàn toàn sai lạc và giả dối; quan hệ giữa người và người chỉ là quan hệ về lợi và hại. Muốn xã hội thao tác hữu hiệu, phải kiềm chế tính tự tư tự lợi của người dân. Con người thời nào cũng yếu đuối, không thể hoạt động vì lợi ích của nhân quần xã hội, thế nên cần phải áp đặt luật pháp lên trên họ. Căn bản của nền pháp luật ấy là nguyên tắc công bằng.

Nói cách khác, Pháp gia rút toàn bộ cơ sở đạo đức ra khỏi lãnh vực phát triển con người và hủy bỏ khái niệm con người lý tưởng. Đạo đức trong tương quan với nhu cầu xã hội và các cấu trúc khiến cho xã hội thao tác hữu hiệu. Sau khi xem xét cặn kẽ xã hội, Pháp gia khảo sát những phương cách cưỡng bách cá nhân phải sinh hoạt ăn khớp với xã hội.

Nhân định tổng quát

Nhìn từ quan điểm hiện đại, ta thấy ở đây hiện rõ một vấn đề triết học chủ chốt. Tới chừng mực nào bạn có thể cho rằng xã hội hiện hữu ở bên trên các cá nhân lập thành nó, để từ đó, bạn có thể hay không thể dùng ý tưởng xã hội làm cơ sở cho hành động đạo đức. Nho giáo và Pháp gia nhìn các cấu trúc xã hội cùng những bất bình đẳng như một thực tế đã định và cho phép chúng quyết định điều cá nhân nên làm. Cái giá phải trả để có sự hòa hợp xã hội là cá nhân thuận theo xã hội.

Ngược lại, người theo Mặc gia nhìn nguyên tắc xã hội - trong trường hợp này là sự đối xử bình đẳng với mọi người - như một phương cách cung cấp chuẩn mực để từ đó quyết định nên tổ chức xã hội như thế nào. Mặc Tử cổ động chuẩn mực ấy cho dẫu nó có vẻ đi ngược lại những khuynh hướng tự nhiên và những thực tế đã được quan sát về động thái của con người.

Đối mặt với tình thế lưỡng nan hoặc áp dụng các chuẩn mực để cải thiện xã hội hoặc chấp nhận những bất bình đẳng xã hội, Dương Chu quyết định chẳng chọn cái nào. Không thèm trị dân, ông dùng lối tiếp cận mang tính khoái lạc chủ nghĩa và cá nhân chủ nghĩa.

Chúng ta sẽ thấy lối tiếp cận của Đạo giáo đối với vấn đề này khác biết bao, trong đó Lão Tử chủ trương rằng mọi sự được đặt cơ sở tiên quyết trên cá nhân và lối sống của cá nhân ấy hiệp làm một với Đạo.

Ở đây, nổi cộm câu hỏi có tính nền tảng rằng: "Xã hội có tính tự nhiên không?" Nếu xã hội có tính tự nhiên, thế thì những bất bình đẳng và những cấu trúc của nó là quá trình phát triển không thể tránh của bản tính con người và ta nên chấp nhận thực tế ấy. Nếu xã hội không có tính tự nhiên, thế thì chúng ta có thể kỳ vọng cá nhân phê phán các chuẩn mực của xã hội, và cung cấp

các nguyên tắc hành động có tính cá nhân hoặc tính toàn cầu để qua đó có thể phán xét các xã hội hiện hành.

So với triết Tây

Liệu dân chúng có khả năng đến với nhau, đặt qua một bên các nhu cầu và quan điểm cá biệt của mỗi người, nhằm quyết định một chuỗi các luật lệ sẽ mang lại lợi ích cho xã hội như một toàn thể?

Đó là chủ đề nằm bên dưới phần lớn cuộc tranh luận phát xuất từ các học phái Trung Hoa thời Tiên Tần. Ta có thể tìm thấy tình huống tương tự và khảo sát vấn đề ấy trong một tác phẩm của triết học Tây phương hiện đại, đó là cuốn A theory of Justice (Một lý thuyết về công bình, 1972) của John Rawls. (Xem Đại cương triết học Tây phương).

V. Triển khai từ Khổng Tử

Trong Đại cương triết học sử Trung quốc, Phùng Hữu Lan viết: "Khổng Tử có lẽ được phương Tây biết đến nhiều hơn là người Trung quốc nào khác. Nhưng tại Trung quốc, mặc dầu danh ông vẫn luôn luôn được người biết, địa vị của ông đã biến đổi từ thời kỳ này sang thời kỳ khác". (Nguyễn Văn Dương dịch, Nxb Thanh Niên, TP Hồ Chí Minh, 1998, t. 63).

Thật thế, danh giá của Khổng Tử ngày càng được nâng cao, quan điểm của ngài ngày càng được phổ biến nhờ quá trình diễn biến tư tưởng Nho giáo. Khởi đi từ sự kết hợp Nhân và Lễ, Khổng Tử cho rằng con người nên tu dưỡng các đam mê và nỗ lực bên trong bản thân theo cách thế thích đáng với địa vị xã hội của mình. Quan điểm ấy trong thực tế có hàm ý duy trì nguyên trạng trật tự của xã hội vì trong đó, địa vị của mỗi người cung cấp nội dung và cách hành xử Lễ của người ấy.

Sau Khổng Tử, có hai nhà tư tưởng đóng vai trò quan trọng đặc biệt trong quá trình phát triển tư tưởng Nho giáo. Mạnh Tử là người trau chuốt thêm ý tưởng về Nhân, khai thông những bế tắc trong tư tưởng của Khổng Tử về vũ trụ học, siêu hình học và đặc biệt, chính trị học. Tuân Tử trình bày tỉ mỉ và cặn kẽ thêm ý tưởng về Lễ của Khổng Tử.

1. Mạnh Tử (k. 372- 289 tr.C.N.)

Trong khi lời giảng của Khổng Tử, như chúng được lưu truyền cho chúng ta trong Luận ngữ, mang hình thức các chuỗi cách ngôn và hình ảnh, mỗi lời cung cấp cái nhìn sâu xa vào những am hiểu của ngài về bản tính của thực tại và đáp ứng thích đáng của con người, thì Mạnh Tử cống hiến bản thông giải tương đối nhất quán hơn, dù cuốn sách ghi lại ngôn từ và cuộc đời của ông vẫn chứa nhiều giai thoại.

Đôi nét cuộc đời

Mạnh Tử tên là Kha, tự Tử Dư, người đất Trâu (nay ở đông nam Trâu huyện, tỉnh Sơn Đông), thuộc dòng dõi quí tộc sa sút tại nước Lỗ. Thuở nhỏ, nhà rất nghèo, được mẹ cẩn trọng nuôi dạy, ông theo học Khổng Khâu, cháu đích tôn của Khổng Tử. Sau khi làm Khách khanh của Tề Tuyên vương, ông du hành qua các nước Tống, Đằng, Tiết và Ngụy để quảng bá lý thuyết chính trị của mình.

Vì học thuyết Nhân chính của ông bị tầng lớp cầm quyền các nước cho là không thích hợp với thời thế nên không một quốc chủ nào dùng, ông lui về dạy học. Sách Mạnh Tử, một trong Tứ Thư của Nho giáo, do môn đệ của ông ghi chép, và được ông đích thân duyệt lại. Tư tưởng của ông tập đại thành tư tưởng của các Nho gia thời Tiên Tần; được gộp chung vào tư tưởng của Khổng Tử thành "đạo Khổng Mạnh". Đối với nho sĩ, địa vị của

Mạnh Tử chỉ dưới thánh nhân Khổng Tử một bậc: ông được tôn là á thánh.

Người tính vốn thiện

Mạnh Tử xem xét tới điều không được Khổng Tử thảo luận cặn kẽ, đó là bản tính và định mệnh của con người. Học thuyết Nhân chính của ông đặt cơ sở triết học trên khái niệm rằng con người "tính vốn thiện". Ông tin rằng mọi người sinh ra với thiện tính, chỉ sau đó mới học làm điều ác. Thí dụ được ông dùng để minh họa là phản ứng cứu cấp tự nhiên của mọi người khi có đứa bé bị té xuống giếng. Trời sinh trong mọi người có sẵn mối thiện; nội dung chủ yếu của mối thiện ấy gồm:

a.Lòng trắc ẩn một cách tự nhiên;
b.Cảm giác dị ứng cái ác;
c.Tính khiêm nhượng;
d.Biết phân biệt phải trái.

Đối với Mạnh Tử, tâm điểm của tu dưỡng và hành xử là phát huy tính thiện bẩm sinh ấy: "Giữ gìn tâm trí và nuôi dưỡng tính thiện là cách ta phục vụ trời". (Mạnh Tử, Ly Lâu, Thượng).

Dù cốt tính của con người là thiện, nó cần được nuôi dưỡng. Cá tính của con người bị chi phối bởi tánh và tâm, nhưng mệnh quyết định chính xác những gì sẽ xảy tới. Con người không thể thay đổi vận mệnh của nó vì đó là cái nằm trong bàn tay của trời. Tuy thế, trời sinh tâm con người có đủ các thuộc tánh đạo đức Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí; chúng "không phải do bên ngoài rèn đúc nên ta, ta đã có sẵn vậy"; ta chỉ cần tu dưỡng để phát huy.

Bản tính thiện lu mờ, đạo đức con người sinh cao thấp là do bởi hoàn cảnh xã hội. Nếu được giáo hóa bằng hiếu để, thành thật suy xét và tu dưỡng bản thân, phát huy cái "tính bản thiện" thì ai cũng có khả năng trở thành bậc thánh hiền như Nghiêu Thuấn. Với cái nhìn lạc quan ấy, Mạnh Tử tin rằng con người được trời

phú cho "Lương tri" để không suy nghĩ mà biết, và "Lương năng" để không học mà làm được.

Tồn tâm, trì chí, dưỡng khí

Là người duy tâm chủ nghĩa, Mạnh Tử cho rằng chỉ cần hiểu tường tận nội tâm, biết cặn kẽ bản tính của mình, là biết được đạo trời. Để thấu hiểu thiên mệnh mang tính tất định chủ nghĩa của Khổng Tử, Mạnh Tử dùng khái niệm Thành ý. Con người phải sống với lương tri, tận tâm trong mọi việc và lòng chân thành chính là đạo của trời. Chỉ nam của tu tập là buông bỏ bản thân mà giữ gìn nhân nghĩa và nuôi dưỡng khí hạo nhiên trong mình. Đây là một loại khí không có tính vật chất; khí hạo nhiên là một khái niệm siêu luân lý của Mạnh Tử, dùng để chỉ trạng thái tinh thần xuất hiện khi ta ở vào cảnh giới đạo đức cao thượng. Sách Mạnh Tử, chương Công Tôn Sửu, Thượng có viết:

"Ta khéo nuôi cái khí hạo nhiên của ta. [.] Cái khí này rất lớn mạnh, nếu được nuôi dưỡng tử tế mà không làm hại gì đến nó, thì nó đầy dẫy khắp thiên hạ".

Từ tính của con người, Mạnh Tử đề cập khí lưu hành khắp vũ trụ, rồi tới ý hướng của tâm, tức là chí, để có cái khí đó: tính khí - tâm chí - chí khí. Bản thể của khí là hạo nhiên, nghĩa là rất lớn. Nó là vận dụng của lý và lưu hành khắp vũ trụ, tụ lại thành vạn vật. Sự vật sinh trưởng, kể cả con người, là nhờ khí lưu hành trong nó. Phải có chí nuôi dưỡng mới có khí hạo nhiên ấy. Có rồi, tính và khí điều hòa khiến cho động thái của ta hợp với thiên lý, nghĩa là con người hợp nhất với vũ trụ.

Muốn nuôi dưỡng khí hạo nhiên ấy, theo Mạnh Tử, ta phải thường xuyên và kiên trì phối hợp Đạo với Nghĩa. Phải "hiểu Đạo", tức là hiểu đường lối hay nguyên lý dẫn tới cảnh giới đạo đức cao thượng. Và phải "tập nghĩa", tức là luôn luôn làm những việc hợp nghĩa lý, một cách tự nhiên và liên tục. Phối

hợp đạo nghĩa để nuôi dưỡng khí hạo nhiên trong một thời gian lâu, khí ấy sẽ tự nhiên xuất hiện. Chỉ cần một chút xao lãng hoặc gò ép nóng vội là hỏng. Mạnh Tử bảo ta đừng bắt chước như một người nước Tống lo cây lúa mọc không được chóng lớn bèn nhổm gốc lên cho cao khiến lúa chết hết. Chúng ta sẽ bàn kỹ hơn tới Khí và Lý trong đoạn đề cập tới Lý và Khí trong học thuyết của Tống nho.

Dân quí nhất và Nhân chính

Về mặt chính trị học, từ ý tưởng Nhân của Khổng Tử, Mạnh Tử phát huy thành Nhân chính, một học thuyết xung phá cái bế tắc của Khổng Tử và làm cơ sở cho khái niệm dân chủ về sau. Trong khi Khổng Tử cổ vũ tinh thần tôn quân quyền, một lòng vận động quân vương "tu đức", và chỉ biết lui về dạy học khi gặp hôn quân, thì Mạnh Tử đưa ra quan điểm cực kỳ cách mạng. Ông cho rằng đối với loại bạo chúa hại dân như Kiệt Trụ, có thể giết. Lúc đó không phải giết vua mà chỉ là giết gã thất phu vô lại. Giết như thế là làm theo mệnh trời. Nhưng kẻ giết bạo chúa mà lên ngôi cũng phải nổi tiếng là người hiền, được dân chúng tin tưởng là khoan đại và nhân nghĩa.

Đối với vấn đề trị quốc, Mạnh Tử chủ trương dùng Nhân đức và Vương đạo. "Người dùng đức thi hành nhân là bậc vương" (Mạnh Tử, Công Tôn Sửu, Thượng). Thang giá trị trong nước được xếp theo thứ bậc: "Dân vi quí, xã tắc thứ chi, quân vi khinh: Dân là quý, kế đó xã tắc, vua thì nhẹ" (Mạnh Tử, Tận tâm, Hạ). Vì thế, tâm điểm của mọi sách lược chính trị phải là "trọng dân". Được dân là được thiên hạ; muốn "được dân" thì phải "được lòng dân". Trọng dân tức là tôn trọng công bằng xã hội để người dân nhận được cái họ đáng được hưởng từ quan quyền.

Tiêu chuẩn dùng để phán xét nhà cầm quyền là hạnh phúc của dân chúng. Mạnh Tử chủ trương bớt hình phạt, nhẹ sưu thuế, dựa vào lòng dân trên cơ sở bản tính con người vốn thiện. Chính

nhờ thế mới có thể thiết lập sự ổn định chân chính cả xã hội lẫn chính trị. Việc an bang tế thế chỉ có thể tiến hành hữu hiệu bằng cách tôn trọng các nguyên tắc minh bạch.

2. Tuân Tử (k.313-239 tr.C.N.)

So với chư tử vừa kể, Tuân Tử chỉ là một nhà tư tưởng và nhà giáo thuần túy. Ông tên là Huống, tự Khanh, người nước Triệu, và gần như không bao giờ bôn ba các nước để tìm cơ hội an bang tế thế. Trong số học trò của ông, có hai người nổi tiếng là Hàn Phi và Lý Tư cùng theo phò Tần Thủy Hoàng trong cuộc nhất thống Trung Hoa. Tác phẩm tản văn lý luận của ông để lại thường được người đời sau gọi là sách Tuân Tử.

Người tính vốn ác

Trong khi Mạnh Tử nhất quyết "nhân chi sơ tính bản thiện" thì Tuân Tử chắc chắn rằng "Nhân chi tính ác, kỳ thiện giả ngụy dã: tính người vốn ác, những điều thiện là do người ta bày đặt". Nếu để tính ác ấy phát triển tự nhiên, sẽ đưa tới hỗn loạn tranh giành, thế nên phải vừa tăng cường lễ nghĩa giáo hóa, vừa dùng quy định đạo đức xã hội để sửa đổi nó.

Là người vô thần và duy lý chủ nghĩa, Tuân Tử đề ra một học thuyết tư tưởng có nguồn gốc Nho giáo và dung hợp với chủ trương pháp trị chủ nghĩa của Pháp gia. Trời của Tuân Tử phi nhân cách, được đồng hóa với thiên nhiên và quá trình tự nhiên. Như thế, nó đem nội dung Nho giáo của ông tới gần với Đạo giáo của Lão Tử.

Con người, tác nhân của xã hội

Không giống như Khổng Tử xem 'thiên ý', về phương diện nào đó, là cấu trúc lý tưởng và ngoại tại mà con người cùng các biến cố phải thuận theo nó, Tuân Tử tìm thấy trong quá trình tự nhiên

những đường lối chỉ đạo cho con người, vì tự nhiên giới và vận động biến hóa của nó hoàn toàn khách quan: "Trời vận hành theo qui luật thường, chứ không vì một người nào cả". Đạo trời chẳng liên quan gì tới đạo người; xã hội trị hay loạn đều do bởi con người.

Bản tính ác của con người, theo Tuân Tử, trước hết phải được thuần hóa bằng lễ giáo. Như thế, những nghi lễ tôn giáo thời sơ Chu trở thành luật tắc hạnh kiểm đối với Khổng Tử, nhưng sang tới Tuân Tử, ông nhìn Lễ như phương cách kiểm soát cuộc sống của những kẻ chưa được thuần hóa đầy đủ để trở nên thiện hảo. Vẫn theo đuổi Nhân trị nhưng với Tuân Tử, Lễ là công cụ trợ huấn để kiểm soát xã hội.

Lễ để giáo, Pháp để trị

Do đó, thật không ngạc nhiên khi ta thấy Tuân Tử đặt hành cao hơn trị, và đi tới chủ trương thống nhất Trung Hoa bằng chế độ trung ương tập quyền, vừa chấn hưng Lễ để giáo hóa, vừa đặt nặng Pháp để trị an, tôn trọng hiền tài, và dùng cả thuật vương lẫn thuật bá. Tuy thế, chính quyền có đứng vững hay không vẫn thuộc lòng người; Tuân Tử để lại câu nói danh tiếng, có tính qui luật: "Vua là thuyền, dân là nước, nước có thể chở thuyền, cũng có thể lật thuyền".

Về nhận thức luận, Tuân Tử cho rằng con người có khả năng nhận biết nguyên lý khách quan của thế giới tự nhiên. Hiểu tính của người là biết lý của vật. Con người có thể thông qua cảm quan và tâm để nhận thức thế giới khách quan. Đối với ông, tâm của con người là tâm điểm. Tâm có khả năng chứng nghiệm để biết mọi sự. Vì thế, muốn nhận thức toàn diện và thấu đáo, ta phải giữ cho tâm "trong sạch hư tĩnh". Ở chỗ này, quan điểm của Tuân Tử rất gần với Mạnh Tử.

Tóm lại, lối lập luận trong các phạm vi chính trị học, nhận thức
luận, đạo đức học kể trên, cho thấy Tuân Tử tuy theo duy lý chủ nghĩa, chống lại mọi hình thức mê tín, nhưng tựu trung vẫn là người nhân bản chủ nghĩa và nằm trong khuôn khổ Nho giáo chính thống.

Nhận xét tổng quát

Ba triết gia thời Tiên Tần là Khổng Tử, Mạnh Tử và Tuân Tử hình thành căn bản tư tưởng thời kỳ đầu của một học thuyết mà về sau càng ngày càng được nâng cấp và phát triển để biến thành quốc giáo của Trung Hoa.

Suốt trong ba thế kỷ cuối trước C.N., Nho giáo chấp nhận các nghi lễ. Trong ý nghĩa ấy, nó bắt đầu có chiều hướng càng ngày càng giống với một tôn giáo hơn là một triết học đạo đức và xã hội như ý định nguyên thủy của những người làm nên nó. Đồng thời, tư tưởng Nho giáo cũng càng ngày càng bị ảnh hưởng bởi lối mô tả đậm đà bản sắc Trung Hoa về sự quân bình trong tự nhiên, mang dạng thức Âm Dương.

Âm tiêu biểu cho nguyên lý cái, tĩnh, bóng tối, tiêu cực, đêm, mưa, v.v... Dương tiêu biểu cho nguyên lý đực, động, ánh sáng, tích cực, ngày, nắng, v.v... Quân bình Âm Dương quan trọng một cách đặc biệt trong truyền thống Đạo giáo, và chúng ta sẽ mô tả nó ở phần sau. Tuy thế, có một điểm ta cần để ý rằng Âm Dương là một quan điểm về tự nhiên, trong thực tế nó hầu như lập thành một học phái riêng biệt, được gọi là Âm Dương gia, và chắc chắn học phái ấy có ảnh hưởng lên cả Nho giáo lẫn Đạo giáo.

VI. Tân Nho giáo

1. Hán nho và Đường nho

Để kỷ cương hóa xã hội sau mấy trăm năm tao loạn và củng

cố chế độ quân chủ tân lập, nhà Hán (202 tr.C.N.-220 s.C.N.) tôn phong Nho giáo làm một định chế quốc gia. Dưới triều Hán Võ đế (140-87 tr.C.N.), thể theo kiến nghị của danh nho Đổng Trọng Thư (k.179-104 tr.C.N.), nhà vua chấp nhận Nho giáo là quốc giáo, và xoay quanh trục đó là Hán nho.

Đổng Trọng Thư tiến hành chế độ thi cử với nội dung chủ yếu là kinh điển Nho giáo, để tuyển người giỏi chữ nghĩa ra làm quan. Ông còn chọn trong Ngũ luân lấy ra ba giềng mối quân thần, phu phụ, phụ tử, và đặt tên là Tam cương. Cương nghĩa đen là dây chính của chiếc lưới từ đó mọi sự dính vào. Ông còn thêm Tín vào Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí để thành Ngũ thường, năm phẩm tính chuẩn mực bất biến của Nho gia. Như thế, có sự phân định rành mạch: Ngũ thường là năm đức của cá nhân, Tam cương là luân lý của xã hội.

Sang tới đời nhà Đường (618-906), đạo học Lão Trang phục sinh và Phật giáo du nhập, phát triển mạnh, đòi hỏi Nho gia phải giải thích lại kinh điển để đáp ứng nhu cầu mới của thời đại. Dù Ngũ kinh Tứ thư vẫn chiếm địa vị trọng yếu trong khoa cử và có những thành tựu tuyệt vời về văn chương, các tác phẩm của Nho gia hai thời Hán Đường vẫn chỉ là chú giải, ngoại trừ một số ý tưởng cập nhật của Đổng Trọng Thư và Vương Sung (27-79). Tuy hai danh nho ấy củng cố vị thế của Nho giáo bằng cách thông giải cổ truyền theo yêu cầu xã hội và chính trị, họ đã biết kết hợp suy tưởng triết học với những am hiểu có được từ kinh điển chính thống.

Phải chờ tới hai đời Tống Minh, tư tưởng Nho giáo mới có chuyển biến mới. Nho gia nỗ lực tái thông giải truyền thống để chống lại Phật giáo và Đạo giáo. Nhưng muốn phản bác có hiệu quả, phải am hiểu sâu sắc học thuyết của đối phương, và trong bối cảnh chung đụng đó, Nho giáo không thể không bị ảnh hưởng nhất định của hai nền triết học kia. Từ đó, mở tới một thời điểm tập đại thành khác, trong đó Nho học được Tống nho phục hưng

và nâng cấp, Minh nho bổ sung, làm thành cái được các học giả triết sử gọi là Tân Nho giáo hoặc Tân Khổng học.

2. Tống nho

So với Nho giáo truyền thống chú trọng thực dụng và giáo dục người dân bậc trung thành quân tử, Tống Nho có điểm rất khác biệt là:

1.Đi sâu vào lãnh vực siêu hình học;
2.Chú trọng tới phép tu dưỡng, quán tưởng;
3.Tu tâm dưỡng tính để thành thánh nhân.

Khí và Lý

Khí là nguồn gốc của vũ trụ vạn vật, chỉ tụ hay tán chứ không sinh diệt. Nho gia đưa ra quan điểm ấy là Trương Tái (1020-1077), triết gia thời Bắc Tống, người Mi huyện, nay thuộc tỉnh Thiểm Tây. Ông thi đỗ Tiến sĩ, làm quan cao và từng giảng học ở Quan Trung nên học phái của ông được gọi là Quan học. Tác phẩm triết học chủ yếu của ông là Chính mông, Dịch thuyết, Trương Tử ngữ lục. Từ khái niệm về Lý ấy, ông đưa ra học thuyết "Thái hư tức là khí". Thái hư không phải là khoảng chân không, mà là khí vô hình tan ra; nó vẫn là thực tại khách quan, có tính vật chất.

Khác với Trương Tái, Chu Đôn Di (1017-1073) chú trọng Lý hơn Khí; ông cho rằng vạn vật bẩm thụ cái lý của thái cực và cái tính của ngũ hành. Họ Chu người Hồ Nam, cuối đời ẩn cư ở Liêm Khê, dưới chân núi Lô Sơn, Giang Tây nên được gọi là Liêm Khê tiên sinh. Tác phẩm chủ yếu của ông có Thái cực đồ thuyết và Thông thư.

Dùng Thái cực đồ của đạo gia để giảng về vũ trụ, Chu Đôn Di cho rằng vũ trụ phát triển tuần tự theo qui luật Vô cực > Thái cực > Âm dương > Ngũ hành > Vạn vật > Vạn vật sinh sôi nảy

nở không ngừng nghỉ. Lý toàn thiện nên tính người cũng vốn thiện. Con người phải tu dưỡng bằng tĩnh tâm, vô dục để cho tâm sáng và thấy được bản tính và cái Lý toàn thiện.

Nhân, Lý và trí tri

Cùng là danh gia Lý học đời Tống có hai anh em họ Trình, học trò của Chu Đôn Di.

Trình Hạo (1032-1085), người Lạc Dương, Hà Nam ngày nay. Ông cũng theo Lý học nhưng nhấn mạnh đến Nhân. Tác phẩm để lại của ông có Minh đạo văn tập, bộ Nhị Trình tập. Tính khoan hòa, giản dị, ông cho rằng mọi vật đều hàm chứa khuynh hướng tới sự sống, cái làm thành đức nhân của trời đất. Nếu ta coi trời đất vạn vật là nhất thể thì mọi vật và mình đều thông suốt với nhau. Vạn vật đều có Lý, thuận với Lý thì tốt đẹp, trái với Lý thì tai họa. Xưa nay phong khí khác nhau nên khí dụng cũng khác nhau; xã hội biến đổi là chuyện tất nhiên. Vì thánh nhân thông suốt lẽ biến thiên của mọi sự nên tùy thời mà hành động khiến người dân không bị gượng ép, phiền nhiễu.

Trình Hạo đặt tri phải ngang với hành. Ông đúng là mẫu người quân tử hòa nhi bất đồng. Khi làm giám sát ngự sử, họ Trình thẳng thắn chống tân pháp của tể tướng Vương An Thạch, kẻ từng biếm Tô Đông Pha (1036-1101) ra Hàng Châu. Ông thường ngồi ung dung nghị luận về các biện pháp tiện hay bất tiện, bị họ Vương nghiêm sắc mặt, tỏ vẻ không bằng lòng. Trình Hạo từ từ nói rằng: "Việc thiên hạ không phải là việc bàn riêng của một nhà, xin bình khí mà nghe thì mới phải". Lời ông nói làm vị tể tướng độc đoán ấy hổ thẹn, phải nín nhịn ông.

Trình Di (1033-1107) tính nghiêm nghị cương quyết khác với anh và là người hiếu cổ, theo đúng từng chữ trong lời Khổng Tử nói, tự xem mình có nghĩa vụ kế thừa Nho giáo cổ truyền. Ông làm quan thường gặp hoạn nạn, thậm chí dạy học cũng bị nịnh

thần qui tội phe đảng, bắt giam và bắt giải tán học trò. Đối với Trình Di, trong thiên hạ chỉ có một Lý; nó vĩnh cửu, ta không thể thêm bớt gì được. Mọi vật trong thế gian nếu sinh ra đúng qui cách thì phải là sự nhập thể của một nguyên tắc nào đó. Vật nào sinh ra cũng có nguyên tắc nhất định riêng của vật ấy; theo Trình Di, nguyên tắc ấy là Lý.

Về đạo đức xã hội, Trình Di chủ trương trai gái có thứ tự cao thấp, vợ chồng có lễ tắc xướng tùy, và đó là thường lý. Con người phải bảo lưu thiên lý, diệt dục vọng. Có người hỏi ông, "Gái góa nghèo bơ vơ, có thể tái giá không?" Ông nghiêm chỉnh trả lời rằng, "Chết là việc nhỏ, thất tiết là việc lớn". Ông phát biểu về tu tâm dưỡng tính trong câu "Hàm dưỡng thì nên dùng lòng kính [nghiêm trang đạo mạo], muốn học thì trước hết phải trí tri [hiểu thấu vạn vật nhất thể]". Ông để lại rất nhiều sách, trong đó có Y Xuyên văn tập, Y Xuyên dịch truyện, Trình thị kinh thuyết, v.v...

So với triết Tây

Ở đây, ta thấy có điểm tương đồng thú vị giữa Lý như một nguyên tắc nhập thể làm nên sự vật với Hình thái của Plato, nhất là với Dạng thức của Aristotle khi nhà triết học Hi Lạp thứ hai này cho rằng chính Dạng thức quyết định quá trình tăng trưởng và kết quả. Thí dụ, chính vì Dạng thức nên hạt bắp mới trở nên cây bắp, mà không lớn thành cây lúa và hạt thóc.

Tập đại thành Chu Hi (1130-1200)

Lý học của các triết gia vừa kể được Chu Hi hệ thống hóa. Chào đời sau khi Trình Di mất 23 năm, ông cũng đi theo học phái ấy và trở thành nhà tư tưởng duy tâm nổi tiếng nhất kể từ các Nho gia thời Tiên Tần.

Chu Hi tên tự Nguyên Hối, hiệu là Hối Am, người ở Vụ Nguyên,

nay thuộc tỉnh Giang Tây. Ông là học trò bốn đời của Trình Di, nhà giáo theo đúng từng chữ của Khổng Tử và học trò của Chu Đôn Di, người tin vào Lý hơn Khí, cái là tín thuyết của Đạo giáo từ đời Hán.

Chu Hi bắt đầu như một người theo học Phật giáo nhưng vì không thể chấp nhận ý tưởng về vô ngã - không có bản ngã cố định - nên ông hướng tới truyền thống Nho giáo và rồi trở thành người trình giải chính của Tống Nho. Ông đậu Tiến sĩ niên hiệu Thiệu Hưng, làm quan tới chức Bảo Văn Các đãi chế kiêm Thị giảng cho vua Minh Tông.

Theo Nguyễn Hiến Lê trong Sử Trung Quốc, tập II, t. 63 thì: "Tính tình [Chu Hi] cũng nghiêm cẩn như Trình Di. Ông dậy từ mờ mờ đất, ăn mặc chỉnh tề, lại vái ở bàn thờ tổ tiên và bàn thờ Khổng Tử, rồi mới vô phòng viết. Lúc nào cũng ngay ngắn, y như lời Khổng Tử dạy. Rất có thứ tự, rất siêng năng. Môn sinh rất trọng, gọi là Chu phu tử. Học rất rộng, trứ tác rất nhiều: chú thích kinh Thi, kinh Dịch, và bộ Tứ thư".
Các lời giảng của Chu Hi được chấp nhận là chính thống trong một thời kỳ dài suốt hơn 800 năm, kể cả hai triều đại Minh và Thanh, cho tới thế kỷ 20, khiến hình thức Tống nho này thật sự ảnh hưởng sâu sắc trong quá trình kết cấu xã hội Trung Hoa, và có lẽ chỉ bớt đi từ lúc bỏ khoa cử, năm 1905, và bị tạm gián đoạn kể từ năm 1949, khi Cộng sản nắm chính quyền tại Hoa Lục.

Nguyên lý tối hậu

Nho giáo của Chu Hi có có tính siêu hình học hơn truyền thống trước đó. Dù chủ yếu vẫn là Nho gia, ông tiếp thu lý luận duy tâm của Phật giáo và Đạo giáo, lập thành một hệ thống Lý học lớn rộng. Đối với Chu Hi, Lý là phạm trù triết học tối thượng, là điểm xuất phát và cũng là điểm chung kết trong tư tưởng triết học của mình. Ông nhận định: "Trong khoảng trời đất, có Lý có Khí. Lý là hình nhi thượng của Đạo, là gốc của sinh vật. Khí là

hình nhi hạ của Đạo, là công cụ của sinh vật". Tuy Lý là gốc Khí là ngọn, Lý trước Khí sau, Lý là chủ của Khí nhưng cả hai nương dựa vào nhau và không bao giờ rời nhau.

Lý là nguyên lý tối hậu nằm đằng sau mọi sự: hằng cửu, bất biến và thiện. Lý của mọi sự là bản tính chân chính của chúng; nó là lý do khiến mọi sự hiện hữu như chúng là chúng. Do đó, tuy Lý có ý nghĩa tương tự Lễ, hiểu như "trật tự hoặc tác phong chân chính", nó lại liên quan toàn diện tới con người và vũ trụ. Nhưng không thể có sự vật nào chỉ là Lý, nó cần một cơ sở vật lý, một chất liệu thật sự để làm thành sự vật. Chu Hi gọi thành tố vật lý ấy là Khí. Nguyên lý tối hậu - Lý - được phô diễn trong mọi sự vật bằng một sức mạnh vật chất không bao giờ biến đổi - Khí - cái là năng lượng và vật chất của vũ trụ.

Như thế, Khí là sức mạnh vật chất của mọi sự mọi vật, tụ thì sinh sự sống, tán thì sinh sự chết; Khí sản sinh tâm trí và ý thức cùng thân xác, những cái cũng phát sinh như là kết quả sự hợp thành của sức mạnh ấy và chấm dứt một khi diễn ra sự phân tán của nó. Do đó, toàn bộ sinh tử là sự phô diễn trực tiếp của Khí. Khí của Chu Hi cũng có tính năng lượng như khí của Mạnh Tử. Chu Hi đã chú giải về khí hạo nhiên rằng: "Hạo nhiên là chỉ tình trạng to lớn, đầy khắp. Khí là chỉ cái thể sung mãn tràn đầy. Một khi đắc được khí hạo nhiên, con người làm điều nghĩa một cách dũng cảm, không chút sợ sệt".

Lý, Khí với Lễ và Chính tâm

Trong truyền thống Nho giáo trước Chu Hi, Lễ là thuật ngữ dùng để nói tới nguyên tắc, qui cách về động thái đức hạnh, có lẽ được diễn tả trung thực nhất bằng cụm từ "làm điều đúng đắn và thích đáng". Sang tới Chu Hi, ông đem Lý liên hệ với Tam cương: quân thần, phu phụ, phụ tử, và Ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, bằng cách tuyên dương rằng trong Lý có đầy đủ thuộc tính luân lý đạo đức. Như thế, về tổng quát, Lý của Chu Hi bao gồm

cả Lễ của tiên nho, và được ông gọi là "cái tối hậu vĩ đại".

Bao giờ cũng thế, trong triết học Đông phương, siêu hình học đưa dẫn tới các vấn đề đạo đức. Nhưng đối với Chu Hi, có một vấn đề căn bản. Đó là: "Nếu mọi sự do Lý chi phối, và nếu Lý là cái vốn thiện, thế thì cái ác đến từ đâu?"

Ông trả lời bằng cách cho rằng, dù bản tính con người, đúng như Mạnh Tử nói, vốn thiện, nó có thể bị tác dụng trì độn của các sức mạnh vật chất. Cái ác không có sức mạnh tích cực, đúng hơn, nó chỉ là một tập hợp những cái ô trọc trong dạng thức vật chất. Người và vật bẩm thụ Lý rồi mới có tính, bẩm thụ Khí rồi mới có hình. Như thế, bản tính của con người là sự phô diễn của Lý bên trong mỗi người.

Có thể trình bày sự việc ấy rõ ràng hơn bằng cách nói "quân bình hoặc mất quân bình". Trong trạng thái quân bình và hòa hợp tự nhiên, Lý của vũ trụ được phản ánh trung thực và mọi sự đều tốt lành. Trong trạng thái mất quân bình do bởi sức mạnh vật chất quá dày đặc, Lý bị méo mó mù mịt và kết quả là cái ác. Thao tác thông suốt của Lý trong một cá nhân được biểu lộ bằng Nhân, cái là hạnh kiểm chân chính và cao quí. Cá nhân có khả năng am hiểu Lý của mình, song le vì tâm trí mờ mịt bởi hiệu quả trì độn của loại Khí ô trọc khiến cho méo mó cái "tính vốn thiện" của mình.

Đối với Chu Hi, Lý thể hiện trong nhân tính là "thiên mệnh chi tính", là chí thiện. Cùng với nhân tính chí thiện ấy, con người còn có "tính khí chất". Để không bị "tính khí chất" phát sinh ra lòng tham muốn che mờ "tính chí thiện", ông khuyên ta "làm sáng lẽ trời, tiêu diệt tham muốn của con người". Điều quan trọng nhất của tự tu dưỡng là chính tâm. Muốn chính tâm thì phải tĩnh, phải kính, phải chuyên chú. Đó là một quá trình tước bỏ, xua tan các hiệu quả mờ mịt méo mó của Khí ô trọc để vén lộ cái Lý "chí thiện" đang nằm sẵn bên dưới.

So với triết Tây

Ở đây, có vẻ Chu Hi triệt để theo chủ nghĩa nhị nguyên với nguyên lý tối hậu ở bên này và vật chất ở bên kia, nhưng không giống với chủ nghĩa nhị nguyên tâm trí/thể xác trong triết học Tây phương.

Khí của học thuyết Chu Hi sản sinh cả tâm lẫn vật. Vì thế, khi nhìn vào Nho giáo, có lẽ ta sẽ an toàn hơn nếu không để mình vương vấn tới khái niệm nhị nguyên chủ nghĩa của Tây phương; ta chỉ nghĩ tới Lý và Khí của Tống nho như là "nguyên lý của thực tại" cùng "sự phô diễn thật sự của thực tại".

Cách vật trí tri

Về nhận thức luận, Chu Hi dựa theo thuyết Cách vật trí tri của hai anh em nhà giáo Trình Hạo và Trình Di, cùng một truyền thống và chào đời trước ông 100 năm: đối với mọi sự vật, ta phải biết rõ nguyên lý của nó (cách vật) để hiểu nó tới tận cùng (trí tri). Khi chú giải sách Đại học, Chu Hi đã viết về mệnh đề "trí tri tại cách vật" rằng: "[.] có nghiên cứu kỹ sự vật thì sự hiểu biết (tri thức, kiến thức) mới tới sau. Chữa căn bệnh của người đời hay suy nghĩ viển vông, không dựa vào thực tế. Nhưng hiểu biết vẫn phải tới nơi tới chốn mới được gọi là hiểu biết, nên ý 'thấu đáo' vẫn không bỏ mất".

Đối tượng của nhận thức theo Chu Hi là Lý; thông qua việc thấu triệt mọi sự vật, ta hiểu rõ và phát huy cái Lý vốn tiềm ẩn trong tâm ta. Một khi thẩm tra các sự vật, nhìn ra cách thức sức mạnh vật chất đang làm mờ mịt cái Lý căn bản, con người có khả năng chế ngự chúng. Tuy nhận thức luận của Chu Hi có tính duy tâm chủ nghĩa, nhưng nó bao hàm quan điểm biện chứng biến hóa bất tận khi ông phát biểu rằng "Vạn vật trong trời đất, chưa hề không có gì không đối kháng lẫn nhau". Hai cái đối kháng nhau

ấy cùng tồn tại, quan hệ, nương dựa và chuyển hóa với nhau, như Âm với Dương. Trong cái này có cái kia, sinh sinh hóa hóa. Ta sẽ tiếp tục nhìn kỹ hơn Âm và Dương ở đoạn dưới.

Thái Cực

Trong Tống nho, Lý cũng như Lễ trước đó, không chỉ có ý nói tới động thái bên ngoài mà còn là nguyên lý của lý trí hiện hữu một cách hằng cửu trong mọi sự vật. Quan điểm ấy làm nảy sinh thêm thuật ngữ Thái cực. Ngang đây ta có đầy đủ vũ trụ quan của Nho giáo: tại điểm khởi đầu của vũ trụ là Thái cực, cái là Lý của trời và đất, từ đó phát sinh Khí, cái là cơ sở vật chất của vạn vật. Khí phát sinh Dương (động), và Âm (tĩnh). Đối với Chu Hi, "trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, Âm tới cực điểm thì sinh Dương, Dương tới cực điểm thì sinh Âm, do vậy thần hóa vô cùng", và "một chia thành hai, đoạn nào cũng thế, cho đến vô cùng". Cứ thế, Âm và Dương biểu hiện quá trình biến đổi và quân bình đang diễn ra, rồi tới lượt chúng phát sinh kim, mộc, thủy, hỏa, thổ; năm hành chất ấy hợp thành mọi sự: Thái cực sinh Âm Dương, Âm Dương sinh Ngũ hành, Ngũ hành sinh Vạn vật, Vạn vật sinh sôi nảy nở không ngừng nghỉ. Ở điểm này, ta thấy bóng dáng của Chu Đôn Di.

Tuy thế, theo ý nghĩa nhất định, ngũ hành không hoàn toàn có tính vật lý; chúng chỉ có ý nói tới các đặc tính và thiên hướng bên trong mọi sự vật. Do đó, lý thuyết về ngũ hành trình bày cụ thể năm quá trình tự nhiên trong vạn vật theo cách làm cho chúng có khả năng liên quan tới cơ quan và và tính khí của con người.

a.Kim. Phế. Tính như sắt có thể thay đổi (tùy thợ rèn);
b.Mộc. Gan. Tính như gỗ, khi cong khi thẳng;
c.Thủy. Thận. Tính như nước thấm xuống dưới;
d.Hỏa. Tim. Tính như lửa nóng bốc lên;
e.Thổ. Tì. Tính như đất, cày xới tu dưỡng.

Như thế, ngũ hành là những biểu tượng của các quá trình ràng

buộc loài người với phần còn lại của tự nhiên, trong đó, từng cặp ngũ hành tương khắc tương sinh theo với toàn bộ quá trình sinh hóa và hòa nhập của vạn vật, làm thành quan niệm về nhân sinh và vũ trụ của người Trung Hoa.

So với triết Tây

Đối với Tống nho, đạo đức phản ánh sự quân bình tự nhiên trong vũ trụ. Trong vấn đề này, triết học Tây phương có những điểm tương đồng thú vị, cách riêng trong triết học tiền Socrates thời Hi Lạp cổ đại.
Ta có thể thăm dò các ý tưởng của Heraclitus. Giữa một thế giới mọi sự đang trong trạng thái liên tục biến đổi, Heraclitus tìm kiếm logos - nguyên lý nằm đằng sau mọi sự - và sự quân bình của vạn vật. Pythagoras cũng thế; ông nói tới phẩm tính đạo đức trong liên quan tới hành động tìm thấy sự phô diễn của hòa hợp thiêng liêng trong linh hồn con người.

So với Phật giáo và Đạo giáo

Việc canh chừng tâm trí thao tác là một phương pháp tự tu dưỡng có nhiều tương đồng với truyền thống Phật giáo, vốn cũng xem "smrti hay sati: chú tâm hoàn hảo" là đặc điểm chủ yếu, và chính truyền thống Thiền Phật giáo cũng có ảnh hưởng đặc biệt tại Trung Hoa. Ta cũng có thể thăm dò lối tiếp cận 'huyền lãm' của Lão Tử trong Đạo đức kinh với phương pháp giữ cho tâm hư tĩnh để có cái nhìn thấu suốt bản tính của sự vật, khiến cho 'không đi mà biết, không thấy mà hiểu'.
Rõ ràng phần lớn học thuyết Tống nho, cả Lý học Chu Đôn Di lẫn Lý Khí học của Chu Hi và sau này Tâm học Vương Dương Minh, đều chịu ảnh hưởng của tư tưởng Đạo giáo và Phật giáo. Từ thời này sang thời khác, đã có nỗ lực ở phía người Nho giáo nhằm tạo khoảng cách với siêu hình học chịu ảnh hưởng hai nền triết học ấy để quay trở lại với kinh điển chính thống của mình.

Tống Nho làm mất nước?

Cũng đã có thời người ta qui kết rằng do bởi Nho gia đời Tống một đàng quá trọng khoa cử tới độ sĩ tử chỉ biết từ chương, và một đàng học thuyết của Tống nho tuy huyền vi, cao siêu nhưng kém thực dụng nên Trung Hoa ngày càng suy vi khiến cho mất nước vào tay Mông Cổ.

Lý do thứ nhất có thể đúng vì theo Phùng Hữu Lan trong sách đã dẫn, t. 292, thì "Trong suốt triều Tống, nhà đại chính trị và cải cách Vương An Thạch (1021- 1086) soạn những lời 'tân giải' cho vài kinh điển ấy, và năm 1075, vua Thần Tông truyền chiếu công nhận lời chú giải của họ Vương là chính thức. Vương An Thạch nắm quyền điều khiển quốc gia." Trong bối cảnh khoa cử độc quyền "huấn hỗ: chú giải cổ văn" của một tể tướng khắc nghiệt và rồi thất bại ấy, đương nhiên cái học chỉ một chiều, nguyên khí quốc gia bị thương tổn, di hại sâu xa và lâu dài cho dân tộc.

Về lý do thứ hai, Nguyễn Hiến Lê trong sách đã dẫn t. 61, cho rằng: "Theo tôi, lời chê trách đó quá đáng. Tống nho không chịu trách nhiệm về sự mất nước vào tay Mông Cổ. Trách nhiệm về triều nhà Tống, mà cũng không hẳn như vậy nữa. Thời đó không dân tộc nào chống nổi với Mông Cổ (trừ Việt Nam [.]), trái lại nhờ sự giáo huấn của Tống nho nghiêm mà sĩ khí đương thời cao, người phương Tây rất phục".

Nguyễn Ước
(còn tiếp)

NHÌN LẠI BI KỊCH CỦA CON NGƯỜI TRƯỚC TỘI ÁC CỦA QUYỀN LỰC CHÍNH TRỊ VÀ NHỮNG QUAN NIỆM SAI LẦM VỀ TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ

Nguyễn Anh Tuấn
(Political Scientist)

(Bài số 3)

TINH THẦN CỰU ƯỚC VÀ TÂN ƯỚC: THÁNH KINH LÀ LUẬT THIÊN NHIÊN

Tại thế giới Tây phương, Cựu Ước và Tân Ước đã truyền vào Âu châu từ năm 42 AD, tức 2000 năm nay, nhưng những lời cảnh cáo của Thiên Chúa đã không hiểu thấu đáo. MƯỜI ĐIỀU PHÁN TRUYỀN CỦA LUẬT GIAO ƯỚC (Ten Commandments) về cái nguy hiểm cho con người khi họ tôn thờ ngẫu tượng và bái vật trong đời sống. Lúc đó con người sẽ vi phạm luật giáo ước đã ký kết với Thiên Chúa và sống xa rời Thiên Chúa và xa rời Thiên lý, cũng như đã bỏ mất luật của Trời cao. Vì sống nghịch Thiên, nên con người đã chứng kiến và lãnh nhận bao hình phạt kinh hoàng bởi sự phẫn nộ của Thiên Chúa. Hình ảnh ngẫu tượng của bò vàng mà dân Do Thái thờ lạy cũng có nghĩa là con người đã quay qua tôn thờ và đặt trọn niềm tin của họ vào những giá trị phù phiếm giả tạo của thế giới thuần túy vật chất hữu hình của thế gian để quay lưng trước luật Giao Ước (covenant) mà Moses đã được Thiên Chúa trao tận tay trên núi Sinai từ 3500 năm nay. Đây là luật của đạo đức vĩnh cửu dành để xây dựng con người, xây dựng gia đình và xây dựng quốc gia Do Thái. Tất cả phải xây dựng trên nền móng căn bản đạo đức ấy. Tất cả các luật về tôn giáo, luân lý, đạo đức, xã hội, chính trị hay kinh tế đều từ đó mà ra. Những luật lệ (the code of law) đó chi phối và hướng dẫn mọi khía cạnh của đời sống người dân và MỐI TƯƠNG QUAN

GIỮA DÂN VỚI THIÊN CHÚA, VÀ MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA NGƯỜI VÀ ANH EM ĐỒNG LOẠI.

Đối với các vương quyền, Thiên Chúa dặn rằng: "Người cầm quyền không được phán đoán xét xử bất công, không tôn trọng những người nghèo khó, hoặc không tôn kính những người có quyền năng đạo đức và phải xử dụng sự công chính để phán xét anh em các ngươi." (lev. 19, 15).
Các ngươi không được làm méo mó sự xét xử phán đoán, không được thiên vị, cũng không được nhận của hối lộ của kẻ khác, bởi vì hối lộ sẽ làm cho mắt các ngươi trở nên mù quáng và làm băng hoại lời người công chính.
Ngươi hãy sống theo những gì ta đã giao ước, để được sống an bình, và thừa hưởng Đất Hứa mà ta đã ban cho các ngươi (lev. 16:19, 20).

Sau này đến thời các tiên tri, họ cũng sống như các nhà hiền triết hay các thiền sư Phật giáo Đông phương. Tất cả qui tâm hướng nội để lắng nghe tiếng réo gọi của đấng Tạo Hóa. Sống một đời cô đơn, một cuộc đời lẻ loi đơn độc để cầu nguyện và hợp thông với Thiên Chúa. Những lời giảng dậy của các tiên tri thời Cựu Ước mang những đặc tính linh động.

Họ đã chiếu ánh sáng vào mỗi thời đại bằng cách nói về những nguyên tắc vĩnh cửu của trời đất luôn luôn cần thiết cho bất cứ hoàn cảnh nào của các thời đại. Công trình của Thiên Chúa từ bao ngàn năm qua vẫn còn có giá trị cho tất cả các thời đại. Họ đã lên tiếng chỉ trích những thói hư tật xấu trong đời sống xã hội, các vua chúa, các tư tế, các vương tôn và các nhà quý tộc.
Các tiên tri gồm có Amos, Hosea, Isaiah, Micah, Jeremiah, hay Ezekiel thời lưu đày.v.v...Các tiên tri đã đặt ra những nguyên tắc một cách rõ ràng để hướng dẫn, dìu dắt ngay trong đời sống về cách hành xử và ứng xử trên căn bản của luật đạo đức. Họ là những con người có phẩm hạnh cao quý, thường xuyên chống lại loại người chỉ muốn làm trọn phận sự bên ngoài như một bổn

phận thông thường. Tiên tri thường nổi giận, thúc dục, lên tiếng phản đối ,đứng dậy một mình để đưa ra những đòi hỏi mạnh mẽ về việc áp dụng những nguyên tắc đạo đức vĩnh cửu trong đời sống tôn giáo và chính trị. Họ cho rằng, dìu dắt, hướng dẫn trong cuộc sống con người trong thực tế quan trọng hơn tế lễ nhiều. Họ kêu gọi cải cách luân lý đạo đức và báo động về sự nguy hiểm khi làm hư hoại tâm của con người.

Mỗi thời đại cần phải duyệt xét lại lịch sử. Muốn duyệt xét lịch sử thì phải nhìn vào hoàn cảnh của xã hội để tìm hiểu về tôn giáo, chính trị, xã hội và kinh tế, nghĩa là phải nhìn vào mọi khía cạnh nền tảng cho cuộc sống của con người. Để có thể có được một sự giải thích về lịch sử, con người không thể thiếu sót mục đích tối hậu của Thiên Chúa về lịch sử đối với nhân loại. Phải biết xử dụng những tiêu chuẩn giá trị và những nguyên tắc vĩnh cửu của Thiên Chúa để duyệt xét lại thời đại của chúng ta.

Tiên tri Amos và Hosea đến với Miền Bắc Do Thái, và Isaiah và Micah đến với Miền Nam. Ở đó về phương diện tôn giáo thì gần như vô tôn giáo. Không có ai còn muốn nghe nói về đạo lý của Thiên Chúa nữa, mà chỉ muốn nghe bói toán, phù thủy nói về sự ích kỷ, giả dối và vô đạo đức. Phù thủy, mê tín dị đoan, và các tiên tri giả tràn ngập Do Thái. Những tà thần của nước lân bang ảnh hưởng nặng nề đến sinh hoạt tôn giáo. Con người thiếu hẳn tình thương, đạo đức và sự thanh liêm chính trực để người khác có thể tin tưởng.

"Con người lương thiện đã biến mất khỏi đất Do Thái. Những nhà luân lý đạo đức chẳng còn bóng dáng một ai... nhân tính của con người thì sống như bụi gai. Bạn bè cũng chẳng còn tin tưởng được nữa. (7:MC 2,4,5,6). Các tu sĩ thì cũng sa đọa hư đốn, tham lam, ích kỷ và vô luân (priests were corrupt, selfish, immoral, and greedy). Không còn tìm thấy điều gì tốt đẹp nơi tầng lớp lãnh đạo tôn giáo và xã hội. Những con người này phạm đủ mọi thứ tội lỗi; nhân phẩm, nhân cách và nhân tâm u ám băng

hoại đã giết chết ánh sáng tâm linh. Trong khi đó Micah cho rằng, luật giao ước là công bình, tự chế, lương thiện, cẩn trọng, nhân từ, chính trực liêm chính và khiêm cung bước đi bên cạnh Thiên Chúa.

Còn tôn giáo và chính trị thì vi phạm luật Giao Ước như sau: 1 - áp chế kẻ nghèo; 2 - lạm dụng quyền lực; 3 - thiếu sự liêm chính; 4 - cẩu thả, bừa bãi và bất xứng về tôn giáo; 5 - tiên tri giả; và 6 - đồi trụy vì tham trong tổ chức tôn giáo và chính quyền.

Ngoài ra Thiên Chúa còn dặn dò dân rằng: "Đừng khoác hào quang và vinh danh kẻ nào về sự khôn ngoan của nó. Đừng khoác hào quang và vinh danh thứ anh hùng. Đừng khoác hào quang và vinh danh những kẻ nhiều tiền lắm bạc; mà hãy vinh danh và khoác hào quang đúng chỗ — đó là hiểu biết SỰ TRỜI, và biết đến Ta, vì Ta là Thiên Chúa của các ngươi (Jer. 9:23).
Jeremiah cho rằng: "Tội lỗi là chuyện của TÂM và tội lỗi ấy phải được giải phẫu để gột rửa ngay từ cội nguồn sinh ra tội lỗi; đó là TÂM con người.

Giao Ước được Chúa Jesus giáng thế đưa đến để chú trọng tới TÂM con người từ tâm đó con người mới bảo đảm sự sống đích thực trên cuộc đời này và sự sống trong vương quốc của Thiên Chúa (The Kingdom of God) về sau. CỨU CÁNH CHO SỰ SỐNG TRÊN CUỘC ĐỜI TRẦN THẾ chỉ có ý nghĩa là sống không chỉ để sống; mà sống là để sửa soạn cho CỨU CÁNH TỐI HẬU VĨNH CỬU CỦA ĐỜI NGƯỜI. Trong khi đó khi giáng thế, Chúa Jesus đã từng nhắc nhở các môn đệ của Chúa rằng: "Đừng nghĩ rằng Ta đến để bỏ luật Giao Ước cũ và các lời dậy của các tiên tri; Ta không đến để loại bỏ, nhưng mà đến để tiếp nối bổ túc và kiện toàn viên mãn cho toàn bộ luật Giao Ước của Thiên Chúa" (Mathew, 5:17, 18).
Các nhà thần học Hoa Kỳ cho rằng, bài học về những luật lệ của đạo đức (ethical rules) đã được chính Chúa Jesus rút ra từ luật của Moses. Và Chúa Jesus đã chấp nhận Cựu Ước như

những lời của Chúa Cha. Tân Ước đã bước theo con đường đó để hoàn tất công trình lịch sử cứu độ cho toàn thể nhân loại. Như vậy Đất Hứa của Cựu Ước là Đất Hứa hữu hình ở Canaan, Tức Jerusalem ngày nay. Nhưng Đất Hứa của Tân Ước là Đất Hứa vô hình, tức vương quốc của Thiên Chúa (The Kingdom of God) là Vương Quốc Tâm Linh (The Kingdom of Spiritual Being) của nhân loại.

Chúa Jesus đến trần gian để thực hành công trình cứu độ của Thiên Chúa. Chính Chúa Jesus là trung gian và là chất keo nối liền con người với người Cha chung của tất cả nhân loại; bởi vì mối tương quan mật thiết giữa con người và Thiên Chúa đã đứt lìa gẫy đổ từ khi Adam và Eva ăn trái cấm tại Vườn Địa Đàng. Phải chăng trái CẤM là biểu tượng nói về DỤC VỌNG của con người? Và phải chăng con rắn chính là biểu tượng về sự cám dỗ của thế gian (temptation)? Thế gian chính là thế giới vô thường của thế giới vật chất hữu hình. Đức Phật gọi đó là thế giới giả tạm của sắc tướng vô thường. Các nhà hiền triết Đông phương gọi là thế giới của ngoại vật đang sinh sinh hóa hóa trong vũ trụ thiên nhiên. Con người từ khi đến với thế giới đó đều đã trở nên sa ngã (fallen men).

Trong truyện Khởi Nguyên, Thiên Chúa đã dựng nên con người từ cát bụi và đã thổi thần khí vào mũi Adam để đưa hơi thở vào sự sống và Adam đã trở thành một linh hồn hằng sống (living soul) (Gen. 2:71). Như vậy thần khí là linh khí, Thiên khí, khí hạo nhiên hay chính khí của trời đất vũ trụ theo các nhà Đạo Học Đông phương. Thần khí ấy đã tạo dựng nên con người và đem sự sống linh thiêng đến cho con người trên mặt đất này.

Khi giáng thế, Chúa Jesus đã phán với con người: "Ta là ĐẠO, là ĐƯỜNG, là SỰ THẬT và là SỰ SỐNG (I am the Way, the Truth, and the Life (Ga. 14:5). Sau khi Chúa Jesus chịu chết và phục sinh, trước khi về trời, Chúa đã cho các Tông Đồ biết: "Ta vẫn luôn luôn ở với các ngươi, và ở cho đến ngày sau chót của thế

gian (I am with you always, even unto the end of the world).

Trong một cuộc đối thoại về các tôn giáo (1970) giữa Paul Twitchell, một học giả Kito giáo người Anh với một đạo sư Ấn Độ giáo tại Hy Mã Lạp Sơn — ECKANKA, đã sống 400 năm và nay vẫn còn trẻ và vẫn còn sống trên Hy Mã Lạp Sơn, vị đạo sư này cho biết:

"Now let me tell you this, the teachers of all truth all teach us about the God Power; it has many names: God, Universal, Power, the Christ Power and others" (Paul Twitchell, "Dialogues With The Master" (1970), San Diego, CA, Illuminated Way Press, p.37).

"Bây giờ để tôi nói cho ông biết. Tất cả những vị thầy về chân lý, tất cả đều dậy chúng ta về Quyền Năng của Thiên Chúa. Quyền năng có nhiều tên gọi khác nhau, Thiên Chúa, Quyền Năng Vũ Trụ, Quyền Năng của Chúa Jesus và nhiều tên khác nữa." Riêng Chúa Jesus cũng mang nhiều biểu tượng khác nhau như Chúa đã phán:

Ta là Bánh của sự sống (I am the Bread of life).

Ta là Ánh Sáng thế gian (I am the Light of the world).

Ta là Người Chăn Chiên từ ái (I am the good Shepherd).

Ta là Cửa của nước Trời (I am the Door).

Ta là Người đã sống lại từ cõi chết (I am the Resurrection).

Ta là cây Nho (I am the true Vine).

Ta là Đạo (I am the Way).

(Trích từ: Willmington's Guide to the Bible, trang 614)

Đây đúng là Thiên Chúa Toàn Năng (God of Mighty), mà Chúa Jesus là hiện thân của tất cả quyền năng ấy. Adam thứ nhất được dựng lên từ trần gian, tức từ cát bụi và Adam thứ hai, theo các nhà thần học Hoa Kỳ thì Adam thứ hai từ Trời mà xuống để làm Con của Con Người (Son of Man), khoác xác phàm để đem

chính đời sống của Người, đem tình thương yêu vô hạn đến cho nhân loại bằng cách hy sinh mạng sống của chính mình để chịu khổ hình, chịu đóng đinh và chịu táng trong mộ sâu và ba ngày sau thì phục sinh. Tất cả những điều dậy dỗ không chỉ bằng lời; mà Chúa đã đem THÂN GIÁO để nói về ĐẠO LÝ, về CHÂN LÝ và về SỰ SỐNG của chính Thiên Chúa để mong chỉ cho nhân loại thấy đâu là CHÂN LÝ, đâu là ĐẠO LÝ và đâu là SỰ SỐNG tốt đẹp cho tất cả nhân loại

.

Trước khi Chúa về trời, Chúa đã rửa chân cho các Tông Đồ, và dặn họ rằng: "Ta rửa chân cho các ngươi vì lòng yêu thương các ngươi. Các ngươi hãy yêu thương lẫn nhau như Ta đã yêu thương các ngươi. Từ việc làm đó, con người sẽ nhận ra các ngươi là môn đệ của Ta (Ga. 13: 33,35). Như vậy TÌNH YÊU là nền móng căn bản cho cuộc sống giữa con người và đấng Tạo Hóa, giữa con người và anh em của họ. Chúa đã hỏi Simon cả ba lần: "Simon, con có yêu Thầy không?" Và cả ba lần Simon đều trả lời là: "Con yêu Thầy lắm." Chúa dặn Simon rằng, "nếu yêu Chúa thì hãy săn sóc đàn chiên, nuôi sống đàn chiên và dìu dắt giáo hóa đàn chiên của Thiên Chúa."

ĐÂY LÀ TRUYỀN THỐNG CỦA GIÁO HỘI KITO GIÁO và cũng là truyền thống của tất cả các tôn giáo và các dòng đạo lý Đông phương và Tây phương muốn đem đến để xây dựng cho đời sống con người. Chúa đã nói với Simon, tức thánh Phê Rô: "Này con là đá, trên viên đá này Ta xây giáo hội." Và những viên đá xây nên giáo hội mang một biểu tượng rực rỡ nhất, chói lòa nhất, vĩnh cửu nhất, vĩ đại nhất — BIỂU TƯỢNG ĐÓ CHÍNH LÀ TÌNH YÊU. Cuộc đối thoại giữa Chúa Jesus và Simon đã cho thấy được cả hai đều nhắc đi nhắc lại ba lần để cùng nói về tình yêu. Có ĐỨC TIN mới có TÌNH YÊU; có TÌNH YÊU mới có HY VỌNG cho tương lai, không chỉ tương lai cho ngững người Kito giáo, mà cho tất cả nhân loại.

Do đó, giáo hội của Chúa Jesus xây trên trần gian này đặt trên ba cột trụ chính: ĐỨC TIN (Faith), TÌNH YÊU (Love), và HY VỌNG (Hope).

Tôn giáo và đạo lý, theo quan niệm của "con người", càng ngày càng khô héo, càng ngày càng rũ liệt tàn tạ, càng ngày càng hấp hối hắt hiu trong cuộc sống. ĐỨC TIN, TÌNH YÊU và HY VỌNG bị dìm chết tức tưởi trong dòng sống chỉ thấy tôn thờ NGẪU TƯỢNG và BÁI VẬT. Con người ra sao thì quan niệm của họ như thế. Con người quan niệm ra sao thì họ sống theo thế đó, và cuộc sống của họ đã tạo ra thế giới ngày nay.

Nếu con người có cái TÂM xấu xa (evil conscience),
Nếu con người có cái TÂM yếu đuối (weak conscience),
Nếu con người có cái TÂM tăm tối (dark conscience),
Nếu con người có cái TÂM quá phàm tục (defile conscience),

thì họ sẽ tạo ra cuộc sống đúng như thế. Tâm xấu xa, tâm yếu đuối, tâm tăm tối, hay tâm phàm tục chính là chừng người cha đẻ ra nền văn minh tôn thờ ngẫu tượng và bái vật cho thời đại này (Idolatrous civilization). Trong đó ba thành phần cột trụ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm với cuộc sống mà họ đã tạo ra. Tôn giáo tôn thờ ngẫu tượng và bái vật. Trí thức tôn thờ ngẫu tượng và bái vật, và chính trị tôn thờ ngẫu tượng và bái vật.

Trên dòng sống của một thế giới tôn thờ ngẫu tượng và bái vật thì TÌNH YÊU phải chết, ĐỨC TIN phải chết và HY VỌNG cũng không làm sao sống được.

NỘI KHỞI TÂM TRUYỀN CỦA GIÁO HỘI TIÊN KHỞI (42-303 AD)

Theo các sử gia viết về lịch sử Giáo Hội (B. K. Kuiper, "The Church in History" (1951), Giáo Hội Tiên Khởi chỉ là một nhóm nhỏ nghèo nàn, thiếu học, nhưng GH đã vượt qua bao khó khăn để chịu đựng những thử thách kinh hoàng, những khổ đau chồng chất, những cay đắng vô bờ và cuối cùng là những khổ hình, khổ nạn với những cái chết muôn vàn đắng cay để cho những giọt

máu tử đạo được gieo xuống cho ĐỨC TIN, TÌNH YÊU và HY VỌNG đâm hoa kết trái đến muôn đời. Tuy nhiên, Thiên Chúa luôn luôn che chở và soi sáng và dẫn dắt GH. Chuyển điểm lớn lao của lịch sử chính là từ lúc GH bị trục xuất khỏi chiếc nôi là Jerusalem. Từ đó thánh Phao Lồ đã tiến về Judea, Samaria, Antioch tại Assyria. Sau đó thánh Phao Lồ đã tiến chiếm trái tim của Roma, trung tâm của đại đế quốc La Mã. Tại Roma, Constantive (307) đã hãnh diện trở thành Kito hữu và biến Kito giáo thành quốc giáo. Chính tinh thần Kito giáo đã làm cho đế quốc La Mã sụp đổ vào năm 476.

Thánh Phao Lồ đã đưa ánh sáng văn minh tinh thần (spiritual civilization) cho La Mã, và giúp để ổn định xã hội cho các quốc gia đang bị La Mã chiếm đóng thành Kito giáo. Mãi đến năm 1000 mà cả Âu châu vẫn chưa biết đọc, biết viết. Nhiệm vụ thiêng liêng (Holy Mission) của GH là Kito hóa Âu châu và các giáo sĩ của GH đã giáo dục các quốc gia Âu châu. Trong đó nước Pháp được Kito hóa đầu tiên. Chính quân sĩ của La Mã đã truyền Kito giáo vào nước Anh khi La Mã đang thống trị quốc gia này. Sau đó là Đức, Đan Mạch, Na Uy, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Nga Sô, và Hy Lạp. Năm 711-718 Hồi giáo tiến chiếm Âu châu, lấy Constantilope, Syria, Palestine, Ai Cập, và Bắc Phi châu. Chính Clovis đứng lên cứu Âu châu cho Kito giáo.
Theo Kniper thì mặc dù thời GH tiên khởi kéo dài khoảng 300 năm, nhưng thời các thánh Tông Đồ chỉ kéo dài khoảng 100 năm. Sau đó suy thoái vì chưa có Thánh Kinh. Và GH thượng cổ đã hiểu sai và diễn dịch sai Thánh Kinh của Cựu Ước và Tân Ước và những lời dậy của các thánh Tông Đồ. Họ thu nhận Kito hữu bừa bãi làm cho GH bị phân hóa.

Thời kỳ của các GIÁO PHỤ từ thế kỷ 4 và thứ 5 gồm có Ambrose, Jerome và Augustine. Tác phẩm quan trọng nhất là The City of God và Historical Philosophy. Nhà dòng đầu tiên xây tại Alexandria, Ai Cập, năm 46 chính Ambrose, Jerome và Augustine đã cho du nhập vào Âu châu. Ngoài ra thánh Ambrose

đã đến Bethlehem, Do Thái để học tiếng Do Thái và sau đó dịch Thánh Kinh ra tiếng La Tinh; và lần đầu tiên Âu châu có Thánh Kinh từ đó. Mãi đến năm 461, GH mới có Giáo Hoàng đầu tiên là Giáo Hoàng Leo I. GH Lớn mạnh, bành trướng và ảnh hưởng sâu và rộng tại các quốc gia Âu châu vì máu tử đạo của các thánh Tông Đồ đổ ra ngay từ Jerusalem đến Roma. Đây là giai đoạn cực kỳ quan trọng trong suốt 2000 năm Thánh sử của Kito giáo — bởi vì đây là giai đoạn NỘI KHỞI TÂM TRUYỀN và QUI TÂM HƯỚNG NỘI để ánh sáng của Thiên Lý cháy đỏ rực rỡ trong TÂM những con người Kito hữu đầu tiên trên trần gian này. Phật giáo gọi ánh sáng đó là trí huệ bừng sáng. Các nhà hiền triết Đông phương gọi ánh sáng đó "chiêu minh linh giác" của lương tri, lương năng của con người đã chinh tâm thành ý.

Sau thời kỳ của GH đi vào NỘI KHỞI TÂM TRUYỀN và QUI TÂM HƯỚNG NỘI để truyền bá Phúc Âm cho con người; sau GH tiên khởi, thì GH bắt đầu bước vào thời kỳ NGOẠI TÁC CÔNG TRUYỀN, TÂM TƯ HƯỚNG NGOẠI (461-2008). Hai thời kỳ lịch sử này mang đặc tính khác nhau rõ rệt và hậu quả lịch sử của hai thời kỳ TÂM TRUYỀN và CÔNG TRUYỀN cũng hoàn toàn khác biệt nhau. Ngày nay muốn tìm hiểu đặc tính của mỗi thời kỳ của Thánh sử 2000 năm Kito giáo thì như Đức Phật đã khuyên: "Lấy đại ngã làm đuốc soi đường, lấy đại ngã làm nơi nương tựa, lấy giáo luật làm đuốc soi đường, và lấy giáo luật là nơi nương tựa, ngoài ra đừng tin vào ai cả."

Thánh Phao Lồ cũng đã nói: "Chúng ta phải vâng theo Thánh Ý Chúa hơn là vâng theo con người (Act. 29-30). Thông điệp của Chúa Jesus dậy Hội Thánh Tiên Khởi là: "Và các ngươi sẽ đón nhận được quyền năng khi thần khí (Chúa Thánh Thần) đến với các ngươi và các ngươi sẽ là chứng nhân của Ta tại Jerusalem, Judea và Samaria, cũng như khắp cùng mặt đất" (Act. 1:8). "John đã làm phép rửa tội bằng nước, nhưng những ngày sắp tới các ngươi sẽ được thánh tẩy bằng thần khí."

Hình ảnh của thập tự giá trên đồi Golgotha mang ý nghĩa gì đối với con người và đối với toàn bộ văn minh tinh thần của nhân loại? Phải chăng ở đó Thiên Chúa chỉ cho con người thấy đâu là ý nghĩa của tình yêu và đau khổ. Thiên Chúa quá yêu thương con người và muốn hy sinh chính thân mình và đã đổ máu của chính mình vì yêu thương con người. Và điều quan trọng hơn cả là con người phải yêu thương anh em của họ, như chính Thiên Chúa đã yêu thương họ. Nếu con người biết thực sự yêu thương nhau thì họ sẽ sẵn sàng hy sinh cho nhau; sẵn sàng chết vì nhau. Đó là mối tương quan mà Thiên Chúa và tất cả các tôn giáo muốn xây dựng cho con người dưới trần gian này.

Nếu Thiên Chúa và con người chỉ có thể gặp gỡ nhau trên thập tự giá; thì con người và con người cũng không thể gặp nhau ở bất cứ nơi nào — ngoại trừ trên thập tự giá. Bởi Thiên Chúa là tình yêu — nên, con người không thể nào gặp được Thiên Chúa nếu họ không có tình yêu và không biết yêu thương là gì. Đó là tất cả lý do con người gọi Đạo Phật là Đạo TỪ BI! Các nhà hiền triết và đạo học Đông phương gọi Đạo Nho là Đạo NHÂN, và Kito giáo gọi là Đạo BÁC ÁI. Nếu ĐỨC TIN, TÌNH YÊU và HY VỌNG là nền móng căn bản cho đời sống của những người Kito giáo; thì làm thế nào để biết con người có đức tin không, có tình yêu không và có hy vọng không — nếu không có những thử thách?

Qua luật Giao Ước, Thiên Chúa đã phán với con người rằng: "Ta đưa đến với các ngươi sự sống và sự chết, lời chúc phúc và lời nguyền rủa; vì vậy hãy tự chọn lựa sự sống, ngỏ hầu các ngươi và con cháu các ngươi có thể sống (Deut. 30:19).
Thập tự giá là biểu tượng của khổ đau tột cùng, là quằn quại khắc khoải, là tủi nhục cay đắng vây phủ tứ bề và thập tự giá cũng là hình ảnh của sự chết kinh hoàng nhất, bi tráng nhất, trầm hùng nhất và cũng buồn bã nhất trong lịch sử nhân loại mà quyền lực chính trị và tôn giáo của thế gian đã dành cho Thiên Chúa của họ. Nhưng thay vì oán than, trách móc, nguyền rủa hay kết án

những kẻ đã đóng đinh mình, Chúa Jesus đã cầu nguyện: "Lạy Cha xin Cha tha thứ cho chúng; bởi vì chúng không biết việc chúng làm." Đúng như Đức Thế Tôn đã từng nói: "Con người chẳng có tội gì, ngoài tội vô minh" (ignorant). Để cứu vớt và giải phóng con người thoát khỏi sự vô minh, mịt mờ và mù quáng, Đức Phật đã réo gọi con người tìm kiếm ánh sáng giác ngộ; và Đấng Cứu Thế thì cho con người biết chính Chúa là ánh sáng thế gian và muốn các thánh Tông Đồ trở thành muối cho đời, và là ánh sáng để dẫn dắt tất cả nhân loại qui tâm hướng nội để tìm kiếm lại ánh sáng đang ngủ thiêm thiếp, ngủ miên man trong tâm con người.

Đó là mục tiêu tối hậu của việc QUI TÂM HƯỚNG NỘI để có NỘI KHỞI TÂM TRUYỀN để đưa dắt con người về lại với chính họ và về lại với đạo lý, chân lý, và thiên lý — nơi họ đã sinh ra và từ đó con người đã ra đi để đến với trần gian, một trần gian không chỉ có sinh - lão - bệnh - tử; mà trần gian này còn đầy dẫy sự mù quáng vô minh. Và thập tự giá là hình ảnh man rợ nhất, tàn độc nhất, phũ phàng nhất của con người trên trần gian này dành cho con người. Chính con người, hay chính vì sự vô minh của con người đã biến cuộc sống chung của con người trên trần gian này thành ra một địa ngục kinh hoàng suốt bao ngàn năm của lịch sử.

Tuy nhiên, thập tự giá, dù mang hình ảnh của sự chết, nhưng không có sự chết — thì không có sự phục sinh. Vì thế thập tự giá và nơi gặp gỡ giữa tình yêu và sự đau khổ, giữa đức tin và sự thử thách, giữa sự chết và sự phục sinh, giữa Thiên Chúa và con người, giữa sự đau khổ và hạnh phúc, giữa đạo lý và sự vô đạo, giữa bóng tối và ánh sáng, và cuối cùng là giữa xiềng xích nô lệ trói buộc và sự giải phóng để đưa đến sự tự do toàn diện con người.

Thập tự giá, cho đến hôm nay, văn minh nhân loại vẫn chưa kịp nhân ra ý nghĩa sâu thẳm về biến cố trọng đại đã xảy ra trên

đồi Golgotha vào 2000 năm trước đây. Biến cố lịch sử đó thật sự mang ý nghĩa gì?

Emil Brunner, giáo sư thần học, trong cuốn sách nhỏ viết về "Faith, Hope and Love", xuất bản tại Hoa Kỳ, có đưa ra một đoạn như sau để con người suy nghĩ:

Trên cây Thập Tự Giá của Chúa Jesus, Thiên Chúa nói với con người: "Đó là nơi các ngươi phải đến. Jesus, Con của Ta, đã bị treo lên ngay chỗ lẽ ra dành cho các ngươi. Bi kịch của Con Ta cũng chính là bi kịch của đời sống các ngươi. Ngươi đứng lên chống lại kẻ nào thì chúng sẽ treo cổ các ngươi. Nhưng, hãy biết rằng, Ta đau khổ thay vì các ngươi phải đau khổ; và vì các ngươi, và cũng bởi vì Ta yêu thương các ngươi trong sự chán ghét giận hờn cái gì làm nên các ngươi. Tình yêu của Ta dành cho các ngươi quá lớn lao rằng Ta gặp gỡ các ngươi trong tình yêu với tình yêu của Ta thể hiện trên thập tự giá. Ta không thể gặp các ngươi bất cứ ở đâu khác. Các ngươi phải gặp Ta tại nơi đó bằng cách nhận ra chính hình ảnh của các ngươi với người đang treo trên thập tự giá. Từ sự nhận biết như thế — Ta, Thiên Chúa, có thể hội ngộ với các ngươi, hội ngộ ngay trong TÂM sâu thẳm của các ngươi, để nói với các ngươi về điều gì Ta đã nói với Con Ta, 'Con yêu dấu của Ta'." (My beloved Son) (trang 21).

Thật quá sõ sàng, bi kịch của Chúa Jesus trên thập tự giá đúng là bi kịch của kiếp sống của con người. Tuy nhiên lại có rất ít người thực sự hiểu được Ý NGHĨA SÂU THẲM CỦA SỰ ĐAU KHỔ. Con người bước vào cuộc đời trần thế bằng tiếng khóc ngay khi con người chưa biết cuộc đời là gì. Đó là dấu hiệu báo cho con người biết KIẾP NHÂN SINH TRÊN CUỘC ĐỜI TRẦN THẾ NÀY BUỒN BÃ LẮM, KHỔ ĐAU LẮM, TRÁI NGANG LẮM, ĐỘC ÁC TÀN BẠO LẮM. Vì thế mà Nguyễn Du mới than thở:

" Những điều trông thấy mà đau đớn lòng."

Vì vậy kiếp nhân sinh cũng là kiếp đọa đày — bởi vì ở đó chính con người tạo ra sự buồn bã cho con người, chính con người làm đau khổ con người, chính con người gây ra những trái ngang chồng chất cho nhau và chính con người tạo ra sự độc ác tàn bạo cho anh em đồng loại của họ. Những kẻ thiếu hiểu biết thì oán trời, trách người; chỉ có những nhà hiền triết và các bậc thánh nhân mới "thượng bất oán Thiên, hạ bất vưu nhân" — trên không oán Trời, dưới chẳng trách người.

Con người đứng trước bi kịch nhân sinh — bi kịch quá buồn bã và đau khổ, con người thường thắc mắc: 1- con người từ đâu đến; 2- sự hiện hữu của con người có ý nghĩa gì? và 3- rồi con người sẽ đi về đâu? Đây là ba câu hỏi có liên quan đến sự sống và sự chết của con người. Qua bao ngàn năm, qua bao thời đại và qua bao thế hệ, toàn bộ sản phẩm trí tuệ gọi là "trí thức" của con người tự làm ra (man made) vẫn hoàn toàn bất lực trong việc trả lời thỏa đáng ba câu hỏi ngắn ngủi đó của con người. Chính sự bất lực thê thảm của mọi tầng lớp trí thức từ Đông qua Tây từ bao ngàn năm qua cho thấy, con người không có gì để tự mãn và kiêu hãnh về những vốn liếng hiểu biết của họ khi nó chưa bằng "một nắm lá trong lòng bàn tay của Đức Phật". Trước sự bao la của vũ trụ và đất trời thiên nhiên, con người phải khiêm tốn và khôn ngoan nhận ra rằng, chúng ta chỉ là những "hạt cát".

Tuy nhiên, con người — dù chỉ là hạt cát nằm bơ vơ hiu hắt và quạnh hiu ở đâu đó trong vòm trời này biết "lấy đại ngã làm đuốc soi đường, lấy đại ngã làm nơi nương tựa; lấy giáo luật làm đuốc soi đường, lấy giáo luật làm nơi nương tựa" — thì con người, dù vẫn nhỏ nhoi như hạt cát vẫn cưu mang một sức sống vô bờ, một ánh sáng chói lọi và một tiềm năng tuyệt vời.
Trong khi đó đời sống trí thức của con người thời hiện đại (1453-2008), thời đại của khoa học kỹ thuật và triết học duy lý đã vứt bỏ, không chỉ cái ĐẠI NGÃ TÂM LINH của họ, mà vứt bỏ luôn GIÁO LUẬT của trời cao nên không còn ánh sáng để soi sáng

và không còn gì để nương tựa. Sản phẩm lịch sử chính yếu của thời hiện đại là:

Chủ nghĩa nhân bản không có lương tâm.
Chủ nghĩa cá nhân không có lương tâm.
Khoa học không có lương tâm.
Triết lý không có lương tâm.
Chính trị không có lương tâm.
Tôn giáo không thi hành đức tin và bất lực trước tội ác chính trị.
Văn hóa không còn tình người.

Thực tế đó cho thấy văn minh của thời hiện đại là một thứ văn minh tôn thờ ngẫu tượng và bái vật (Idolatrous civilization). Trong nền văn minh đó, ĐỨC TIN đã chết, TÌNH YÊU đã tàn tạ héo úa và HY VỌNG cũng trôi theo dòng cuồng loạn của tâm tư.
Trái lại, chỉ có một nhóm nhỏ nghèo nàn, thiếu học bị trục xuất khỏi chiếc nôi của GH Kito giáo là Jerusalem để tiến chiếm được trái tim Roma của đại đế quốc La Mã và cuối cùng làm sụp đổ luôn đại đế quốc La Mã vào thế kỷ thứ 5. Đây là một bài học lịch sử văn minh vô cùng trọng đại, không chỉ cho GH Kito giáo, không chỉ các quốc gia Âu châu; mà cho tất cả văn minh nhân loại. Con người phải khôn ngoan nhận ra rằng toàn bộ nền văn minh tinh thần của cả Đông phương và Tây phương đang bị nền văn minh tôn thờ ngẫu tượng và bái vật của Âu châu khống chế và đè bẹp. Muốn thoát ra con người phải tìm mọi cách để phục hưng lại toàn bộ giá trị nền tảng của các nền văn minh tinh thần.

Con người và xã hội con người không thể chối bỏ sự cần thiết của mọi giá trị vật chất, nhưng nếu để giá trị vật chất trở thành giá trị tối thượng thì mọi giá trị tinh thần sẽ bị quên lãng và hủy diệt như đã diễn ra từ thời Phục Hưng tới ngày nay (1453-2008). Vì thế con người cần tìm lại sự thăng bằng cho cuộc sống về mọi

phương diện, và đặc biệt là sự thăng bằng giữa văn minh vật chất và văn minh tinh thần (material and spiritual civilization). Muốn hiểu được thế nào là sự mất mát ê chề của văn minh tinh thần thì nên nhìn vào những bi kịch não nề mà con người phải gánh chịu khi đi hoằng dương và truyền bá những giá trị tinh thần của dòng đạo lý để vực lại ĐỨC TIN cho con người, đem lại TÌNH YÊU cho con người, và đem lại HY VỌNG cho thế giới con người.

Trên cái hành trình "nan hành khổ hạnh" ấy, con người đã chứng kiến hình ảnh kinh hoàng và buồn bã của Thập Tự Giá trên đồi Golgotha, và hình ảnh của một nhóm nhỏ nghèo nàn và thiếu học tại Đông phương lên đường hoằng dương và truyền bá ĐẠO LÝ CỦA TRỜI CAO cho thế giới Tây phương từ 2000 năm trước đây (the True Way of God), rồi từ Tây phương truyền đi khắp mặt đất cho đến ngày hôm nay (2008). Đây là những bước chân đầu tiên của những con người đi xây nên GIÁO HỘI TIÊN KHỞI.

Chính thánh Phao Lồ cho biết, trong một ngày một cuộc bách hại đã xảy ra cho GH tại Jerusalem, và làm cho các thánh Tông Đồ bị tan tác khắp nơi tại các vùng như Judea, Samaria. Vương quyền là Saul đã khởi đầu những bước phá hủy GH, ông đã cho truy lùng từ nhà này qua nhà khác để lôi những người đàn ông và cả những người đàn bà vào ngục tối (Act. 8: 1-3).
Nếu đức tin là một thành tố căn bản cho cuộc sống của tín hữu Kito giáo thì đức tin đó cần được thử thách. Paul W. Posey cho rằng "không ai được cứu độ chỉ vì họ mua cuốn Thánh Kinh; và cũng không ai được cứu độ vì họ đọc Thánh Kinh mà không tuân hành theo giáo luật." Bởi vì Thánh Kinh là giáo luật và giáo luật là Thánh Kinh.

Ở giai đoạn Tiên Khởi, Tân Ước là Giáo luật và Phúc Âm chính là nội dung của Giáo luật ấy. Chúa Jesus đã ủy thác cho Simon săn sóc đàn chiên, nuôi sống đàn chiên và dìu dắt, giáo hóa

đàn chiên của Thiên Chúa. Đàn chiên chỉ là biểu tượng để nói về toàn thể nhân loại. Đây là đàn chiên của Thiên Chúa không phải đàn chiên của con người; nuôi sống là nuôi sống đời sống tâm linh cho con người; và dìu dắt giáo hóa là dìu dắt giáo hóa cuộc sống tâm linh của con người để đưa con người đi vào vương quốc của Thiên Chúa (The Kingdom of God) và sửa soạn xây dựng Vương Quốc của Thiên Chúa dưới trần gian này.
Điều quan trọng hơn cả là GH Tiên Khởi gồm toàn những người Đông phương nên họ hiểu giáo luật của Tân Ước theo tinh thần Đông phương. Khi truyền vào Tây phương, Thánh Kinh đã bị giải thích và diễn giải sai như các sử gia đã nhận xét — bởi vì giáo luật của cả Cựu Ước và Tân Ước đã được nhìn theo tinh thần duy lý (rationalism) và khoa học.

Thời đại này, khi duyệt xét lại lịch sử 2000 năm Kito giáo thì phải duyệt xét theo TINH THẦN ĐÔNG PHƯƠNG, nghĩa là phải lấy ĐẠI NGÃ TÂM LINH làm đuốc soi đường và lấy GIÁO LUẬT CỦA CỰU ƯỚC và TÂN ƯỚC làm đuốc soi đường để con người tìm lại chính mình và tìm lại những gút mắc chằng chịt của mọi thực tế của lịch sử để hy vọng tìm thấy một giải mã cho lịch sử.

Thực tế lịch sử cho thấy Giáo Hội Tiên Khởi:
1- Là những con người Đông phương.
2- Các Thánh Tông Đồ thuộc tầng lớp thiếu học và nghèo khó trong đáy tầng xã hội Do Thái;
3- Hành trình truyền bá Phúc Âm của họ mang tính chất "nan hàng khổ hạnh";
4- Cuộc sống của họ là Qui Tâm Hướng Nội để có Nội Khởi Tâm Truyền; và
5- Qui Tâm Hướng Nội nên đã được chính Thiên Chúa Tâm Truyền trợ giúp và soi sáng trên suốt một cuộc Nan Hành Khổ Hạnh của họ; và
6- Họ đem đến một ý nghĩa sâu thẳm về sự đau khổ của con người, và những phần thưởng vô biên từ sự đau khổ đó; và

7- Họ đã làm nổi bật được sự thăng hoa màu nhiệm nơi những con người có NỘI KHỞI TÂM TRUYỀN. Một sức mạnh tuyệt vời của ĐẠO ĐỨC VĨNH CỬU, và một ánh sáng rực rỡ chói lòa của đời sống tâm linh và tinh thần (spiritual being) nơi con người khi họ lên đường quần thảo và giao tranh với bóng tối của thế gian;
8- Họ nan hành khổ hạnh; bởi vì họ đã đói, đã khát, đã bị xua đuổi và phỉ báng, đã bị ném đá, bị xô vào tù ngục tăm tối và

cuối cùng cũng bị đóng đinh như Thiên Chúa của họ; và
9- vì nan hành khổ hạnh, nên họ trở thành mẫu mực ngàn đời cho ĐỨC TIN, TÌNH YÊU và HY VỌNG, không chỉ cho GH Kito giáo, cho Âu châu; mà cho đàn chiên của Thiên Chúa và tất cả anh em của họ trên khắp trần gian tăm tối và đau khổ này từ Đông qua Tây và từ Bắc xuống Nam.

Where there is Faith there is Love.
Where there is Love there is Peace.
Where there is Peace there is God.
Where there is God there is Hope.
(Mary L. Wagner)

Nơi nào có Đức Tin nơi đó có Tình Yêu.
Nơi nào có Tình Yêu nơi đó có Hòa Bình.
Nơi nào có Hòa Bình nơi đó có Thiên Chúa.
Nơi nào có Thiên Chúa nơi đó có Hy Vọng.

Từ đó hình ảnh của các Thánh Tông Đồ cho thấy Đức Tin của họ đã thể hiện trọn vẹn trên nan hành khổ hạnh để truyền bá Phúc Âm cho con người. Vì thế Thánh Phê Rô (Peter) mới nói: "Sự khổ nạn gian nan càng lớn thì phần thưởng đời đời càng lớn hơn Để đi đến mức độ đau khổ như những tín hữu phải chịu đựng bây giờ. Chúng ta sẽ hạnh phúc biết bao khi chúng ta vào được nước trời (nước trời trong lòng chúng ta; bởi vì chúng ta

đã nhìn thấy phần thưởng cao quý ấy qua chính sự đau khổ của chúng ta (1 Peter. 4:13).

Các nhà thần học Hoa Kỳ cho rằng, Thiên Chúa đem đến những đau khổ trên đường đời để xô đẩy chúng ta quay về với Thiên Chúa, và làm những điều giúp chúng ta thoát khỏi vòng vây hãm của vị kỷ vị ngã. Mẫu mực điển hình nơi Thánh Phao Lồ là một bằng chứng hùng hồn cho thấy sự đau khổ của nan hành khổ hạnh có liên quan mật thiết đến sự phát triển lớn mạnh đời sống tâm linh của chúng ta.

God has not promised skies always blue,
Flower strew pathways all our lives through.
God has not promised sun without rain,
Joy without sorrow, life without pain;
But he has promise strength for the day.
Rest for the weary, Light for the day.
(Dick Johnson)

Chúa đâu hứa bầu trời sẽ mãi mãi xanh lơ,
Suốt đường đời hoa trải bước chân đi.
Chúa đâu hứa dưới ánh mặt trời chẳng có mưa rơi,
Niềm hoan lạc vắng bóng u sầu, cuộc đời chẳng thấy đớn đau;
Nhưng Chúa hứa ban cho sức mạnh trong đời.
Khi mệt mỏi có chỗ nương tựa, trong đường đời có ánh sáng dẫn đường.

Vì thế các Thánh Tông Đồ, dù đã thấy Thánh Phao Lồ bị ném đá và nguyền rủa tại Lystra, nhưng họ vẫn kiên cường đón nhận thử thách sức mạnh của đức tin trước quá nhiều khổ đau trên đường hoằng dương Đạo lý của Thiên Chúa, và truyền bá Phúc Âm. Nhưng tất cả vẫn cho rằng, Thiên Chúa đem đến những gian nan khốn khó và những đau khổ tủi nhục cho cuộc đời của những tín hữu Kito bởi nhiều lý do và có nhiều mục đích làm sao để những thử thách đó làm cho đức tin trở thành mạnh mẽ hơn.

Tuy nhiên ý chí phấn đấu của các Thánh Tông Đồ như có một sức mạnh siêu nhiên khiến cho đức tin của họ trở thành sắt thép hơn. Họ nói: "Chúng ta chịu trăm cay ngàn đắng, nhưng vẫn không bị nghiền nát; băn khoăn bối rối khôn tả xiết, nhưng không thể tuyệt vọng chán nản; bị hành hình tơi tả, nhưng vẫn bám chặt lấy mục tiêu; bị dìm xuống bao nỗi chết, đắng cay, mà vẫn không bị hủy diệt (v v. 8-9). Chỉ vì tình yêu dành cho Thiên Chúa và dành cho đồng loại anh em, Thánh Phao Lồ vẫn nhắc lại với các tín hữu Galatians: "Nếu anh em là môn đồ của Chúa Jesus ... tất cả vấn đề chỉ là ĐỨC TIN, đức tin đó được thể hiện trong tình yêu thương của anh em dành cho kẻ khác (Galatians 5:6).

Trên hành trình đăng đẳng của nan hành khổ hạnh, lời của tiên tri Isaiah vẫn còn khắc sâu trong tâm của những con người chứng nhân của Thiên Chúa trước thế giới con người:

"Đừng sợ hãi, bởi vì Ta sẽ cứu vớt các ngươi. Ta đã nhân danh tên Ta mà réo gọi tên của các ngươi. Các ngươi là con cái Ta. Khi các ngươi vượt qua các dòng sống điêu linh, Ta sẽ có bên các ngươi; khi các ngươi phải vượt qua sông sâu chảy xiết, nước sẽ không thể ngập trên đầu các ngươi. Khi các ngươi bước qua lửa cháy, các ngươi sẽ không bị thiêu đốt, lửa cũng không làm cháy bỏng thịt da. Bởi vì Ta là Chúa, Thiên Chúa của các ngươi, là đấng chí thiện, chí thánh, đấng cứu thế của các ngươi (Isa. 43:1-3).

Chính Chúa Jesus là mẫu mực rõ nét nhất để cho con người noi theo, con người cần mẫu mực đó khi họ phải bước qua những khó khăn thử thách, những tra tấn hành hình sự khổ đau tủi nhục, và những cám dỗ giăng mắc khắp nơi trên vạn nẻo đường đời, nhưng các môn đệ của Chúa vẫn hiên ngang, vẫn thản nhiên bước theo con đường Đạo lý của Thiên Chúa (The true Way of God) — bởi vì chẳng bao giờ quên lời dặn của Thầy mình:

"Kẻ nào không vác thập giá của họ, và không theo bước chân của Ta thì không xứng đáng với Ta. Kẻ nào cố giữ sự sống cho riêng mình thì sẽ mất mát sự sống, nhưng kẻ nào quên mình vì danh Ta, thì sẽ tìm được sự sống đích thực (v v. 38-39).

Nói tóm lại, bổn phận và trách nhiệm của Giáo Hội Tiên Khởi là gì và mục đích của GH là gì? Các nhà thần học Hoa Kỳ cho rằng, Thiên Chúa là đấng Cứu Chuộc sẽ gặp gỡ con người trong đời sống của mỗi cá nhân cũng như giúp họ những gì mà họ cần có trong cuộc sống, và sự thay đổi chuyển hóa đời sống Thiên Chúa sẽ hướng dẫn và tác động để được đến một đời sống mới mẻ và tốt đẹp cho con người. Thiên Chúa ưu tư tới SỰ THAY ĐỔI CHUYỂN HÓA ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI TRONG XÃ HỘI.

Và chuyển hóa tâm thức sẽ đương nhiên dẫn đến sự thay đổi chuyển hóa đời sống xã hội và đời sống các quốc gia và cả thế giới. Từ những quan điểm nền tảng đó, con người phải thấy Cựu Ước và Tân Ước không khác gì các dòng Đạo Học Đông phương. Nếu các nhà Đạo Học Đông phương đều cho rằng trời đất và vũ trụ thiên nhiên với tâm của con người chỉ là MỘT (Thiên lý tại nhân tâm), thì luật của Giao Ước trong Cựu Ước và Tân Ước cũng là luật thiên nhiên. Thánh Kinh là luật thiên nhiên và luật thiên nhiên là Thánh Kinh.

Trong cuốn "The Confession of Augustine", Thánh Augustine đã đưa ra hai điều rất quan trọng: phần đầu nói lên ý nghĩa là tất cả vạn vật trong thiên nhiên đều tốt đẹp; trong đó Thiên Chúa là nguồn gốc và là trung tâm đã sản sinh ra vạn vật tất cả đều có giá trị. Và phần thứ hai ông cho rằng mỗi vật đều tốt đẹp nếu ở đúng vị trí trật tự của nó (natural order), trật tự đó biểu thị cho cái chân thiện mỹ của mỗi vật, nó sẽ làm nên cả một trật tự của vũ trụ. Thánh Augustine tuyên bố rằng, bởi vì nếu những vật bị tách lìa khỏi cái chân - thiện - mỹ của nó, thì không còn tốt đẹp nữa. Từ điểm đó muôn vật đều giữ đúng vị

trí trong thiên nhiên thì sẽ sản sinh ra tất cả mọi sự hài hòa tốt đẹp. Nhưng nếu tính tự nhiên trở nên hư hỏng vì những xấu xa thì tính tự nhiên mất đi. Tuy nhiên, không có sinh vật nào tuyệt đối xấu cả; bởi vì tất cả vạn vật còn đang trong tiến trình biến hóa, trở nên, trở thành.

Con người cũng thế, con người đều có khả năng sáng tạo, nhưng quyền năng này bị giới hạn. Con người được tạo nên thành một khả năng tương đối; họ khác với đấng Tạo Hóa. Họ được tạo ra từ vật chất và đã phú cho cái thiên tính (divine character) để sống và tiến hóa. Con người là tạo vật hữu hình của Tạo Hóa, và họ có thể trở thành siêu việt qua khả năng sáng tạo của họ. Thiên Chúa luôn luôn muốn soi sáng và trợ giúp cho con người hướng tới vị trí cao quý trong trật tự đạo đức của Thiên Chúa, chính từ cái trật tự đạo đức đó mà thế giới được tạo thành.

Qua các tiên tri, Thiên Chúa đã nói về ý hướng của Thiên Chúa và mục đích của Thiên Chúa trong lịch sử. Thiên Chúa đã tỏ mình cho biết chính Thiên Chúa là đấng Tạo Hóa, là toàn năng, tối thượng và là đấng sẽ cứu chuộc con người. Thiên Chúa đã gọi trật tự của trần gian là trật tự giả tạm (temporal order) có sự hiện hữu của Thiên Chúa. Thiên Chúa vẫn duy trì trật tự giả tạm đó và sẽ đem đến cho trật tự giả tạm một sự tựu thành viên mãn, đó chỉ là một phần của sự thành tựu trong lịch sử; và sự tựu thành trọn vẹn viên mãn (completion) nằm ở giai đoạn kết thúc của lịch sử. Điều này có ý nghĩa là — đây là sự đòi hỏi nơi các tiên tri và Chúa Jesus đến để hoàn tất cái Thiên Mệnh để đem Vương Quốc của Thiên Chúa đến với lịch sử. Trật tự giả tạm rồi sẽ qua đi nhưng sự vĩnh cửu thuộc về Thiên Chúa...

Sau chót từ khi con người là một tạo vật hay sinh vật (creature) mang bản tính tự nhiên của nó, định mệnh của họ sẽ được định đoạt bởi đấng Tạo Hóa, định mệnh ấy chỉ có ý nghĩa tốt đẹp khi mối tương quan mật thiết giữa con người và đấng sáng tạo ra vũ trụ được phục hoạt. Sự hoàn tất đó sẽ đến khi con người

nhận ra KHUÔN MẶT NGÀN ĐỜI của họ (True self). (trích E. Clinton Gardner "Biblical Faith and Social Order", p.105). Muốn giúp con người tìm được khuôn mặt ngàn đời đó thì phải đi vào Nội Khởi Tâm Truyền.

Nói tóm lại, những quan niệm sai lầm và hẹp hòi của tôn giáo và chính trị là nguồn gốc đã khai sinh ra "sự hư hỏng đồi trụy thê thảm của lịch sử của con người." Muốn đánh giá lại lịch sử, con người không thể đem quan niệm của riêng con người để duyệt xét — mà phải nương tựa vào ĐẠI NGÃ TÂM LINH và GIÁO LUẬT của các chính giáo. Khi con người đã nhận ra Cựu Ước và Tân Ước chính là luật của trời đất và vũ trụ thiên nhiên, thì con người cũng phải nương tựa vào những nền tảng căn bản đó để xem xét lại mọi thực tế của lịch sử. Và cuộc duyệt xét cho chúng ta thấy TINH THẦN GIÁO HỘI TIÊN KHỞI là một ánh đuốc soi đường rực rỡ nhất, chói lòa nhất và đáng tôn vinh ngợi khen nhất. Ở đó cuộc cải cách tôn giáo (reformation) vào đầu thế kỷ 16 (1517) phải được coi là một nỗ lực cứu vãn nền văn minh Kito giáo đã và đang bị bao kẻ thù hung hiểm tấn công tứ bề, tấn công liên tục bao thế kỷ qua. Nếu muốn chiến thắng tội ác chính trị đã và đang gieo bao đau thương thảm khốc cho tất cả nhân loại từ Đông qua Tây, thì con người phải tìm lại quan niệm tôn giáo và chính trị của Tân Ước và Cựu Ước, cũng như các bậc giáo chủ đã dậy. Chỉ đến khi đó ánh sáng của vương đạo mới có thể thay đổi và chuyển hóa "sự suy đồi hư hỏng thê thảm của lịch sử con người."

Oklahoma, Tháng 4 - 2008

TẬP SAN THẾ ĐẠO

Chủ Trương
Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Chủ Nhiệm
HT Nguyễn Ngọc Dũ
Chủ Bút
Tố Nguyên

Phụ Trách Kỹ Thuật
Ngọc Dao - Thanh Điền
Phụ Trách Phát Hành
Duy Hòa

Công Tác Thường Xuyên
B.S Nguyễn Văn Thọ -TS Nguyễn Anh Tuấn
HT.Lê Văn Thêm- HT.Mai Văn Tìm-Bạch Y
Duy Văn-HT.Nguyễn Trung Đạo-Tố Nguyên
Trần Công Bé-Song Nguyên-Vân Dương
Quang Thông-Đạt Thông Dương Văn Ngừa.

Yểm Trợ
Bài vở gởi đăng & Tài Chánh yểm trợ
Ban Thế Đạo Hải Ngoại/ Tập San Thế Đạo
xin gởi về:
Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone: 408-238-6547 & 408-262-4209
Fax# 408-440-1372
Email: dutani@comcast.net

www.banthedao.org

SANDY DENTAL P.C.

served the North West since 1987

1672 McKee Road - San Jose - CA 95116

(góc đường McKee & McDonald Ave, giữa 101 & đường King)

(408- 272- 3999)

SANDY DENTAL P.C.

Hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tín nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, do nhiều Bác Sĩ Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh nghiệm điều hành.

Trung Tâm Nha Khoa
Dentista
SANDY DENTAL P.C.
408-272-3999

Đặc biệt:

* Game station cho trẻ em và Cable TV.
* Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ $80, khám và làm sạch răng chỉ có $35.
* Giá cả nhẹ nhàng, uy tín, kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.
*Tiếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã có vườn cây, có suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu.
* Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental P.C. để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười duyên dáng.

Giờ Mở Cửa

Thứ Hai- Thứ Bảy: 9.00AM- 6.00AM

Nhận Các Loại Bảo Hiểm
Medi-Cal, Healthy Family
Santa Clara Healthy Kids

VISA MasterCard

SANDY DENTAL P.C.
1672 McKee Rd, San Jose, CA 95116
(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mì Lacay, giữa 101 & đường King)
(408) 272- 3999

COUPON

* Tẩy trắng Răng (Tooth Whitening) **$80**
Giá bình thường $300

SANDY DENTAL P.C.
1672 McKee Rd, San Jose, CA 95116
(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mì Lacay, giữa 101 & đường King)
(408) 272- 3999

COUPON

* Khám tổng quát * X-Rays
* Làm sạch răng(Cleaning) **$35**
*Giá trị cho giá bình thường $151
bệnh nhân đến khám lần đầu.

TẬP SAN THẾ ĐẠO
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại : 408-238-6547
Fax # 408-440-1372